BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP.HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4066/QĐ-ĐHKT-CSHTNH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
V/v công nhận kết quả rèn luyện sinh viên học kỳ 7 và toàn khóa học Khóa 45 - ĐHCQ (trừ ngành Kế toán và chương trình Cử nhân tài năng)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-ĐHKT-HĐT ngày 08 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng trường về Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 2489/QĐ-ĐHKT-CSHTNH ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định Đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên đại học chính quy;

Căn cứ Quyết định số 2075/QyĐ-ĐHKT-NHSU ngày 17 tháng 7 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh về Quy định về các hội đồng thuộc cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Chăm sóc và hỗ trợ người học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả rèn luyện sinh viên học kỳ 7 và toàn khóa học Khóa 45 - ĐHCQ (trừ ngành Kế toán và chương trình Cử nhân tài năng).

Điều 2. Các ông (bà) Trưởng phòng Chăm sóc và hỗ trợ người học, các Trưởng đơn vị liên quan và sinh viên Khóa 45 - ĐHCQ (trừ ngành Kế toán và chương trình Cử nhân tài năng) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, CSHTNH .

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP.HỒ CHÍ MINH

TS. Bùi Quang Hùng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP.HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ RÈN LUYỆN SINH VIÊN HỌC KỲ 7 VÀ TOÀN KHÓA HỌC KHÓA 45 - ĐHCQ

(trừ ngành Kế toán và chương trình Cử nhân tài năng)

(Kèm theo Quyết định số 4066/QĐ-ĐHKT-CSHTNH ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh)

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
1	AB001	31191023086	Hoàng Thiên	Ân	53	63	
2	AB001	31191023099	Nguyễn Huỳnh Hoài	Bảo	68	67	
3	AB001	31191024964	Phạm Cao	Danh	68	65	
4	AB001	31191027270	Phạm Thị Thùy	Dương	68	71	
5	AB001	31191023214	Trần Vũ	Đồng	68	64	
6	AB001	31191023225	Võ Đình Minh	Đức	51	57	
7	AB001	31191026386	Nguyễn Thanh	Hải	66	62	
8	AB001	31191023254	Đinh Ngọc	Hạnh	62	75	
9	AB001	31191027121	Lương Thị Thu	Hiền	68	79	
10	AB001	31191023338	Chung Minh	Huy	61	62	
11	AB001	31191026289	Phùng Thị Ngọc	Huyền	67	70	
12	AB001	31191027277	Vũ Đình	Kiên	68	65	
13	AB001	31191025865	Lý Mỹ	Khánh	69	70	
14	AB001	31191020324	Lê Đức	Mạnh	68	64	
15	AB001	31191025416	Võ Thị Thu	Nga	68	66	
16	AB001	31191021125	Ngô Thị Thanh	Ngân	69	81	
17	AB001	31191025277	Nguyễn Hữu	Nghĩa	66	74	
18	AB001	31191025595	Nguyễn Phương	Nhã	69	78	
19	AB001	31191025036	Phan Ngọc Uyên	Nhi	70	68	
20	AB001	31181021147	Phan Nguyễn Huỳnh	Như	67	72	
21	AB001	31191026401	Đỗ Thành	Phát	63	68	
22	AB001	31191025289	Trần Kim	Phát	70	72	
23	AB001	31191021619	Võ Anh	Phương	68	70	
24	AB001	31191021129	Nguyễn Thị	Quý	68	78	
25	AB001	31191023901	Nguyễn Minh	Tâm	61	66	
26	AB001	31191026876	Lê Đình	Tiến	67	68	
27	AB001	31191024061	Nguyễn Minh	Tiến	53	59	
28	AB001	31191024070	Võ Minh	Toàn	60	61	
29	AB001	31191024071	Lý Nguyễn Cẩm	Tố	70	86	
30	AB001	31191024182	Trần Minh	Tú	53	53	
31	AB001	31191023932	Trần Minh	Thanh	67	72	
32	AB001	31191026673	Đặng Quốc	Thịnh	67	67	
33	AB001	31191024856	Phạm Thị Kim	Thoại	68	77	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
34	AB001	31191024018	Ngô Thị Kim	Thủy	68	67	
35	AB001	31191024034	Nguyễn Ngọc Phương	Thư	63	70	
36	AB001	31191024644	Phan Thị Quỳnh	Thương	70	73	
37	AB001	31191020763	Trần Lê Hoài	Thương	71	78	
38	AB001	31191024651	Đậu Thị Ngọc	Trâm	73	79	
39	AB001	31191026539	Huỳnh Bích	Trâm	63	70	
40	AB001	31191026697	Huỳnh Lê Khả	Trân	63	65	
41	AB001	31191024656	Hoàng Minh	Trung	68	67	
42	AB001	31191025115	Trần Thị Thảo	Vân	51	59	
43	AB001	31191026914	Trần Thị Tường	Vi	65	64	
44	AB001	31191025929	Quách Quốc	Vương	70	70	
45	AB001	31191024280	Hoàng Thanh	Vy	66	64	
46	AB001	31191024948	Trần Thị Như	Ý	63	67	
47	AD001	31191025719	Diệp Trần Huỳnh	Anh	74	79	
48	AD001	31191021963	Lê Thị Hoàng	Anh	76	89	
49	AD001	31191027193	Lê Thị Lan	Anh	62	62	
50	AD001	31191023054	Nguyễn Minh	Anh	67	73	
51	AD001	31191023044	Nguyễn Thị Thùy	Anh	67	81	
52	AD001	31191026427	Nguyễn Hữu	Duy	63	65	
53	AD001	31191025141	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	69	75	
54	AD001	31191027018	Tô Thị Ngọc	Duyên	69	78	
55	AD001	31191025725	Phan Ngọc Ánh	Dương	71	74	
56	AD001	31191023230	Hoàng Lệ	Giang	69	75	
57	AD001	31191026435	Nguyễn Thị Hoàng	Giang	68	69	
58	AD001	31191020019	Lê Nhật	Hào	68	68	
59	AD001	31191025372	Dương Ngọc	Hân	60	65	
60	AD001	31191026444	Nguyễn Huỳnh Bảo	Hân	75	82	
61	AD001	31191025547	Trần Thị Mỹ	Hân	69	78	
62	AD001	31191023291	Thái Duy	Hậu	68	72	
63	AD001	31191027059	Phan Thành	Huy	74	80	
64	AD001	31191026605	Ngô Vy	Khanh	68	69	
65	AD001	31191022456	Nguyễn Cao Gia	Khánh	66	66	
66	AD001	31191023417	Mai Thị Hạnh	Khoa	68	72	
67	AD001	31191026292	Trần Như Tuấn	Khoa	69	65	
68	AD001	31191024832	Nguyễn Huỳnh	Lâm	69	66	
69	AD001	31191024414	Lê Thị Khánh	Linh	68	73	
70	AD001	31191026617	Lưu Bùi Mai	Linh	64	65	
71	AD001	31191023482	Nghiêm Thị Thùy	Linh	69	68	
72	AD001	31191027288	Phạm Thùy	Linh	79	81	
73	AD001	31191021854	Tống Khánh	Linh	66	72	
74	AD001	31191025012	Trần Mai	Ly	69	69	
75	AD001	31191021777	Nguyễn Ngọc Bảo	My	69	77	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
76	AD001	31191025017	Nguyễn Thị Trà	My	69	83	
77	AD001	31181022351	Phạm Hùng	Nghĩa	70	73	
78	AD001	31191025774	Đỗ Thị Như	Ngọc	86	85	
79	AD001	31191025602	Nguyễn Thị Yến	Nhi	69	75	
80	AD001	31191025044	Kiều Quỳnh	Như	71	77	
81	AD001	31191027225	Lê Thị Quỳnh	Như	60	79	
82	AD001	31191023750	Tạ Lê Quỳnh	Như	72	77	
83	AD001	31191027237	Văn Nhân	Tâm	65	63	
84	AD001	31191024198	Nguyễn Xuân	Tùng	68	74	
85	AD001	31191021160	Lê Thị Phương	Thảo	71	73	
86	AD001	31191024090	Nguyễn Thị Vân	Trang	71	80	
87	AD001	31191020427	Hồ Thị Thanh	Trâm	82	96	
88	AD001	31191027153	Nguyễn Lê Phương	Trinh	69	67	
89	AD001	31191025108	Trần Đức	Trung	74	87	
90	AD001	31191024521	Thái Hoàng	Vũ	66	65	
91	AD002	31191026728	Vũ Nguyễn Hoàng	Anh	81	83	
92	AD002	31191025352	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	69	81	
93	AD002	31191023102	Nguyễn Thái	Bảo	69	70	
94	AD002	31191021522	Nguyễn Thị	Bích	72	87	
95	AD002	31191023138	Lâm Thành	Công	62	63	
96	AD002	31191026045	Nguyễn Thị Kim	Chi	68	69	
97	AD002	31191024360	Thân Ngọc	Dung	74	90	
98	AD002	31191025724	Nguyễn Đức	Dương	71	80	
99	AD002	31191024974	Phan Lê Nhã	Đan	70	81	
100	AD002	31191024825	Trần Tấn	Đạt	70	74	
101	AD002	31191020498	Trần Lê Hương	Giang	74	78	
102	AD002	31191020222	Võ Hoàng Trúc	Giang	74	82	
103	AD002	31191026438	Bùi Trần Ngân	Hà	75	84	
104	AD002	31191027350	Văn Khang	Hy	73	79	
105	AD002	31191024402	Võ Quốc	Khải	68	64	
106	AD002	31191023484	Ngô Nguyễn Gia	Linh	73	79	
107	AD002	31191026969	Đỗ Huỳnh Trà	My	77	84	
108	AD002	31191021948	Lê Hoài	Nam	71	82	
109	AD002	31191025415	Trần Thị Lương	Nga	69	79	
110	AD002	31191026157	Huỳnh Thị Hiếu	Ngân	69	73	
111	AD002	31191024730	Nguyễn Trọng	Nghĩa	64	66	
112	AD002	31191023637	Kiều Thị Kim	Ngọc	64	74	
113	AD002	31191025699	Huỳnh Phạm Khánh	Nhi	76	80	
114	AD002	31191023724	Trương Huỳnh	Nhi	69	83	
115	AD002	31191025287	Trần Nhật Thiên	Như	76	86	
116	AD002	31191023757	Trương Thanh	Như	69	71	
117	AD002	31191021629	Nguyễn Hoàng Phương	Oanh	76	85	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
118	AD002	31191025052	Phạm Thị	Oanh	69	73	
119	AD002	31191025613	Châu Thị Hồng	Phúc	69	75	
120	AD002	31191023823	Trần Vũ Nhật	Phương	70	80	
121	AD002	31191025620	Nguyễn Thị Thu	Quyên	68	69	
122	AD002	31191023889	K' Nguyễn Trường	Sang	68	66	
123	AD002	31191024058	Trần Kim	Tiền	69	65	
124	AD002	31191023969	Nguyễn Thị Thu	Thảo	69	69	
125	AD002	31191021079	Đỗ Thị Hoài	Thư	73	76	
126	AD002	31191021298	Cao Thị Thanh	Trang	70	84	
127	AD002	31191024087	Nguyễn Thị Ngân	Trang	69	82	
128	AD002	31191024121	Trần Bảo	Trân	68	76	
129	AD002	31191026552	Huỳnh Ngọc	Uyên	70	72	
130	AD002	31191026200	Lê Thị Thanh	Vân	69	73	
131	AD002	31191026364	Võ Cẩm	Viên	66	74	
132	AD002	31191021573	Nguyễn Ngọc Thúy	Vy	69	74	
133	AD002	31191026922	Phan Thụy	Vy	59	62	
134	AD002	31191025970	Ngô Hoàng	Yến	73	79	
135	AD003	31191020797	Ngô Thị Lan	Anh	75	88	
136	AD003	31191023110	Đào Đình	Bình	66	64	
137	AD003	31191024678	Trần Thành Quan	Danh	68	66	
138	AD003	31181022792	Lê	Duẫn	59	73	
139	AD003	31191027051	Phan Thị Thùy	Dung	66	77	
140	AD003	31191026126	Võ Huỳnh	Duy	67	74	
141	AD003	31191027120	Đinh Quỳnh	Hà	67	72	
142	AD003	31191020229	Lương Nguyễn Song	Hà	76	84	
143	AD003	31191025149	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	70	80	
144	AD003	31191026271	Nguyễn Thị Mỹ	Hằng	73	83	
145	AD003	31191027334	Lê Thị Hạnh	Hiển	69	79	
146	AD003	31191026061	Lê Thị	Huệ	65	73	
147	AD003	31181025396	Lê Trung	Kiên	67	70	
148	AD003	31191026956	Lê Phước	Kiệt	69	79	
149	AD003	31191025254	Lê Minh	Khang	69	73	
150	AD003	31191023470	Dương Ngọc	Linh	69	74	
151	AD003	31191023553	Nguyễn Hoàng	Minh	73	75	
152	AD003	31191026627	Lã Huyền	My	69	73	
153	AD003	31191025841	Lê Ngọc	Mỹ	66	67	
154	AD003	31191021240	Trương Thị Thúy	Nga	67	74	
155	AD003	31191025582	Đoàn Hà Khánh	Ngân	68	80	
156	AD003	31191026315	Nguyễn Thùy Linh	Ngân	68	80	
157	AD003	31191021778	Nguyễn Thị	Nghĩa	69	77	
158	AD003	31191024733	Mai Huỳnh Trung	Ngọc	73	81	
159	AD003	31191025843	Sơn Thị Mỹ	Ngọc	69	75	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
160	AD003	31191026163	Nguyễn Thảo	Nguyên	67	74	
161	AD003	31191026642	Nguyễn Cao Lâm	Nhi	64	80	
162	AD003	31191020045	Lưu Thúy	Phương	69	66	
163	AD003	31191027085	Nguyễn Mai	Phương	89	89	
164	AD003	31191024845	Lê Minh	Quân	59	66	
165	AD003	31191026511	Nguyễn Thị Bích	Quyên	69	80	
166	AD003	31191026177	Hồ Nguyễn Ánh	Quỳnh	83	90	
167	AD003	31191021533	Bùi Lê Nhật	Tân	69	69	
168	AD003	31191024067	Phan Minh	Toàn	69	66	
169	AD003	31191027032	Nguyễn Ngọc	Thái	68	73	
170	AD003	31191023918	Nguyễn Bảo Yến	Thanh	69	76	
171	AD003	31191024477	Phạm Thị Thái	Thảo	78	90	
172	AD003	31191020287	Văn Thị Phương	Thảo	69	69	
173	AD003	31191027423	Đào Lý Minh	Thư	69	72	
174	AD003	31191025632	Ngô Thị Anh	Thư	67	77	
175	AD003	31191024941	Đặng Hải	Triều	69	73	
176	AD003	31191024154	Nguyễn Ngọc Thanh	Trúc	82	85	
177	AD003	31191024264	Lư Hoàng	Vũ	74	88	
178	AD003	31191021481	Nguyễn Tường	Vy	73	81	
179	AD004	31191023002	Lê Thị Tường	An	69	72	
180	AD004	31191024342	Lê Hoàng Trâm	Anh	70	79	
181	AD004	31191023067	Tô Kỳ	Anh	68	72	
182	AD004	31191026260	Lý Thị Kiều	Duyên	70	80	
183	AD004	31191022016	Nguyễn Huỳnh Hương	Giang	82	86	
184	AD004	31191024374	Trần Thị Ngọc	Hà	69	80	
185	AD004	31191025729	Huỳnh Thị Mỹ	Huệ	71	80	
186	AD004	31191027206	Nguyễn Thị Minh	Huyền	87	84	
187	AD004	31191024396	Nguyễn Thị Thu	Huyền	65	77	
188	AD004	31191021297	Lê Thị	Hương	72	84	
189	AD004	31191020135	Vương Quế	Hương	67	76	
190	AD004	31191026950	Nguyễn Thị Thanh	Kha	69	82	
191	AD004	31191021395	Lê Hoàng	Khang	73	90	
192	AD004	31191023468	Phạm Thị Kim	Liên	69	77	
193	AD004	31191025265	Huỳnh Lê	Minh	68	74	
194	AD004	31191026073	Bùi Thị Qúy	My	64	75	
195	AD004	31191024904	Đinh Thị Kiều	My	72	81	
196	AD004	31191023573	Trịnh Gia	Mỹ	69	73	
197	AD004	31191027078	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	69	72	
198	AD004	31191026828	Trần Thị Bích	Nguyệt	89	89	
199	AD004	31191027181	Đoàn Thảo	Nhật	76	82	
200	AD004	31191027082	Nguyễn Thị	Nhung	68	73	
201	AD004	31191027397	Huỳnh Ngọc Thanh	Phong	66	81	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
202	AD004	31191021655	Nguyễn Trường	Phong	85	90	
203	AD004	31191022128	Bùi Như	Quỳnh	77	82	
204	AD004	31191026229	Đinh Thúy	Quỳnh	77	86	
205	AD004	31191023890	Phan Xuân	Sang	68	74	
206	AD004	31191021881	Phan Thị Kim	Tiến	70	79	
207	AD004	31191021544	Nguyễn Hồng	Tín	68	76	
208	AD004	31191020250	Phan Quốc	Tuấn	64	70	
209	AD004	31191020618	Đoàn Thanh	Tuyền	72	83	
210	AD004	31191024474	Lưu Thị	Thảo	69	76	
211	AD004	31191026525	Nguyễn Thị Diễm	Thi	81	90	
212	AD004	31191023987	Vũ Duy	Thiện	69	69	
213	AD004	31191021606	Nguyễn Trường	Thịnh	73	79	
214	AD004	31191025198	Trần Thị Kim	Thoa	69	81	
215	AD004	31191024050	Nguyễn Chánh	Thy	75	80	
216	AD004	31191025097	Nguyễn Thị Thùy	Trang	77	89	
217	AD004	31191021920	Nguyễn Ngọc Huyền	Trân	74	78	
218	AD004	31191026543	Đỗ Tú	Trinh	69	71	
219	AD004	31191025802	Tô Bảo	Uyên	69	81	
220	AD004	31191027454	Lê Thị Đức	Viên	65	72	
221	AD004	31191022074	Bùi Hồng Cẩm	Vy	69	67	
222	AD004	31191027457	Dương Thúy	Vy	69	76	
223	AD004	31191026033	Nguyễn Yến	Xuân	69	76	
224	AD005	31191024950	Mai Thị Tường	Anh	69	79	
225	AD005	31191024368	Nguyễn Duy Anh	Đồng	68	75	
226	AD005	31191026130	Nguyễn Thị Thu	Hà	58	66	
227	AD005	31191020342	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	69	79	
228	AD005	31191021711	Nguyễn Thị Xuân	Hằng	76	82	
229	AD005	31191020900	Phạm Bảo	Hân	66	69	
230	AD005	31191026059	Hoàng Ngọc Minh	Hiếu	75	87	
231	AD005	31191026447	Nguyễn Thành	Hiếu	67	64	
232	AD005	31191020015	Phạm Ngọc	Huyền	74	82	
233	AD005	31191025764	Trần Đăng	Khoa	74	89	
234	AD005	31191020949	Ao Nguyễn Hoàng	Lan	74	83	
235	AD005	31191024408	Hỷ Ngọc	Lan	71	81	
236	AD005	31191021861	Nguyễn Xuân	Linh	69	71	
237	AD005	31191027074	Nguyễn Nguyễn Trà	My	71	86	
238	AD005	31191027076	Nguyễn Nguyễn Lê	Na	71	86	
239	AD005	31191022343	Nguyễn Minh Hạnh	Nguyên	73	82	
240	AD005	31191026164	Trần Trung	Nguyên	69	67	
241	AD005	31191021379	Phạm Hồng Yến	Nhi	68	81	
242	AD005	31191023716	Phùng Gia	Nhi	67	71	
243	AD005	31191025604	Huỳnh Ngọc Tuyết	Nhung	68	73	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
244	AD005	31191025609	Trần Thụy Quỳnh	Như	79	86	
245	AD005	31191020675	Lê Thành	Tâm	69	73	
246	AD005	31191020728	Lê Cẩm	Tiên	75	83	
247	AD005	31191021332	Huỳnh Thế	Thanh	69	75	
248	AD005	31191021365	Lê Bích	Thảo	74	82	
249	AD005	31191023968	Nguyễn Thị Thạch	Thảo	69	71	
250	AD005	31191026185	Thái Thu	Thảo	69	82	
251	AD005	31191021267	Phan Thị Hồng	Thắm	77	85	
252	AD005	31191025920	Trần Lê	Thúc	75	83	
253	AD005	31191021624	Lê Thị Ái	Thy	70	83	
254	AD005	31191025095	Lê Thanh Ngọc	Trang	70	80	
255	AD005	31191021823	Lê Dương Bảo	Trân	71	82	
256	AD005	31191025320	Lê Lâm Hoàng	Trân	78	88	
257	AD005	31191021768	Lương Thị Tú	Trinh	77	84	
258	AD005	31191021749	Võ Nguyên Thanh	Trúc	71	79	
259	AD005	31191021805	Nguyễn Nhật	Trung	73	77	
260	AD005	31191024244	Lý Yến	Vi	76	77	
261	AD005	31191021029	Nguyễn Thị Thu	Vi	69	77	
262	AD005	31191027461	Lê Thị Kim	Xuân	75	85	
263	AD005	31191025333	Nguyễn Thị Kim	Yến	68	77	
264	AD006	31191023010	Trần Bình	An	71	82	
265	AD006	31191025933	Nguyễn Thị Kiều	Anh	70	79	
266	AD006	31191023085	Hồ Nguyễn Hồng	Ân	69	75	
267	AD006	31191021407	Nguyễn Hoàng	Ân	71	82	
268	AD006	31191026576	Đoàn Thị	Bích	70	85	
269	AD006	31191026246	Nguyễn Thị	Bích	70	83	
270	AD006	31191025520	Võ Yên	Bình	74	88	
271	AD006	31191021453	Lê Quốc	Huy	70	85	
272	AD006	31191021356	Nguyễn Thị Mỹ	Huyền	69	82	
273	AD006	31191023366	Tất Chí	Hưng	69	74	
274	AD006	31191027262	Bùi Thị Thanh	Hương	69	79	
275	AD006	31191021192	Võ Huỳnh	Hương	69	68	
276	AD006	31191021707	Nguyễn Thị Minh	Hy	74	86	
277	AD006	31191025994	Huỳnh Hữu	Luân	71	80	
278	AD006	31191027072	Nguyễn Thị	Lương	69	82	
279	AD006	31191027296	Trần Thị Hà	Minh	68	75	
280	AD006	31191020349	Nguyễn Thị Trà	My	72	80	
281	AD006	31191021368	Nguyễn Hoàng Hoa Trinh	Nữ	69	71	
282	AD006	31191020078	Nguyễn Hoàng Kim	Ngân	72	84	
283	AD006	31191021611	Lê Thị Mộng	Nghi	69	80	
284	AD006	31191022188	Trương Võ Thành	Nhân	73	82	
285	AD006	31191021692	Cao Thị Ngọc	Nhi	73	89	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
286	AD006	31191025030	Nguyễn Hoàng	Nhi	69	86	
287	AD006	31191026979	Trương Nguyễn Minh	Nhi	69	80	
288	AD006	31191024603	Trần Thị Ngọc	Nhung	79	91	
289	AD006	31191020325	Hồ Nhật	Quang	69	78	
290	AD006	31191026667	Phạm Thị Thu	Thảo	71	72	
291	AD006	31191024478	Lê Đức	Thắng	69	75	
292	AD006	31191025630	Nguyễn Duy	Thuận	69	73	
293	AD006	31191021194	Phạm Minh	Thuận	68	76	
294	AD006	31191024641	Đàm Thị	Thư	71	86	
295	AD006	31191022514	Đào Thị Minh	Thư	71	80	
296	AD006	31191026530	Đặng Ngọc Hoài	Thương	69	79	
297	AD006	31191027240	Trần Thị Hoài	Thương	69	81	
298	AD006	31191025490	Lê Thái Bảo	Trân	69	79	
299	AD006	31191022099	Trần Thị Mỹ	Trinh	83	91	
300	AD006	31191021185	Đặng Thị Lệ	Uyên	70	80	
301	AD006	31191025511	Nguyễn Thị Như	Ý	69	75	
302	AD006	31191025124	Trần Trương Song	Ý	69	82	
303	AD006	31191027159	Nguyễn Thị	Yến	77	86	
304	AD007	31191027197	Nguyễn Thị Linh	Chuyên	69	80	
305	AD007	31191021291	Nguyễn Hoàng	Đạt	69	79	
306	AD007	31191021167	Trần Tấn	Đạt	69	68	
307	AD007	31191026285	Lâm Mai	Huy	63	70	
308	AD007	31191026457	Nguyễn Duy	Khánh	69	69	
309	AD007	31191021262	Lê Đăng	Khoa	71	79	
310	AD007	31191023476	Hà Bữu	Linh	69	73	
311	AD007	31171024163	Phạm Thị Xuân	Mai	69	71	
312	AD007	31191026308	Phạm Trúc	My	67	67	
313	AD007	31191027029	Đỗ Thị	Nga	71	84	
314	AD007	31191027374	Phạm Huỳnh Kim	Ngân	69	76	
315	AD007	31191026395	Nguyễn Đình	Ngọ	77	91	
316	AD007	31191027030	Nguyễn Minh	Ngọc	70	86	
317	AD007	31191025039	Trần Thị Mỹ	Nhi	69	83	
318	AD007	31191026011	Hà Minh	Nhựt	69	77	
319	AD007	31191026094	Nguyễn Thị Huyền	Oanh	69	80	
320	AD007	31191025187	Triệu Bửu	Phát	69	74	
321	AD007	31191021284	Lê Như	Quỳnh	69	73	
322	AD007	31191027234	Nguyễn Văn	Sơn	69	77	
323	AD007	31191027431	Võ Đức	Toàn	92	92	
324	AD007	31191020762	Trần Bạch	Tố	74	81	
325	AD007	31191026519	Mai Thị	Thạch	68	73	
326	AD007	31191024480	Nguyễn Ngọc Xuân	Thi	69	78	
327	AD007	31191025885	Trương Ái	Thoa	69	80	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
328	AD007	31191027267	Phạm Hoài	Thu	69	79	
329	AD007	31191026016	Phan Thị Ánh	Thu	69	73	
330	AD007	31191027146	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	72	83	
331	AD007	31191021119	Trương Diễm	Thúy	69	76	
332	AD007	31191020863	Nguyễn Huỳnh Anh	Thư	69	79	
333	AD007	31191026883	Nguyễn Thị	Trang	69	76	
334	AD007	31191021612	Giảng Thị Cẩm	Vân	70	74	
335	AD007	31191021580	Phan Ngọc	Vân	69	81	
336	AD007	31191024255	Cao Quốc	Việt	70	80	
337	AD007	31191021322	Đinh Quang	Việt	69	78	
338	AD007	31181022570	Dương Thục	Vy	73	75	
339	AD007	31191025904	Hồ Úy	Vy	69	78	
340	AD007	31191021802	Trần Phúc Thảo	Vy	67	67	
341	AD007	31191027011	Ngô Lương	Y	69	82	
342	ADC01	31191023006	Nguyễn Viết Duy	An	75	83	
343	ADC01	31191023021	Đậu Nguyễn Hải	Anh	71	82	
344	ADC01	31191024817	Lê Thị Vân	Anh	69	80	
345	ADC01	31191023039	Lương Thị Minh	Anh	72	84	
346	ADC01	31191023090	Trần Bảo	Ân	72	80	
347	ADC01	31191025852	Ngô Bửu	Bửu	71	85	
348	ADC01	31191023172	Vương Đức	Dũng	79	84	
349	ADC01	31191024975	Phạm Nguyễn Linh	Đan	76	75	
350	ADC01	31191025726	Lê Tín	Đạt	63	67	
351	ADC01	31191026751	Trương Lam	Giang	69	75	
352	ADC01	31191025940	Nguyễn Thị Bích	Hà	69	78	
353	ADC01	31191026584	Nguyễn Đức	Hải	68	77	
354	ADC01	31191025243	Hứa Hoàn	Hảo	67	72	
355	ADC01	31191026063	Phan Hoàng Nhật	Huy	71	86	
356	ADC01	31191026598	Trương Lý Minh	Huy	71	86	
357	ADC01	31191021743	Phan Tuấn	Khanh	71	74	
358	ADC01	31191026069	Nguyễn Tấn	Long	84	90	
359	ADC01	31191024833	Nguyễn Văn Đại	Lộc	69	76	
360	ADC01	31191027385	Bùi Thị Thanh	Nhàn	71	83	
361	ADC01	31191025601	Nguyễn Thị Yến	Nhi	69	76	
362	ADC01	31191026988	Nguyễn Anh	Quốc	74	86	
363	ADC01	31191025089	Trần Thị Thủy	Tiên	76	86	
364	ADC01	31191023947	Bùi Hoàng Bích	Thảo	69	68	
365	ADC01	31191026106	Huỳnh Hồng	Thảo	72	78	
366	ADC01	31191026896	Nguyễn Cao	Trung	68	66	
367	ADC01	31191026904	Lý Phương	Uyên	68	80	
368	ADC01	31191024230	Bùi Nguyễn Hoàng	Vân	77	83	
369	ADC01	31191027453	Trần Hà	Vi	75	87	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
370	ADC01	31191024248	Trương Thúy	Vi	69	75	
371	ADC01	31191024312	Thái Hiền	Vy	69	74	
372	ADC02	31191023024	Hoàng Quang	Anh	66	68	
373	ADC02	31191021731	Trần Phương	Anh	72	82	
374	ADC02	31191027015	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	73	80	
375	ADC02	31191021106	Lê Văn	Bảo	70	78	
376	ADC02	31191026587	Trương Thị Minh	Hạnh	73	84	
377	ADC02	31191023298	Liu Thanh	Hiền	69	77	
378	ADC02	31191023318	Văn Ngọc	Hoa	69	72	
379	ADC02	31191023418	Nguyễn Anh	Khoa	71	70	
380	ADC02	31191022380	Phạm Huỳnh Như	Lâm	77	85	
381	ADC02	31191023474	Đặng Nguyễn Tường	Linh	71	81	
382	ADC02	31191024415	Nguyễn Thị Uyên	Linh	66	71	
383	ADC02	31191023507	Lê Quang	Long	54	62	
384	ADC02	31191027467	Hà Kiều	Ly	69	82	
385	ADC02	31191025817	Trần Phương	Mai	69	80	
386	ADC02	31191023563	Vũ Thu	Minh	70	68	
387	ADC02	31191023648	Nguyễn Thảo Minh	Ngọc	70	73	
388	ADC02	31191027180	Trần Nữ Quỳnh	Ngọc	70	81	
389	ADC02	31191023760	Nguyễn Thị Thanh	Nhường	68	72	
390	ADC02	31191023799	Lại Hữu	Phước	69	71	
391	ADC02	31191023837	Lê Minh	Quân	71	82	
392	ADC02	31191023866	Bùi Thúy	Quỳnh	70	71	
393	ADC02	31191024461	Đỗ Phương Diễm	Quỳnh	68	77	
394	ADC02	31191025059	Phạm Diễm	Quỳnh	70	76	
395	ADC02	31191025217	Trần Nguyên Cát	Tường	69	65	
396	ADC02	31191023946	Vũ Văn	Thành	68	63	
397	ADC02	31191025306	Bành Ngọc	Thảo	69	68	
398	ADC02	31191024006	Lê Hiếu	Thuận	76	83	
399	ADC02	31191027437	Trần Thị Thùy	Trang	69	75	
400	ADC02	31191020345	Lê Nguyễn Hoàng	Trinh	73	85	
401	ADC02	31191024519	Hoàng Thụy Mỹ	Uyên	68	66	
402	ADC02	31191025927	Kiều Nhựt	Uyên	69	76	
403	ADC02	31191024254	Bùi Đức	Việt	66	72	
404	ADC02	31191024307	Nguyễn Yến	Vy	67	74	
405	ADC02	31191024321	Trịnh Võ Tường	Vy	71	66	
406	ADC03	31191025850	Lâm Khả	Ái	71	83	
407	ADC03	31191024674	Trần Châu	Anh	68	75	
408	ADC03	31191027307	Trần Huỳnh Đức	Anh	69	71	
409	ADC03	31191020086	Vũ Trương Kiều	Anh	53	62	
410	ADC03	31191024353	Trần Duy	Bảo	69	85	
411	ADC03	31191024365	Chu Tiến	Đạt	75	89	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
412	ADC03	31191025857	Âu Dương	Đức	69	80	
413	ADC03	31191024541	Nguyễn Thị Thu	Giang	77	87	
414	ADC03	31191021816	Nguyễn Cao	Hiển	71	82	
415	ADC03	31191024700	Võ Văn	Hoàng	71	65	
416	ADC03	31191025947	Vũ Đức	Hoàng	70	81	
417	ADC03	31191020122	Phạm Phi	Hùng	68	64	
418	ADC03	31191024999	Trần Thị Ngọc	Huyền	68	68	
419	ADC03	31191024401	Trần Minh	Hữu	74	79	
420	ADC03	31191020130	Nguyễn Thị Thanh	Kiều	68	78	
421	ADC03	31191024702	Đặng Quang	Khải	72	76	
422	ADC03	31191024707	Phạm Trọng Minh	Khôi	69	76	
423	ADC03	31191021290	Nguyễn Thị Yến	Linh	72	81	
424	ADC03	31191026801	Nguyễn Thị Mai	Loan	73	80	
425	ADC03	31191021107	Nguyễn Trí	Long	72	86	
426	ADC03	31191021398	Trần Sao	Mai	69	70	
427	ADC03	31191023576	Huỳnh Thiện	Nam	68	70	
428	ADC03	31191020182	Phạm To	Ny	68	64	
429	ADC03	31191020034	Phạm Thị Hồng	Ngọc	77	91	
430	ADC03	31191021674	Phạm Trần Tấn	Phát	65	82	
431	ADC03	31191024613	Nguyễn Thanh	Phong	68	76	
432	ADC03	31191020456	Nguyễn Trương Đăng	Quang	68	77	
433	ADC03	31191021715	Huỳnh Trúc	Quyên	73	84	
434	ADC03	31191024756	Đỗ Ngọc	Sang	68	69	
435	ADC03	31191026100	Nguyễn Thị Hoàng	Sương	77	94	
436	ADC03	31191023951	Huỳnh Thu	Thảo	68	74	
437	ADC03	31191024043	Trần Minh	Thư	61	83	
438	ADC03	31191026909	Nguyễn Thị Thảo	Vân	76	80	
439	ADC03	31191024263	Lê Thế	Vũ	68	70	
440	ADC03	31191024290	Nguyễn Hoàng Khánh	Vy	69	80	
441	ADC03	31191024665	Nguyễn Phương	Vy	69	68	
442	ADC03	31191024311	Phạm Thanh	Vy	68	68	
443	AE001	31191023128	Vũ Ngọc Minh	Châu	73	73	
444	AE001	31191023136	Vũ Kiều	Chinh	86	91	
445	AE001	31191025672	Ngô Quốc	Chương	68	65	
446	AE001	31191025235	Thạch Ngọc Kỳ	Duyên	62	69	
447	AE001	31191024371	Nguyễn Thị Hương	Giang	60	72	
448	AE001	31191026749	Nguyễn Thị Trà	Giang	68	76	
449	AE001	31191024545	Trần Thị Thu	Hà	67	68	
450	AE001	31191024549	Nguyễn Thị Thu	Hằng	72	86	
451	AE001	31191025546	Nguyễn Trần Thảo	Hân	66	62	
452	AE001	31191023292	Bùi Thanh	Hiền	65	70	
453	AE001	31191026593	Trần Khánh	Hòa	69	68	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
454	AE001	31191022508	Nông Thị	Huyền	74	87	
455	AE001	31191026603	Nguyễn Phúc Khang	Hy	67	68	
456	AE001	31191025564	Võ Thị Ngọc	Kiều	68	72	
457	AE001	31191027354	Nguyễn Quốc	Khánh	54	69	
458	AE001	31191027356	Nguyễn Thị Bích	Khuyên	68	73	
459	AE001	31191026963	Huỳnh Nhật	Luân	58	64	
460	AE001	31191023566	Nguyễn Thị Trà	My	58	64	
461	AE001	31191021660	Phan Thị Trà	My	69	68	
462	AE001	31191027371	Lý Bảo	Ngân	68	65	
463	AE001	31191023601	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	68	68	
464	AE001	31191023644	Nguyễn Phước Minh	Ngọc	77	80	
465	AE001	31191023687	Đoàn Duy	Nhật	68	62	
466	AE001	31191022268	Tống Hoàng	Nhật	67	71	
467	AE001	31191021955	Đinh Thị Yến	Nhi	69	82	
468	AE001	31191026643	Nguyễn Thị Hồng	Nhi	67	70	
469	AE001	31191025874	Phương Yến	Nhi	68	77	
470	AE001	31191026835	Trương Vương Lữ	Nhiên	74	81	
471	AE001	31191021826	Vương Hồng	Nhiên	74	89	
472	AE001	31191023735	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	70	80	
473	AE001	31191026333	Nguyễn Chí	Phong	66	67	
474	AE001	31191023776	Đỗ Thiên	Phú	69	70	
475	AE001	31191025192	Bùi Phương	Quyên	67	76	
476	AE001	31191024176	Lê Nguyễn Anh	Tú	52	61	
477	AE001	31191024191	Nguyễn Hoàng	Tuấn	67	68	
478	AE001	31191024659	Đoàn Thị Thanh	Tuyền	67	84	
479	AE001	31191023965	Nguyễn Thị Phương	Thảo	76	90	
480	AE001	31191024637	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	62	73	
481	AE001	31191024927	Tô Thị Thanh	Thúy	71	86	
482	AE001	31191027099	Hồ Thị Hà	Thương	70	71	
483	AE001	31191025636	Nguyễn Ngọc Hoài	Thương	70	76	
484	AE001	31191024089	Nguyễn Thị Thu	Trang	69	73	
485	AE001	31191025105	Ngô Đức	Trí	60	61	
486	AE001	31191026894	Võ Thị Kiều	Trinh	68	76	
487	AE001	31191024225	Vũ Minh	Uyên	62	62	
488	AE001	31191021293	Lê Đình	Văn	69	81	
489	AE001	31191021277	Nguyễn Ngọc Tường	Vy	69	77	
490	AE001	31191025120	Nguyễn Thảo	Vy	63	69	
491	AE001	31191021513	Phạm Thị Như	Ý	69	75	
492	AS001	31191023109	Đỗ Kim	Bình	79	90	
493	AS001	31191023137	Lý Quí Thủy	Chung	64	66	
494	AS001	31191024361	Phạm Đỗ	Duy	62	63	
495	AS001	31191024372	Nguyễn Ngọc Vũ	Giao	69	72	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
496	AS001	31191023260	Bùi Anh	Hào	65	62	
497	AS001	31191023327	Nguyễn Minh	Hoàng	67	62	
498	AS001	31191023337	Bùi Quốc	Huy	73	71	
499	AS001	31191026288	Bùi Lương Thúy	Huyền	76	81	
500	AS001	31191025685	Chiêm Quốc	Hưng	52	67	
501	AS001	31191023379	Trần Phạm Minh	Hương	68	66	
502	AS001	31191025767	Trần Thị Ngọc	Lan	71	79	
503	AS001	31191024569	Triệu Thúy	Lành	76	77	
504	AS001	31191025393	Nguyễn Hoàng Mỹ	Linh	74	75	
505	AS001	31191023521	Trần Gia	Luân	68	62	
506	AS001	31191023689	Trần Minh	Nhật	64	76	
507	AS001	31191024803	Lưu Thị Hoàng	Nhi	69	87	
508	AS001	31191025290	Đinh Triều	Phong	77	71	
509	AS001	31191025784	Nguyễn Phạm Phước	Sang	68	64	
510	AS001	31191027235	Hồ Thị Tuyết	Sương	71	82	
511	AS001	31191023935	Huỳnh Hữu	Thành	70	80	
512	AS001	31191025197	Nguyễn Hồng	Thắm	71	80	
513	AS001	31191027413	Lê Xuân	Thắng	74	74	
514	AS001	31191026407	Đặng Thị Hoài	Thu	88	85	
515	AS001	31191026187	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	73	73	
516	AS001	31191027098	Nguyễn Anh	Thư	68	74	
517	AS001	31191027436	Nguyễn Thu	Trang	72	74	
518	AS001	31191025644	Hồ Thị Ngọc	Trâm	80	86	
519	AS001	31191024149	Nguyễn Đức	Trọng	67	62	
520	AS001	31191024208	Đỗ Huỳnh Phương	Uyên	69	68	
521	AS001	31191024227	Trần Quốc	Văn	66	64	
522	AS001	31191025744	Bùi Chí	Vĩ	57	55	
523	AS001	31191027009	Nguyễn Triệu	Vĩ	68	65	
524	AS001	31191024266	Nguyễn Huy	Vũ	68	63	
525	AS001	31191025510	Phạm Ngọc Thanh	Xuân	74	89	
526	AV001	31191025522	Nguyễn Khánh Minh	Châu	69	73	
527	AV001	31191025721	Trần Băng	Châu	69	74	
528	AV001	31191025753	Huỳnh Ngọc Trường	Duyên	70	80	
529	AV001	31191023189	Vũ Ngọc Kỳ	Duyên	69	77	
530	AV001	31191025144	Võ Hoàng Khánh	Dương	69	75	
531	AV001	31191021066	Nguyễn Hồng	Đoan	69	67	
532	AV001	31191025242	Trần Thanh Việt	Hà	69	76	
533	AV001	31191023265	Võ Gia	Hào	68	64	
534	AV001	31191026272	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	67	66	
535	AV001	31191023278	Lưu Gia	Hân	68	69	
536	AV001	31191023290	Lê Huỳnh Phúc	Hậu	69	80	
537	AV001	31191026945	Trần Văn	Hiệp	61	68	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
538	AV001	31191027299	Phạm Minh	Hiếu	65	68	
539	AV001	31191023356	Phạm Ngọc	Huyền	69	73	
540	AV001	31191026462	Trần Hoàng	Lan	69	71	
541	AV001	31191022413	Nguyễn Trọng Tấn	Minh	65	66	
542	AV001	31191027363	Trần Nguyễn Minh	Minh	72	85	
543	AV001	31191027077	Nguyễn Thị Thanh	Nga	63	61	
544	AV001	31191023590	Lê Thị Kim	Ngân	69	78	
545	AV001	31191023613	Trịnh Kim	Ngân	67	68	
546	AV001	31191024434	Võ Hồ Kiều	Ngân	63	64	
547	AV001	31191023652	Trần Bảo	Ngọc	69	79	
548	AV001	31191020067	Nguyễn Hoàng Ánh	Nguyên	67	69	
549	AV001	31191027470	Cao Thị	Nhàn	69	69	
550	AV001	31191020023	Nguyễn Hà Kim	Nhi	84	85	
551	AV001	31191023708	Nguyễn Phương Thảo	Nhi	70	80	
552	AV001	31191021764	Nguyễn Vĩnh	Phong	80	88	
553	AV001	31191023791	Trần Phạm Thiên	Phúc	69	66	
554	AV001	31191023822	Trần Thu	Phương	69	70	
555	AV001	31191022214	Đỗ Hồng	Quân	83	89	
556	AV001	31191023858	Nguyễn Ngọc Nhã	Quyên	69	80	
557	AV001	31191025299	Hồ Vũ Phước	Tài	69	78	
558	AV001	31191027408	Nguyễn Quang Duy	Thạch	70	67	
559	AV001	31191026661	Hồ Thị Thu	Thảo	67	70	
560	AV001	31191023957	Nguyễn Bùi Phương	Thảo	69	65	
561	AV001	31191023984	Nguyễn Ngô Quang	Thiện	58	71	
562	AV001	31191026996	Thái Thị Ngọc	Thùy	72	84	
563	AV001	31191024028	Khuất Hòa Nhã	Thư	69	79	
564	AV001	31191025488	Trần Thảo	Trang	69	64	
565	AV001	31191024171	Phạm Nguyễn Sơn	Trường	70	78	
566	AV001	31191024209	Đỗ Ngọc Thục	Uyên	66	64	
567	AV001	31191026115	Lê Phương	Uyên	69	65	
568	AV001	31191024814	Trương Khánh	Vinh	69	75	
569	AV001	31191025122	Vũ Ngọc Thảo	Vy	69	71	
570	AV001	31191020024	Nguyễn Hà Kim	Yến	84	85	
571	AV001	31191024337	Trần Gia	Yến	72	83	
572	AV001	31191026034	Vũ Ngọc Hải	Yến	69	82	
573	AV002	31191025337	Ngô Nguyễn Hoàng	An	68	66	
574	AV002	31191027111	Trần Thị Thúy	An	69	77	
575	AV002	31191025515	Hà Ngọc	Anh	69	74	
576	AV002	31191025971	Huỳnh Đoàn Hoàng	Anh	67	70	
577	AV002	31191023049	Nguyễn Giang Ngọc	Anh	79	85	
578	AV002	31191023057	Nguyễn Phương	Anh	70	65	
579	AV002	31191024961	Phạm Nguyễn Bảo	Châu	69	81	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
580	AV002	31191026936	Bùi Ngọc Thanh	Duyên	74	78	
581	AV002	31191024823	Hồ Minh	Đạt	67	70	
582	AV002	31191024691	Nguyễn Ngọc Khánh	Đoan	69	67	
583	AV002	31191027020	Hoàng Thị	Hạnh	66	74	
584	AV002	31191026136	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	69	80	
585	AV002	31191023306	Nguyễn Ngọc	Hiếu	74	73	
586	AV002	31191021328	Lê Thị Quỳnh	Hương	72	79	
587	AV002	31191021695	Trần Ngọc Bảo	Khuyên	86	84	
588	AV002	31191027362	Bùi Thị Tuyết	Minh	63	76	
589	AV002	31191025166	Hồ Võ Phương	Minh	68	79	
590	AV002	31191025410	Thân Hàn Nữ Diễm	My	67	68	
591	AV002	31191025583	Lê Thị Kim	Ngân	67	79	
592	AV002	31191026222	Nguyễn Kim	Ngân	65	70	
593	AV002	31191020361	Phạm Đặng Tuyết	Ngân	72	87	
594	AV002	31191025273	Trần Nguyễn Phương	Nghi	67	69	
595	AV002	31191023636	Huỳnh Nguyễn Hồng	Ngọc	65	61	
596	AV002	31191020338	Trần Nguyễn Quí	Ngọc	66	72	
597	AV002	31191026007	Hoàng Như Hoa	Nguyên	69	85	
598	AV002	31191023665	Nguyễn Ngọc Thảo	Nguyên	74	73	
599	AV002	31191021905	Nguyễn Thanh	Nguyệt	68	81	
600	AV002	31191026978	Ngô Uyên	Nhi	78	91	
601	AV002	31191026092	Lê Ngọc Tuyết	Nhung	72	74	
602	AV002	31191027182	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	64	74	
603	AV002	31191023818	Phạm Thanh	Phương	79	86	
604	AV002	31191023825	Mai Thị Ánh	Phượng	69	81	
605	AV002	31191026989	Phạm Thị Khánh	Quy	77	76	
606	AV002	31191023895	Nguyễn Thành	Tài	61	63	
607	AV002	31191027149	Nguyễn Văn Quyết	Tiến	67	74	
608	AV002	31191021012	Trần Thị Thanh	Tuyền	69	77	
609	AV002	31191025466	Đỗ Hoàng Đan	Thanh	67	74	
610	AV002	31191027298	Vũ Phương	Thảo	68	74	
611	AV002	31191025886	Huỳnh Cẩm	Thư	67	67	
612	AV002	31191027035	Lê Huyền	Trang	68	63	
613	AV002	31191024080	Lê Thị Thu	Trang	72	85	
614	AV002	31191027432	Nguyễn Lê Duyên	Trang	84	83	
615	AV002	31191025966	Nguyễn Thị	Trang	85	92	
616	AV002	31191024284	Lê Ngọc Thanh	Vy	69	73	
617	AV002	31191024314	Tiêu Thị Tường	Vy	70	72	
618	AV003	31191027272	Đồng Nguyệt	Anh	74	84	
619	AV003	31191026573	Lê Thị Mai	Anh	70	82	
620	AV003	31191025517	Nguyễn Phạm Lam	Anh	69	78	
621	AV003	31191021034	Nguyễn Thị Thanh	Chi	70	78	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
622	AV003	31171024060	Vũ Lê Công	Danh	69	66	
623	AV003	31191021204	Nguyễn Lê Đông	Đào	67	76	
624	AV003	31191020294	Nguyễn Hà Hương	Giang	69	79	
625	AV003	31191023235	Đặng Thị Thu	Hà	69	83	
626	AV003	31191021226	Huỳnh Thị Tú	Hằng	68	76	
627	AV003	31191026274	Từ Thị Thúy	Hằng	68	77	
628	AV003	31191024383	Huỳnh Thị Mỹ	Hoa	69	76	
629	AV003	31191026390	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	69	78	
630	AV003	31191023430	Đào Viết Nguyên	Khôi	69	78	
631	AV003	31191027067	Nguyễn Thị	Linh	69	77	
632	AV003	31191027174	Hoàng Thị Thanh	Loan	68	84	
633	AV003	31191023502	Phạm Nguyễn Kim	Loan	69	82	
634	AV003	31191021687	Phan Hửu	Lộc	69	82	
635	AV003	31191026301	Đỗ Thị Khánh	Ly	70	80	
636	AV003	31191024720	Vương Huỳnh	Mai	69	67	
637	AV003	31191020245	Lê Hà Thanh	Minh	76	78	
638	AV003	31191021901	Nguyễn Thị Ái	My	80	87	
639	AV003	31191022169	Châu Thị Kiều	Mỹ	72	80	
640	AV003	31191025267	Nguyễn Ngọc Hoàng	Mỹ	69	73	
641	AV003	31191020624	So Qua	Ni	71	84	
642	AV003	31191023591	Lê Thị Thanh	Ngân	69	80	
643	AV003	31191026001	Thái Thị Thanh	Ngân	69	83	
644	AV003	31191020339	Hà Giáng	Ngọc	68	80	
645	AV003	31191027377	Huỳnh Thị Kim	Ngọc	72	83	
646	AV003	31191022085	Lương Thị Ánh	Nguyệt	70	82	
647	AV003	31191024605	Trần Ngọc Quỳnh	Như	68	74	
648	AV003	31191022505	H' Yu My - Niê	Prum	65	74	
649	AV003	31191024614	Lê	Phúc	69	80	
650	AV003	31191024454	Sỳ Trùng Kim	Phụng	69	75	
651	AV003	31191025191	Dương Minh	Quan	69	80	
652	AV003	31181024676	Huỳnh Nguyễn Minh	Quyên	58	78	
653	AV003	31191026852	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	71	82	
654	AV003	31191026679	Trần Ngọc	Tiên	67	71	
655	AV003	31191024767	Nguyễn Đặng Minh	Thư	65	68	
656	AV003	31191021043	Thái Minh	Thư	72	83	
657	AV003	31191021897	Trần Nguyễn Thùy	Trang	68	68	
658	AV003	31191024236	Lý Hải	Vân	68	68	
659	AV003	31191026705	Trần Thị Thảo	Vân	63	67	
660	AV003	31191021492	Nguyễn Thị Trúc	Vy	59	68	
661	AV003	31171023106	Đặng Triệu	Vỹ	50	51	
662	AV003	31191020503	Trương Vĩnh	Xuân	68	80	
663	BD001	31191020477	Dương Nguyễn Trâm	Anh	64	71	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
664	BD001	31191023038	Lê Võ Việt	Anh	54	57	
665	BD001	31191025138	Nguyễn Thị Hoàng	Dung	67	73	
666	BD001	31191026741	Nguyễn Thị Quỳnh	Duyên	53	53	
667	BD001	31191023213	Lương Tổ	Đồng	69	72	
668	BD001	31191026056	Nguyễn Thị Diệu	Hạnh	70	81	
669	BD001	31191026763	Lê Thị Thanh	Hiền	76	83	
670	BD001	31191023336	Võ Thế	Hùng	69	61	
671	BD001	31191023341	Đặng Ngọc	Huy	64	67	
672	BD001	31191025552	Nguyễn Quang	Huy	67	70	
673	BD001	31191027346	Trương Gia	Hưng	55	67	
674	BD001	31191025156	Võ Lê Thiên	Hương	72	85	
675	BD001	31191025987	Nguyễn Lê	Khang	71	74	
676	BD001	31191023406	Lý Thị Vân	Khánh	68	72	
677	BD001	31191026039	Đặng Ngươn	Lâm	68	65	
678	BD001	31191023491	Phạm Thị Thùy	Linh	53	63	
679	BD001	31191026071	Trần Văn Hải	Long	74	89	
680	BD001	31191026479	Mai Tuyết	Ngân	64	75	
681	BD001	31191023614	Võ Huỳnh Cẩm	Ngân	70	72	
682	BD001	31191020129	Đỗ Minh	Ngọc	69	70	
683	BD001	31191025174	Kiều Châu Bảo	Ngọc	70	77	
684	BD001	31191026639	Trần Đức	Nguyên	67	64	
685	BD001	31191020824	Đỗ Lê Thảo	Nhi	68	68	
686	BD001	31191025179	Nguyễn Thị Bích	Nhi	68	78	
687	BD001	31191023731	Huỳnh Thanh	Nhiều	84	89	
688	BD001	31191025879	Quách Tiểu	Phụng	67	78	
689	BD001	31191021363	Hồng Tú	Phương	80	94	
690	BD001	31191023814	Nguyễn Trần Minh	Phương	63	61	
691	BD001	31191021542	Nguyễn Trần Ánh	Tiên	70	77	
692	BD001	31191024188	Lê Minh	Tuấn	70	70	
693	BD001	31191024866	Đoàn Ngọc Lan	Tường	66	66	
694	BD001	31191026662	Huỳnh Thị Thanh	Thảo	65	61	
695	BD001	31191023964	Nguyễn Thị Bích	Thảo	69	76	
696	BD001	31191024017	Trần Phương	Thùy	68	66	
697	BD001	31191020852	Huỳnh Ngọc Bảo	Trân	67	67	
698	BD001	31191024215	Nguyễn Huỳnh Trúc	Uyên	68	73	
699	BD001	31191024224	Trịnh Lê Phương	Uyên	67	67	
700	BD001	31191025221	Đỗ Huỳnh Khánh	Vy	64	71	
701	BD001	31191024333	Nguyễn Thị Hải	Yến	67	70	
702	BD002	31191021789	Trương Thái	An	69	79	
703	BD002	31191024346	Nguyễn Trung	Anh	68	70	
704	BD002	31191020924	Nguyễn Thị Hồng	Ánh	72	85	
705	BD002	31191025977	Lê Thị Xuân	Đào	67	77	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
706	BD002	31191024982	Dương Thanh	Hà	72	70	
707	BD002	31191025758	Phạm Thị Kiều	Hạnh	72	86	
708	BD002	31191022269	Hoàng Thu	Hiền	69	76	
709	BD002	31191021584	Phan Thị Mỹ	Hiếu	69	81	
710	BD002	31191026592	Trần Nguyễn Thu	Hiếu	71	75	
711	BD002	31191020022	Nguyễn Tuyết	Hồng	70	80	
712	BD002	31191027125	Nguyễn Quang	Huy	61	63	
713	BD002	31191021397	Phan Thanh	Huy	68	68	
714	BD002	31191025252	Tạ Thiện	Huy	65	68	
715	BD002	31191027063	Nguyễn Thị Lan	Hương	69	78	
716	BD002	31191022262	Nguyễn Vũ Phương	Linh	72	70	
717	BD002	31191026391	Lê Quyền	Lộc	71	70	
718	BD002	31191021305	Nguyễn Thị Diễm	Mi	67	75	
719	BD002	31191026473	Phạm Huỳnh Thảo	My	72	80	
720	BD002	31191023761	Châu Trác	Niên	68	66	
721	BD002	31191020662	Ngô Thị Thanh	Nga	68	73	
722	BD002	31191021835	Dương Việt Hiếu	Ngân	86	89	
723	BD002	31191024435	Vy Thu	Ngân	71	88	
724	BD002	31191021846	Phạm Ngọc	Nhi	71	75	
725	BD002	31191023800	Nguyễn Văn	Phước	68	67	
726	BD002	31191025189	Mai Thị	Phượng	61	70	
727	BD002	31191025295	Nguyễn Hoàng Phú	Quí	68	76	
728	BD002	31191021788	Võ Đặng Ngọc	Quý	71	77	
729	BD002	31191025300	Võ Phúc	Tài	68	71	
730	BD002	31191025963	Nông Thị	Tâm	77	88	
731	BD002	31191024935	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	71	78	
732	BD002	31191025903	Quách Minh	Tường	69	73	
733	BD002	31191021122	Lê Phạm Thị Phương	Thơ	62	69	
734	BD002	31191026870	Nguyễn Thị	Thúy	64	79	
735	BD002	31191026677	Nguyễn Hoàng Hoài	Thương	69	77	
736	BD002	31191027258	Nguyễn Ngọc	Trâm	67	76	
737	BD002	31191026029	Nguyễn Ngọc Thanh	Vi	71	81	
738	BD002	31191022279	Dương Anh	Vũ	60	70	
739	BD002	31191020136	Lưu Thị Tường	Vy	70	80	
740	BI001	31191022164	Bùi Thúy	Anh	85	94	
741	BI001	31191025750	Võ Chí	Bảo	71	75	
742	BI001	31191026248	Nguyễn Kiều	Cẩm	69	79	
743	BI001	31191023135	Trần Bùi Linh	Chi	62	59	
744	BI001	31191021184	Trần Phạm Hoàng	Chương	69	74	
745	BI001	31191024882	Nguyễn Phương	Dung	63	77	
746	BI001	31191024968	Vũ Thị Minh	Dung	69	76	
747	BI001	31191021279	Hồ Hải	Đăng	68	65	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
748	BI001	31191026753	Nguyễn Thị Thanh	Hà	71	83	
749	BI001	31191026273	Nguyễn Thị Thu	Hằng	69	80	
750	BI001	31191021871	Thái Ái	Hân	69	78	
751	BI001	31191024988	Nguyễn Trung	Hậu	63	66	
752	BI001	31191024890	Khấu Kiều Minh	Hiền	69	76	
753	BI001	31191020041	Nguyễn Thái	Hiền	69	72	
754	BI001	31191025549	Lê Thị Minh	Hiếu	69	71	
755	BI001	31191026446	Nguyễn Phan Trọng	Hiếu	72	79	
756	BI001	31191026769	Nguyễn Văn Quang	Hiếu	65	65	
757	BI001	31191023328	Nguyễn Phú	Hoàng	68	67	
758	BI001	31191026774	Trần Thanh	Hoàng	68	78	
759	BI001	31191026600	Nguyễn Thanh	Huyền	71	79	
760	BI001	31191024399	Phan Thị Thu	Hương	72	81	
761	BI001	31191025157	Phan Bảo	Khang	71	81	
762	BI001	31191026606	Võ Gia	Khánh	76	76	
763	BI001	31191026463	Nguyễn Xuân	Lâm	75	67	
764	BI001	31191023504	Chương Vĩnh	Long	67	68	
765	BI001	31191026810	Lê Đăng	Mạnh	70	69	
766	BI001	31191020422	Trần Phương	Minh	69	68	
767	BI001	31191026812	Trần Văn	Mười	70	76	
768	BI001	31191025019	Chu Thái	Mỹ	69	73	
769	BI001	31191026484	Nguyễn Lâm Thị Hồng	Ngọc	85	94	
770	BI001	31191025775	Phạm Thị	Ngọc	59	77	
771	BI001	31191025698	Nguyễn Thiện	Nhã	67	76	
772	BI001	31191025282	Nguyễn Yến	Nhi	70	75	
773	BI001	31191023780	Vũ Ngọc	Phú	69	75	
774	BI001	31191027399	Huỳnh Hữu	Phúc	66	84	
775	BI001	31191026846	Trương Trúc	Phương	67	72	
776	BI001	31191020008	Võ Cao Hoài	Phương	68	72	
777	BI001	31191026515	Nguyễn Trương Thị Như	Quỳnh	73	85	
778	BI001	31191024056	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	69	77	
779	BI001	31191024773	Thân Mạnh	Tiến	69	70	
780	BI001	31191024175	Lê Minh	Tú	77	82	
781	BI001	31191021724	Nguyễn Ngọc Lan	Tường	69	77	
782	BI001	31191024635	Phạm Phương	Thảo	67	67	
783	BI001	31191026529	Trần Anh	Thư	66	77	
784	BI001	31191026190	Nguyễn Thị Diệu	Thương	69	70	
785	BI001	31191024776	Nguyễn Thị Như	Trang	72	78	
786	BI001	31191020293	Trịnh Hoàng Tuyết	Trang	77	86	
787	BI001	31191020878	Nguyễn Thái	Trung	67	62	
788	BI001	31191021273	Lê Thị Phương	Uyên	66	77	
789	BI001	31191024249	Đặng Đông	Vĩ	74	75	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
790	BI001	31191024332	Nguyễn Hoàng	Yến	70	83	
791	BR001	31191026572	Hoàng Ngọc Trâm	Anh	68	77	
792	BR001	31191024951	Ngô Nguyễn Trâm	Anh	63	66	
793	BR001	31191023048	Nguyễn Duy	Anh	64	66	
794	BR001	31191026242	Nguyễn Lan	Anh	62	65	
795	BR001	31191027306	Trần Đức	Anh	55	68	
796	BR001	31191024884	Hồ Như Thùy	Duyên	65	71	
797	BR001	31191025237	Trương Thị Thùy	Dương	67	67	
798	BR001	31191020985	Nguyễn Hàn Lin	Đa	68	73	
799	BR001	31191025680	Bùi Thị Thu	Hằng	59	77	
800	BR001	31191024552	Đào Thị Kim	Hiếu	59	69	
801	BR001	31191024387	Nguyễn Việt	Hoàng	70	67	
802	BR001	31191026451	Nguyễn Đình	Huân	67	64	
803	BR001	31191024395	Nguyễn Khánh	Huyền	67	66	
804	BR001	31191023360	Lê Hữu	Hưng	68	67	
805	BR001	31191024404	Hoàng Xuân	Kiên	68	68	
806	BR001	31191026455	Nguyễn Anh	Khải	70	61	
807	BR001	31191023420	Nguyễn Đăng	Khoa	56	61	
808	BR001	31191023424	Nguyễn Trần	Khoa	53	59	
809	BR001	31191024570	Bùi Ngọc Trúc	Linh	70	82	
810	BR001	31171021416	Hồ Thị Thùy	Linh	65	63	
811	BR001	31191026798	Trần Thanh	Linh	75	76	
812	BR001	31191023512	Nguyễn Xuân	Long	58	67	
813	BR001	31191021632	Hồ Thị Diễm	My	68	79	
814	BR001	31191026631	Trần Tú	Mỹ	65	75	
815	BR001	31191026820	Lê Bảo	Ngọc	68	70	
816	BR001	31191027379	Nguyễn Hồ Bảo	Ngọc	67	75	
817	BR001	31191024586	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	68	70	
818	BR001	31191023657	Trần Thị Hồng	Ngọc	68	70	
819	BR001	31191024912	Nguyễn Thị Yến	Nhi	67	70	
820	BR001	31191023712	Nguyễn Vân	Nhi	68	67	
821	BR001	31191025605	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	68	67	
822	BR001	31191021633	Nguyễn Tấn	Phát	68	83	
823	BR001	31191025957	Nguyễn Nữ Thảo	Quyên	68	73	
824	BR001	31191024192	Nguyễn Võ Anh	Tuấn	66	70	
825	BR001	31191025215	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyền	70	80	
826	BR001	31191026659	Vũ	Thanh	81	84	
827	BR001	31191026664	Nguyễn Thị Châu	Thảo	68	72	
828	BR001	31191026019	Trần Thị Minh	Thư	58	71	
829	BR001	31191020490	Nguyễn Ngọc Phương	Thy	62	70	
830	BR001	31191021274	Nguyễn Quan Phương	Trang	68	69	
831	BR001	31191024122	Trần Lê Bảo	Trân	57	62	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
832	BR001	31191025740	Tôn Thị	Triều	68	81	
833	BR001	31191026111	Đặng Bích	Trinh	70	74	
834	BR001	31191025646	Nguyễn Kim	Trinh	58	61	
835	BR001	31191025503	Dương Tường	Vi	68	75	
836	BR001	31191025891	Phan Yến	Vi	67	65	
837	BR001	31191020867	Đoàn Thục	Vy	71	85	
838	BR001	31191024664	Lê Nguyễn Tường	Vy	66	70	
839	BR001	31191027247	Trần Lê Hải	Yến	69	74	
840	CL001	31191021141	Cao Kiều Mỹ	An	68	67	
841	CL001	31191026716	Đặng Ngọc	Anh	68	65	
842	CL001	31191023022	Hà Lữ Minh	Anh	69	71	
843	CL001	31191023065	Phạm Thị Vân	Anh	63	68	
844	CL001	31191023113	Nguyễn Thái Nhựt	Bình	69	70	
845	CL001	31191023131	Hồ Ngọc	Chi	68	66	
846	CL001	31191026379	Nguyễn Thị Thùy	Dung	64	77	
847	CL001	31191020369	Vũ Quang Ánh	Dương	71	76	
848	CL001	31191023249	Nguyễn Phú	Hải	68	64	
849	CL001	31191027123	Nguyễn Nhật	Hoàng	68	65	
850	CL001	31191026281	Tống Thị Ngọc	Hồ	68	68	
851	CL001	31191024995	Nguyễn Thị	Huệ	67	69	
852	CL001	31191025553	Nguyễn Trần Gia	Huy	61	62	
853	CL001	31191025948	Nguyễn Thị Ánh	Hừng	69	73	
854	CL001	31191023370	Lê Thị	Hương	65	61	
855	CL001	31191025563	Nguyễn Lê Tuấn	Kiệt	69	68	
856	CL001	31191025006	Trần Thị Ngọc	Khấn	67	68	
857	CL001	31191021452	Nguyễn Minh	Khôi	70	79	
858	CL001	31191027249	Trần Thị	Luyến	71	71	
859	CL001	31191024580	Đoạn Văn	Minh	64	69	
860	CL001	31191026077	Trần Bá Minh	Nghĩa	68	64	
861	CL001	31191023682	Nguyễn Trọng	Nhân	66	62	
862	CL001	31191026500	Hồ Thị Mỹ	Nhung	68	74	
863	CL001	31191026980	Lê Nguyễn Hồng	Nhung	71	77	
864	CL001	31191024915	Ngô Thị Quỳnh	Như	71	76	
865	CL001	31191024451	Nguyễn Ngọc Bảo	Như	69	69	
866	CL001	31191025614	Chu Thị Hồng	Phúc	68	69	
867	CL001	31191026226	Nguyễn Đình	Phúc	68	69	
868	CL001	31191025956	Dương Văn	Phước	73	71	
869	CL001	31191024459	Nguyễn Hoành Minh	Quân	68	69	
870	CL001	31191025707	Lê Trường	Quyết	68	65	
871	CL001	31191020439	Dương Thúy	Quỳnh	60	66	
872	CL001	31191024936	Văn Ánh Thủy	Tiên	76	82	
873	CL001	31191025888	Trần Thanh	Tiến	78	84	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
874	CL001	31191026899	Đào Thị Cẩm	Tú	67	73	
875	CL001	31191024201	Nguyễn Thanh	Tuyền	67	65	
876	CL001	31191025467	Nguyễn Vi Nguyệt	Thanh	61	63	
877	CL001	31191026105	Đinh Nhật	Thành	68	65	
878	CL001	31191023971	Tô Lan Thanh	Thảo	73	77	
879	CL001	31191023992	Nguyễn Đức	Thịnh	86	80	
880	CL001	31191024486	Bùi Thị Ngọc	Thủy	63	68	
881	CL001	31191025478	Trần Thị Anh	Thư	66	63	
882	CL001	31191020928	Võ Thị	Thư	58	68	
883	CL001	31191020299	Nguyễn Huỳnh Trí	Thức	69	70	
884	CL001	31191024085	Ngô Nguyễn Thị Tuyết	Trang	63	64	
885	CL001	31191026885	Phạm Khánh	Trang	68	69	
886	CL001	31191026192	Hồ Phan Ngọc	Trâm	68	76	
887	CL001	31191025101	Nguyễn Thị Bích	Trâm	71	75	
888	CL001	31181021678	Trần Ngọc Thảo	Uyên	66	62	
889	CL002	31191020329	Nguyễn Lý Gia	An	67	66	
890	CL002	31191022501	Chu Phạm Ngọc	Ánh	68	69	
891	CL002	31191022192	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	71	81	
892	CL002	31191021144	Lê Ngọc Tuyết	Băng	69	75	
893	CL002	31191025936	Tô Thị Thúy	Bình	65	74	
894	CL002	31191024358	Nguyễn Xuân	Chiến	67	69	
895	CL002	31191021136	Huỳnh Thị Ngọc	Diệu	68	70	
896	CL002	31191021225	Nguyễn Thị Xuân	Diệu	68	75	
897	CL002	31191021448	Phạm Quốc	Duy	71	83	
898	CL002	31191021208	Đặng Thị Ngọc	Duyên	69	80	
899	CL002	31191020915	Trịnh Thị Mỹ	Duyên	68	79	
900	CL002	31191021292	Võ Thành	Đông	70	75	
901	CL002	31191024544	Nguyễn Thị Thu	Hà	68	68	
902	CL002	31191026760	Trần Văn	Hải	71	71	
903	CL002	31191021213	Phan Ngọc	Hân	69	75	
904	CL002	31191020713	Nguyễn Dương Hoàng	Hậu	68	68	
905	CL002	31191021064	Đỗ Trung	Hiếu	68	71	
906	CL002	31191021105	Trịnh Thị	Hoài	73	82	
907	CL002	31191021553	Trần Lê Duy	Khanh	59	68	
908	CL002	31191024573	Phạm Thị Thảo	Linh	71	71	
909	CL002	31191025160	Nguyễn Thị Hồng	Loan	68	68	
910	CL002	31191024719	Nguyễn Thị Khánh	Ly	67	65	
911	CL002	31191021750	Nguyễn Xuân	Mai	61	79	
912	CL002	31191026809	Hoàng Đức	Mạnh	80	81	
913	CL002	31191025016	Trần Quang	Minh	67	64	
914	CL002	31191024431	Mã Thị Thủy	Ngân	67	67	
915	CL002	31191021257	Võ Thị Kim	Ngân	91	92	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
916	CL002	31191022171	Nguyễn Ngọc Bảo	Nghi	68	73	
917	CL002	31191021173	Nhữ Thị Phương	Nhung	69	72	
918	CL002	31191021239	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	69	72	
919	CL002	31191021447	Nguyễn Thị Thanh	Như	69	84	
920	CL002	31191025782	Võ Thị Huỳnh	Như	78	90	
921	CL002	31191027396	Phan Thái Hoàng	Oanh	71	79	
922	CL002	31191024615	Phạm Thị	Phúc	61	60	
923	CL002	31191021196	Đặng Trúc	Phương	68	71	
924	CL002	31191022513	Nguyễn Thị Anh	Phương	69	74	
925	CL002	31191022512	Phạm Thị Ngọc	Phương	71	73	
926	CL002	31191024861	Đặng Hoàng	Tín	68	68	
927	CL002	31191025964	Hoàng Nguyễn	Thái	65	64	
928	CL002	31191021890	Nguyễn Quốc	Thắng	68	67	
929	CL002	31191021748	Võ Thị Thanh	Thùy	66	69	
930	CL002	31191026880	Nguyễn Thị Huyền	Trang	68	67	
931	CL002	31191024653	Đỗ Thị Ngọc	Trinh	72	84	
932	CL002	31191021150	Trần Thị Tuyết	Trinh	68	67	
933	CL002	31191021568	Nguyễn Hiền Thúy	Vy	68	70	
934	CL002	31191021793	Nguyễn Thúy	Vy	69	83	
935	CL002	31191021263	Đoàn Thị Thanh	Xuân	68	72	
936	CL002	31191021649	Phan Thanh	Xuân	68	82	
937	CL002	31191021232	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	69	77	
938	EC001	31191023019	Đặng Hoàng	Anh	71	77	
939	EC001	31191023020	Đặng Thị Lan	Anh	68	74	
940	EC001	31191023025	Huỳnh Huệ	Anh	71	86	
941	EC001	31191023029	Khưu Nguyễn Lan	Anh	92	85	
942	EC001	31191025516	Nguyễn Lê Hồng	Anh	67	71	
943	EC001	31191026722	Nguyễn Trần Trâm	Anh	71	78	
944	EC001	31191024956	Nguyễn Hồng	Ánh	69	72	
945	EC001	31191025752	Trần Hồ Phúc	Duy	77	86	
946	EC001	31191027319	Trương Nguyễn Thùy	Duyên	83	90	
947	EC001	31191026743	Ngô Thị Thùy	Dương	75	81	
948	EC001	31191027320	Phạm Trọng	Đạt	69	73	
949	EC001	31191026745	Cao Minh	Đức	77	79	
950	EC001	31191026436	Trịnh Thị Hương	Giang	66	77	
951	EC001	31191026440	Nguyễn Thái	Hải	69	68	
952	EC001	31191024694	Bùi Hoàng	Hảo	68	74	
953	EC001	31191020628	Trần Ngọc	Hân	70	78	
954	EC001	31191021095	Nguyễn Thu	Hiền	70	76	
955	EC001	31191023391	Tô Vũ Duy	Khang	66	64	
956	EC001	31191026456	Trần Vỹ	Khang	60	70	
957	EC001	31191026953	Trương Quỳnh Bảo	Khánh	59	79	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
958	EC001	31191023415	Đặng Huỳnh Đăng	Khoa	74	80	
959	EC001	31191026614	Châu Thị Nhật	Linh	69	76	
960	EC001	31191024901	Trần Thị Hoa	Lư	66	77	
961	EC001	31191023550	Lý Kiến	Minh	66	79	
962	EC001	31191024728	Lý Huỳnh Kim	Ngân	68	72	
963	EC001	31191026394	Trần Tuyết	Ngân	71	79	
964	EC001	31191025023	Nguyễn Xuân	Nghi	64	75	
965	EC001	31191026004	Nguyễn Thị Như	Ngọc	69	79	
966	EC001	31191026083	Nguyễn Trần Thảo	Nguyên	69	77	
967	EC001	31191023676	Đào Thị Thanh	Nhàn	69	78	
968	EC001	31191025431	Nguyễn Minh	Nhật	69	70	
969	EC001	31191025038	Tô Kiều	Nhi	68	80	
970	EC001	31191025875	Lâm Thị Cẩm	Nhiên	67	74	
971	EC001	31191020042	Trần Phương	Như	68	72	
972	EC001	31191023774	Hứa Thanh	Phong	69	77	
973	EC001	31191027400	Lê Nguyễn Hòa	Phúc	69	69	
974	EC001	31191025292	Trương Tấn	Phúc	67	65	
975	EC001	31191021540	Mai Thị Trúc	Phương	71	83	
976	EC001	31191023811	Nguyễn Hải	Phương	68	75	
977	EC001	31191026506	Phan Thị Bích	Phượng	69	76	
978	EC001	31191020103	Ngô Vũ Thảo	Quyên	73	79	
979	EC001	31191023872	Lương Bảo	Quỳnh	69	70	
980	EC001	31191024847	Nguyễn Như	Quỳnh	69	74	
981	EC001	31191025195	Nguyễn Lê Duy	Tâm	68	75	
982	EC001	31191025922	Lý Như	Tiên	74	82	
983	EC001	31191025641	Nguyễn Bùi Minh	Tín	64	62	
984	EC001	31191027424	Hồ Lê Anh	Thư	69	72	
985	EC001	31191025475	Lê Đỗ Kim	Thư	69	74	
986	EC001	31191025082	Nguyễn Thị Minh	Thư	74	84	
987	EC001	31191025493	Thái Ngọc	Trinh	78	86	
988	EC001	31191024299	Nguyễn Ngọc Khánh	Vy	68	71	
989	EC001	31191025747	Trương Thúy	Vy	69	75	
990	EC002	31191026241	Bùi Thị Quỳnh	Anh	72	89	
991	EC002	31191026929	Nguyễn Phú	Ân	78	79	
992	EC002	31191026930	Trần Đức	Bão	76	79	
993	EC002	31191025135	Nguyễn Thị Ngọc	Cẩm	69	80	
994	EC002	31191026257	Lê Trọng Thùy	Dung	72	84	
995	EC002	31191023205	Tôn Thất Minh	Đăng	70	82	
996	EC002	31191027117	Nguyễn Thị Minh	Đoan	69	80	
997	EC002	31191021730	Nguyễn Ngọc Khánh	Hân	74	82	
998	EC002	31181020757	Lê Minh	Huyên	69	71	
999	EC002	31191025761	Huỳnh Thị Bé	Huyền	69	81	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
1000	EC002	31191023363	Nguyễn Ngọc Thành	Hưng	75	75	
1001	EC002	31191026957	Lê Mai Tuấn	Lê	77	82	
1002	EC002	31191021077	Phạm Ngọc	Lễ	59	71	
1003	EC002	31191027212	Nguyễn Hữu Phi	Long	79	76	
1004	EC002	31191025163	Nguyễn Thị Kiều	Mai	76	86	
1005	EC002	31191024907	Thái Thị Thanh	Nga	70	84	
1006	EC002	31191026318	Trương Hoàng	Ngân	69	75	
1007	EC002	31191026487	Trương Diễm	Ngọc	69	72	
1008	EC002	31191026160	Võ Thị Hoài	Ngọc	68	74	
1009	EC002	31181022960	Trần Thanh	Nguyên	51	58	
1010	EC002	31191021410	Lê Thành	Nhân	69	83	
1011	EC002	31191025026	Hoàng Yến	Nhi	69	78	
1012	EC002	31191021671	Đặng Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	77	91	
1013	EC002	31191025293	Hồ Kim	Phụng	69	74	
1014	EC002	31191027403	Lường Thị Ái	Phương	69	74	
1015	EC002	31191025823	Nguyễn Thị Thúy	Quyên	90	87	
1016	EC002	31191025918	Nguyễn Trần Nhật	Tân	69	83	
1017	EC002	31191025714	Mai Kiên	Toàn	70	84	
1018	EC002	31191026191	Nguyễn Hữu	Toàn	69	73	
1019	EC002	31191027107	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	70	83	
1020	EC002	31191026027	Lê Cao	Tuệ	69	71	
1021	EC002	31191026551	Nguyễn Lê Thanh	Tuyền	69	80	
1022	EC002	31191025736	Phạm Hồng	Thái	69	72	
1023	EC002	31191025307	Hồ Quốc	Thắng	71	72	
1024	EC002	31191025310	Nguyễn Bá	Thông	73	86	
1025	EC002	31191025312	Nguyễn Thái	Thuận	57	70	
1026	EC002	31191026675	Nguyễn Thị Hồng	Thúy	89	89	
1027	EC002	31191024025	Dương Trần Đan	Thư	69	79	
1028	EC002	31191021550	Nguyễn Lê Nhã	Thư	69	79	
1029	EC002	31191026691	Phạm Thị	Trang	70	79	
1030	EC002	31191020825	Phan Nguyễn Hoàng	Trang	69	75	
1031	EC002	31191022217	Đặng Bích	Trâm	69	76	
1032	EC002	31191026538	Hà Kiều	Trâm	72	81	
1033	EC002	31191025797	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	67	80	
1034	EC002	31191026193	Nguyễn Thị Nam	Trân	76	71	
1035	EC002	31191025107	Trần Vi Thanh	Trúc	68	78	
1036	EC002	31191026549	Nguyễn Việt	Trung	80	81	
1037	EC002	31191024242	Lê Nhật	Vi	67	77	
1038	EC002	31191026365	Nguyễn Kiều Hoàng	Vũ	71	84	
1039	EC002	31191021181	Nguyễn Quốc	Vũ	69	81	
1040	EC002	31191026709	Lê Ngọc Thảo	Vy	69	79	
1041	EC002	31191024288	Nguyễn Tường	Vy	84	79	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
1042	EM001	31191023016	Đắc Nguyễn Quỳnh	Anh	58	69	
1043	EM001	31191025668	Phạm Kiều	Anh	67	74	
1044	EM001	31191020230	Hoàng Hồng	Ân	63	65	
1045	EM001	31191023145	Trần Tuấn	Danh	66	72	
1046	EM001	31191020005	Nguyễn Trung	Hậu	66	71	
1047	EM001	31191027333	Bùi Thị Thu	Hiền	66	67	
1048	EM001	31191020677	Nguyễn Đặng Thanh	Hiền	66	75	
1049	EM001	31191023317	Trương Phối	Hoa	69	75	
1050	EM001	31191023325	Hoàng Văn Quốc	Hoàng	58	58	
1051	EM001	31191023362	Nguyễn Duy	Hưng	68	61	
1052	EM001	31191025558	Phạm Tiến	Hưng	58	59	
1053	EM001	31191027357	Nguyễn Trung	Kiên	67	72	
1054	EM001	31191025814	Phạm Ngô Phương	Khanh	69	80	
1055	EM001	31191026952	Lê Nguyên Ngọc	Khánh	69	64	
1056	EM001	31191023433	Nguyễn Hữu Đăng	Khôi	71	79	
1057	EM001	31191027130	Bùi Thị Nhật	Lệ	70	84	
1058	EM001	31191021169	Nguyễn Thị	Lệ	66	68	
1059	EM001	31191020061	Nguyễn Ngọc	Linh	92	94	
1060	EM001	31191023490	Phan Nguyễn Ngọc	Linh	72	83	
1061	EM001	31191026070	Nguyễn Hữu	Long	66	64	
1062	EM001	31191020558	Võ Thành	Long	69	68	
1063	EM001	31181023318	Lương Thị Cẩm	Mi	70	76	
1064	EM001	31191024471	Đỗ Nhật	Tân	68	72	
1065	EM001	31191024086	Nguyễn Ngọc Xuân	Trang	55	61	
1066	EM001	31191026886	Phạm Quỳnh	Trang	65	66	
1067	EM001	31191025102	Võ Ngọc Bảo	Trâm	66	68	
1068	EM001	31191027450	Nguyễn Lam Kiến	Văn	68	68	
1069	EM001	31191021928	Tô Thị Mộng	Yến	70	69	
1070	EM002	31191026244	Nguyễn Vũ Gia	Bảo	70	79	
1071	EM002	31181021281	Bùi Loan Cường	Duy	52	56	
1072	EM002	31191026750	Thái Minh	Giang	58	65	
1073	EM002	31191021815	Phạm Phúc	Hậu	68	68	
1074	EM002	31191023346	Nguyễn Du	Huy	67	68	
1075	EM002	31191021893	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	73	84	
1076	EM002	31191021009	Nguyễn Xuân	Long	68	72	
1077	EM002	31191026150	Nguyễn Hữu	Lực	77	87	
1078	EM002	31191021813	Lê Thị Xuân	Mai	68	64	
1079	EM002	31191022098	Trần My Dung	Nghi	66	72	
1080	EM002	31191021987	Trương Thiên	Ngọc	53	71	
1081	EM002	31191026826	Đặng Hương	Nguyên	60	67	
1082	EM002	31181021069	Liu Cẩm	Phát	50	52	
1083	EM002	31191026505	Nguyễn Thành	Phi	70	75	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
1084	EM002	31191021153	Trần Tiểu	Phụng	68	68	
1085	EM002	31191023833	Phồng Trí	Quang	78	78	
1086	EM002	31181024971	Võ Trường Minh	Quang	70	76	
1087	EM002	31191025482	Trần Trí	Toàn	68	63	
1088	EM002	31191026703	Lưu Anh	Tuấn	58	62	
1089	EM002	31181025315	Lou Vĩnh	Tường	69	63	
1090	EM002	31191020888	Nguyễn Trần Giang	Thanh	70	72	
1091	EM002	31191025470	Phùng Thị Phương	Thảo	65	64	
1092	EM002	31181022062	Huỳnh Bá	Thắng	68	67	
1093	EM002	31191026406	Nguyễn Chiến	Thắng	68	73	
1094	EM002	31191022503	Thạch Thị Cẩm	Thêu	61	66	
1095	EM002	31191025738	Vũ Thị Phương	Thu	68	68	
1096	EM002	31191021127	Nguyễn Anh	Thuận	68	71	
1097	EM002	31191027444	Trương Văn	Trấn	67	72	
1098	EM002	31191026542	Đặng Mậu	Triết	68	66	
1099	EM002	31191021299	Nguyễn Thị Mai	Trinh	56	66	
1100	EM002	31191021154	Nguyễn Ngô Xuân	Trúc	68	73	
1101	EM002	31191024510	Dương Minh	Trung	70	73	
1102	ER001	31191023007	Nhiêu Chấn	An	71	78	
1103	ER001	31191025339	Bùi Minh	Anh	67	75	
1104	ER001	31191024343	Lý Lan	Anh	68	75	
1105	ER001	31191026729	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	67	68	
1106	ER001	31191026730	Nguyễn Ngọc	Bảo	63	62	
1107	ER001	31191021442	Trần Thái	Bảo	60	72	
1108	ER001	31191027048	Tăng Thị Thanh	Bình	68	81	
1109	ER001	31191025238	Lê Tiến	Đạt	70	71	
1110	ER001	31191023228	Bùi Tiểu	Gia	65	64	
1111	ER001	31191021324	Trần Thị Diệu	Hiền	67	72	
1112	ER001	31191025945	Hoàng Minh	Hiếu	71	80	
1113	ER001	31191025946	Hoàng Huy	Hiệu	69	78	
1114	ER001	31191024556	Nguyễn Minh	Hoàng	67	66	
1115	ER001	31191024388	Trương Minh	Hoàng	71	76	
1116	ER001	31191025682	Nguyễn Thị	Hồng	76	83	
1117	ER001	31191023438	Nguyễn Vĩnh	Kiên	68	70	
1118	ER001	31191023481	Mai Thị Mỹ	Linh	67	81	
1119	ER001	31191026296	Văn Minh Diệu	Linh	75	79	
1120	ER001	31191023500	Vương Nguyễn Ngọc	Linh	80	84	
1121	ER001	31191024714	Nguyễn Đức	Long	57	60	
1122	ER001	31191025574	Trịnh Gia	Lộc	68	64	
1123	ER001	31191021474	Huỳnh Thị Bảo	Ngọc	69	79	
1124	ER001	31191025915	Hứa Phúc	Nhi	70	74	
1125	ER001	31191026499	Trần Yến	Nhi	65	65	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
1126	ER001	31191023736	Phan Lý	Nhung	85	90	
1127	ER001	31191021205	Nguyễn Huỳnh Khánh	Như	68	69	
1128	ER001	31191025781	Trần Thị Yến	Như	68	75	
1129	ER001	31191027227	Trần Thị Kim	Oanh	60	67	
1130	ER001	31191026225	Lê Đàm Duy	Phúc	68	64	
1131	ER001	31191026845	Lâm Thị	Phương	68	67	
1132	ER001	31191026402	Nguyễn Huy	Quang	55	60	
1133	ER001	31191025959	Nguyễn Như	Quỳnh	58	68	
1134	ER001	31191024628	Nguyễn Hoàng	Sơn	68	74	
1135	ER001	31191025456	Phạm Ngọc	Sơn	68	64	
1136	ER001	31191027191	Phan Anh	Tuấn	73	84	
1137	ER001	31191026183	Ngô Ngọc Tuấn	Thành	82	81	
1138	ER001	31191026859	Nguyễn Thị Minh	Thảo	69	80	
1139	ER001	31191020833	Lê Nguyễn Ngọc	Thi	70	82	
1140	ER001	31191024481	Nguyễn Nhật	Thiên	68	65	
1141	ER001	31191026865	Nguyễn Phương	Thoa	69	72	
1142	ER001	31191020849	Trương Ngọc Minh	Thư	71	75	
1143	ER001	31191022024	Đặng Mai	Thy	69	76	
1144	ER001	31191024139	Nguyễn Ngọc Kiều	Trinh	66	63	
1145	ER001	31191025799	Hồ Minh	Trung	49	52	
1146	ER001	31191024226	Phạm Bá Song	Văn	70	67	
1147	ER001	31191026203	Nguyễn Trí	Viễn	74	84	
1148	ER001	31191027246	Bùi Văn	Vinh	57	62	
1149	FI001	31191027014	Khúc Thị Quỳnh	Anh	70	79	
1150	FI001	31191020062	Tô Đoàn Phương	Anh	68	70	
1151	FI001	31191020002	Trương Ngọc	Bội	70	82	
1152	FI001	31191027196	Đoàn Khánh	Chi	89	90	
1153	FI001	31191026739	Đặng Quốc	Dũng	68	66	
1154	FI001	31191024883	Lê Nguyễn Anh	Duy	70	76	
1155	FI001	31191025833	Trần Thị Thùy	Dương	69	75	
1156	FI001	31191026938	Hà Thị Thục	Đan	75	85	
1157	FI001	31191026383	Nguyễn Quang	Đạt	68	65	
1158	FI001	31191025757	Lê Hải	Đăng	71	87	
1159	FI001	31191027199	Nguyễn Hải	Đăng	69	68	
1160	FI001	31191025147	Nguyễn Hoàng Khánh	Đoan	71	76	
1161	FI001	31191026583	Phùng Thảo	Hà	70	78	
1162	FI001	31191023334	Hứa Quang	Hùng	69	72	
1163	FI001	31191021941	Nguyễn Hoàng	Huy	72	82	
1164	FI001	31191025812	Trương Thảo	Huyên	69	81	
1165	FI001	31191027023	Trần Thị Thanh	Huyền	74	73	
1166	FI001	31191021851	Trần Duy	Khãi	79	84	
1167	FI001	31191024705	Phạm Trọng Minh	Khoa	60	68	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
1168	FI001	31191024900	Nguyễn Phi	Long	68	66	
1169	FI001	31191025424	Ngô Thị Thảo	Nguyên	69	76	
1170	FI001	31191026488	Nguyễn Thị Kim	Nguyên	70	81	
1171	FI001	31181023674	Tống Kiều	Nguyên	71	68	
1172	FI001	31191024598	Sim Thị Ái	Nhi	68	70	
1173	FI001	31191027297	Nguyễn Thị	Nhiên	74	89	
1174	FI001	31191026329	Trần Thị Sâm	Nhung	69	69	
1175	FI001	31191025047	Nguyễn Quỳnh	Như	69	70	
1176	FI001	31191027231	Cái Phúc	Quang	71	83	
1177	FI001	31191021571	Đoàn Lê	Quyên	68	76	
1178	FI001	31191026231	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh	75	81	
1179	FI001	31191025960	Nguyễn Thị Bảo	Quỳnh	71	83	
1180	FI001	31191026179	Nguyễn Thị Thu	Sương	73	78	
1181	FI001	31191023905	Huỳnh Ngọc	Tân	69	75	
1182	FI001	31191025461	Đoàn	Tấn	68	65	
1183	FI001	31191027000	Võ Thị Thủy	Tiên	69	76	
1184	FI001	31191025112	Bùi Thị	Tuyết	69	71	
1185	FI001	31191023959	Nguyễn Lâm Yên	Thảo	71	74	
1186	FI001	31191023998	Nguyễn Duy	Thoại	86	82	
1187	FI001	31191024011	Nguyễn Thanh	Thuý	63	66	
1188	FI001	31191026188	Nguyễn Lê Anh	Thư	69	75	
1189	FI001	31191024930	Đỗ Thị Thanh	Thương	68	75	
1190	FI001	31191020648	Phạm Thị Yến	Thy	63	75	
1191	FI001	31191026695	Võ Thanh Bảo	Trâm	70	80	
1192	FI001	31191025321	Trần Thị Kiều	Trinh	64	74	
1193	FI001	31191026911	Hoàng Thị Yến	Vi	68	76	
1194	FI001	31191025504	Huỳnh Thị Tường	Vi	73	81	
1195	FI001	31191021402	Hồ Nhật	Vy	69	79	
1196	FI001	31191026119	Phan Thị Tiểu Lâm	Vy	69	83	
1197	FI001	31191025127	Vũ Thị Hoàng	Yến	68	70	
1198	FM001	31191025518	Trần Ngọc Lan	Anh	71	77	
1199	FM001	31191023072	Trần Quốc	Anh	63	63	
1200	FM001	31191025350	Hà Thị Ngọc	Ánh	69	67	
1201	FM001	31191023091	Trần Lê Thiên	Ân	62	59	
1202	FM001	31191026578	Dương Thị Linh	Chi	69	76	
1203	FM001	31191026933	Đỗ Phương	Diễm	69	82	
1204	FM001	31191025530	Nguyễn Thanh	Duy	66	73	
1205	FM001	31191026263	Phạm Thị Mỹ	Duyên	69	77	
1206	FM001	31191023191	Nguyễn Ngọc Thùy	Dương	68	75	
1207	FM001	31191026264	Đỗ	Đạt	68	63	
1208	FM001	31191025539	Nguyễn Phước	Đức	67	62	
1209	FM001	31191027326	Lê Văn	Giác	68	67	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
1210	FM001	31191025365	Trần Hương	Giang	72	84	
1211	FM001	31191024550	Nguyễn Thúy	Hằng	52	66	
1212	FM001	31191026443	Trần Thanh	Hằng	69	72	
1213	FM001	31191023287	Trần Gia	Hân	67	64	
1214	FM001	31191023299	Nguyễn Thị	Hiền	70	75	
1215	FM001	31191024826	Nguyễn Thị Ngọc	Hiền	69	78	
1216	FM001	31191026445	Tô Thành	Hiệp	69	73	
1217	FM001	31191024993	Bùi Thị Hương	Hoa	53	61	
1218	FM001	31191026280	Lê Thị	Hoanh	68	77	
1219	FM001	31191027341	Trần Văn	Hùng	65	63	
1220	FM001	31191023347	Nguyễn Huỳnh Nhật	Huy	63	61	
1221	FM001	31191025253	Lê Nguyễn Xuân	Hương	69	77	
1222	FM001	31191027295	Đỗ Nguyễn Huyền	Linh	65	66	
1223	FM001	31191023495	Thái Thị Thảo	Linh	66	71	
1224	FM001	31191023518	Phạm Thành	Lợi	69	64	
1225	FM001	31191025397	Lê Thị Bích	Ly	69	74	
1226	FM001	31191026392	Nguyễn Thị Thanh	Mai	69	74	
1227	FM001	31191026471	Nguyễn Nhật Trà	My	78	80	
1228	FM001	31191024750	Nguyễn Thị Linh	Ni	69	70	
1229	FM001	31181021947	Hồ Minh	Nhã	68	60	
1230	FM001	31191025177	Bùi Nguyễn Yến	Nhi	69	78	
1231	FM001	31191025873	Lê Ngọc Phương	Nhi	69	74	
1232	FM001	31191025042	Trần Thị Khánh	Nhung	68	67	
1233	FM001	31191020093	Huỳnh Võ Ngọc	Như	69	84	
1234	FM001	31191023743	Nguyễn Lê Quỳnh	Như	69	77	
1235	FM001	31191023775	Phan Tấn	Phong	70	70	
1236	FM001	31191027138	Bùi Vĩnh	Phúc	76	88	
1237	FM001	31191023856	Nguyễn Hoàng Phương	Quyên	68	69	
1238	FM001	31191023859	Nguyễn Phương	Quyên	68	67	
1239	FM001	31191021781	Nguyễn Thị Vân	Quỳnh	70	79	
1240	FM001	31191026654	Trần Minh	Sáng	69	74	
1241	FM001	31191025303	Huỳnh Hạnh	Tâm	69	78	
1242	FM001	31191024494	Đặng Hữu	Tín	71	70	
1243	FM001	31191024068	Trần Thanh	Toàn	68	64	
1244	FM001	31191024178	Nguyễn Ngọc Khả	Tú	58	57	
1245	FM001	31191025211	Võ Thị Khả	Tú	68	70	
1246	FM001	31191023936	Huỳnh Văn Chí	Thành	63	61	
1247	FM001	31191026345	Trần Xuân	Thắng	73	69	
1248	FM001	31191024002	Nguyễn Hoài	Thu	63	66	
1249	FM001	31191024076	Đinh Thị Thùy	Trang	69	76	
1250	FM001	31191024103	Bùi Nguyễn Thy	Trâm	68	74	
1251	FM001	31191024111	Phạm Nguyễn Ngọc Bảo	Trâm	74	83	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
1252	FM001	31191024118	Nguyễn Ngọc Thùy	Trân	68	62	
1253	FM001	31191026891	Bùi Quốc	Trí	75	78	
1254	FM001	31191024144	Phan Kiều	Trinh	69	71	
1255	FM001	31191026196	Phạm Thanh	Trúc	70	70	
1256	FM001	31191025324	Ngô Quốc	Trung	69	68	
1257	FM001	31191024170	Lương Đình	Trường	68	62	
1258	FM001	31191025659	Huỳnh Thị Thúy	Vy	67	73	
1259	FM001	31191024296	Nguyễn Lê	Vy	69	79	
1260	FM001	31191026566	Mai Thị Thu	Yên	73	79	
1261	FM001	31191024334	Phan Ngọc	Yến	69	73	
1262	FN001	31191023036	Lê Thị Vân	Anh	64	85	
1263	FN001	31191024876	Nguyễn Phương Quỳnh	Anh	73	80	
1264	FN001	31191024345	Nguyễn Thị Phương	Anh	77	92	
1265	FN001	31191023079	Vũ Thị Tú	Anh	69	74	
1266	FN001	31191020089	Mã Thị	Chi	75	84	
1267	FN001	31191022158	Lê Quang	Dũng	92	94	
1268	FN001	31191025146	Lê Vy	Đầm	73	86	
1269	FN001	31191024539	Lê Ngọc	Đức	70	77	
1270	FN001	31191027201	Thái Hoàng	Hải	77	80	
1271	FN001	31191020620	Trương Công	Hậu	72	78	
1272	FN001	31191020114	Nguyễn Quốc	Hòa	71	83	
1273	FN001	31191024828	Lê Gia	Huy	72	74	
1274	FN001	31191026064	Võ Khánh	Huyền	74	83	
1275	FN001	31191021432	Nguyễn Phước	Hưng	70	77	
1276	FN001	31191022292	Lê Thị Thu	Hương	70	79	
1277	FN001	31191020320	Nguyễn Trọng	Kiên	92	90	
1278	FN001	31191025991	Hồ Anh	Kiệt	61	63	
1279	FN001	31191023413	Bùi Đăng	Khoa	71	88	
1280	FN001	31191021898	Nguyễn Ngọc Cẩm	Linh	72	84	
1281	FN001	31191025264	Nguyễn Minh	Mẫn	75	81	
1282	FN001	31191027369	Nguyễn Hằng	Nga	72	85	
1283	FN001	31191020258	Nguyễn Trần Hoàng	Ngân	74	76	
1284	FN001	31191025954	Nguyễn Thị Hà	Nguyên	70	83	
1285	FN001	31191023684	Trương Thư Khoa	Nhân	67	75	
1286	FN001	31191023715	Ninh Ngọc	Nhi	67	79	
1287	FN001	31191023721	Trần Thị Ánh	Nhi	71	74	
1288	FN001	31191025041	Phan Thị Hồng	Nhung	73	86	
1289	FN001	31191024456	Lê Thị Minh	Phước	71	70	
1290	FN001	31191024458	Đinh Thị Thúy	Phượng	69	75	
1291	FN001	31191020056	Nguyễn Hà Minh	Quang	70	83	
1292	FN001	31191025464	Phạm Hồng	Thái	72	77	
1293	FN001	31191021979	Phạm Thu	Thảo	71	84	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
1294	FN001	31191026668	Trần Đặng Thanh	Thảo	69	76	
1295	FN001	31191027435	Nguyễn Ngọc Thùy	Trang	66	71	
1296	FN001	31191026882	Nguyễn Thị Thùy	Trang	79	83	
1297	FN001	31191024136	Đoàn Thị Tú	Trinh	69	78	
1298	FN001	31191026112	Võ Thị Kiều	Trinh	74	84	
1299	FN001	31191022347	Nguyễn Khánh	Xuân	81	85	
1300	FN001	31191025665	Đặng Khã	Ý	74	81	
1301	FN001	31191025126	Phạm Lê Xuân	Yến	74	82	
1302	FN002	31191025129	Trần Quốc	An	69	72	
1303	FN002	31191025669	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	89	97	
1304	FN002	31191024967	Phan Thị	Dung	69	85	
1305	FN002	31191022140	Nguyễn Thị Mỹ	Hiền	75	86	
1306	FN002	31191024381	Nguyễn Công	Hiếu	74	90	
1307	FN002	31191026450	Nguyễn Thị Thúy	Hoàng	63	83	
1308	FN002	31191024398	Đoàn Lê	Hương	70	81	
1309	FN002	31191025568	Huỳnh Thúy	Lan	69	78	
1310	FN002	31191021161	Trần Thị Mai	Lan	69	77	
1311	FN002	31191023457	Dung Trần Hoài	Lâm	70	82	
1312	FN002	31191026464	Trần Thị Bích	Lệ	69	82	
1313	FN002	31191026618	Nguyễn Bùi Diệu	Linh	68	79	
1314	FN002	31191024425	Đỗ Thị	Mai	73	83	
1315	FN002	31191026814	Trần Thị	Nga	69	77	
1316	FN002	31191021334	Lê Thị Thanh	Ngân	70	80	
1317	FN002	31191026976	Đặng Phương	Nguyên	70	76	
1318	FN002	31191024911	Lê Thị Thùy	Nhi	69	73	
1319	FN002	31191026497	Phạm Hoàng Yến	Nhi	79	89	
1320	FN002	31191026644	Phạm Thị Mộng	Nhi	71	82	
1321	FN002	31191021742	Nguyễn Huỳnh	Như	69	78	
1322	FN002	31191022244	Huỳnh Thị Diễm	Phúc	84	88	
1323	FN002	31191025443	Lưu Đỗ Thảo	Phương	69	80	
1324	FN002	31191021193	Nguyễn Anh	Quân	71	84	
1325	FN002	31191024922	Phan Thị Như	Quỳnh	68	77	
1326	FN002	31191024923	Võ Như	Quỳnh	72	85	
1327	FN002	31191025621	Nguyễn Trương Tiết	Sang	69	75	
1328	FN002	31191024462	Lương Thái	Sơn	89	90	
1329	FN002	31191021903	Võ Thanh	Tuyền	69	77	
1330	FN002	31191026862	Trần Thị Thu	Thảo	73	85	
1331	FN002	31191020541	Nguyễn Hưng	Thịnh	69	73	
1332	FN002	31191026527	Trương Thị Kim	Thoa	75	81	
1333	FN002	31191024012	Phùng Thị Thanh	Thuý	77	84	
1334	FN002	31191021739	Lê Mai	Thy	69	80	
1335	FN002	31191021021	Nguyễn Phạm Thanh	Trà	77	87	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
1336	FN002	31191020184	Nguyễn Ngọc Thanh	Trang	69	77	
1337	FN002	31191025486	Nguyễn Thu	Trang	68	83	
1338	FN002	31191024505	Trần Thị Ngọc	Trân	59	80	
1339	FN002	31191026544	Phan Thị Ánh	Trinh	68	72	
1340	FN002	31191025654	Huỳnh Văn	Út	71	78	
1341	FN002	31191024522	Trần Mai Thế	Vũ	71	79	
1342	FN003	31191021726	Võ Phan Nguyệt	Anh	78	89	
1343	FN003	31191021075	Trương Ngọc	Ánh	79	91	
1344	FN003	31191026253	Nguyễn Thị Thùy	Diễm	67	83	
1345	FN003	31191021831	Trần Tiểu	Diệp	69	78	
1346	FN003	31191027167	Bùi Thị	Hòa	72	86	
1347	FN003	31191025154	Nguyễn Văn	Huy	69	77	
1348	FN003	31191027207	Hoàng Thị Thu	Hương	72	72	
1349	FN003	31191025815	Nguyễn Gia	Khiêm	70	85	
1350	FN003	31191021744	Nguyễn Thùy	Linh	72	73	
1351	FN003	31191021759	Nguyễn Hữu	Lộc	69	73	
1352	FN003	31191026964	Đoàn Thảo	Mai	71	88	
1353	FN003	31191026808	Vũ Thị Tuyết	Mai	69	76	
1354	FN003	31191026075	Nguyễn Duy	Nam	69	69	
1355	FN003	31191026815	Trương Thị Tố	Nga	69	70	
1356	FN003	31191025952	Nguyễn Thị	Ngân	69	78	
1357	FN003	31191025587	Nguyễn Thị Thu	Ngân	69	84	
1358	FN003	31191023625	Nguyễn Trung	Nghĩa	69	66	
1359	FN003	31191026982	Phạm Tiết Quỳnh	Như	76	74	
1360	FN003	31191020943	Huỳnh Phạm Gia	Phú	77	86	
1361	FN003	31191024616	Trương Thị	Phúc	73	85	
1362	FN003	31191025962	Võ Thị Như	Quỳnh	67	80	
1363	FN003	31191025739	Võ Đức	Toàn	57	72	
1364	FN003	31191021406	Nguyễn Thị Bạch	Tuyết	72	87	
1365	FN003	31181021671	Huỳnh Cát	Tường	49	58	
1366	FN003	31191021953	Phạm Hoàng	Tỷ	76	92	
1367	FN003	31191026233	Lê Nguyễn Minh	Thanh	69	78	
1368	FN003	31191026344	Bạch Ngọc Lam	Thảo	69	77	
1369	FN003	31191023973	Võ Ngọc	Thảo	67	69	
1370	FN003	31191027147	Bùi Thị Cẩm	Thư	69	72	
1371	FN003	31191021188	Cao Trần Minh	Thư	69	77	
1372	FN003	31191025828	Huỳnh Ngọc Minh	Thư	67	84	
1373	FN003	31191021951	Bùi Thị Thảo	Trang	70	86	
1374	FN003	31191027004	Ngô Thị Ngọc	Trâm	73	80	
1375	FN003	31191024518	Giang Thanh Tú	Uyên	94	93	
1376	FN003	31191025742	Đào Thị Cẩm	Vân	69	77	
1377	FN003	31191027158	Lê Quang	Vũ	71	76	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
1378	FN003	31191026563	Lâm Thảo	Vy	73	84	
1379	FN003	31191026369	Phạm Thị Tường	Vy	69	81	
1380	FN003	31191021289	Châu Thị Ngọc	Xuân	73	68	
1381	FN003	31191025931	Nguyễn Huỳnh Như	Ý	75	79	
1382	FN003	31191026925	Bùi Thị Mỹ	Yến	69	81	
1383	FNC01	31191023043	Ngô Phương	Anh	70	75	
1384	FNC01	31191025342	Nguyễn Minh	Anh	73	80	
1385	FNC01	31191020219	Phạm Vũ Phương	Anh	77	93	
1386	FNC01	31191023073	Trần Tú	Anh	69	83	
1387	FNC01	31191020277	Tạ Thị Minh	Châu	70	77	
1388	FNC01	31191027316	Nguyễn Phương	Duy	79	82	
1389	FNC01	31191021504	Bùi Thị Minh	Hạnh	78	89	
1390	FNC01	31191023312	Trịnh Mai	Hiếu	72	64	
1391	FNC01	31191020835	Võ Anh	Khoa	69	78	
1392	FNC01	31191026613	Bùi Hải	Linh	69	80	
1393	FNC01	31191022048	Nguyễn Lê Gia	Linh	69	78	
1394	FNC01	31191026959	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	92	96	
1395	FNC01	31191027069	Võ Thị Khánh	Linh	81	87	
1396	FNC01	31191027468	Nguyễn Phúc Bảo	Minh	67	79	
1397	FNC01	31191023557	Trần Ngọc	Minh	70	83	
1398	FNC01	31191025412	Lê Hoàng Phương	Nam	71	63	
1399	FNC01	31191027469	Lê Hạnh	Ngân	77	85	
1400	FNC01	31191027177	Trương Duy Bảo	Nghĩa	61	80	
1401	FNC01	31191025697	Nguyễn Thảo	Nguyên	74	90	
1402	FNC01	31191025872	Trần Minh	Nhật	73	62	
1403	FNC01	31191021501	Phan Nguyễn Diệu	Phước	71	82	
1404	FNC01	31191026986	Dương Trúc	Phương	74	91	
1405	FNC01	31191020048	Hà Minh	Quân	68	62	
1406	FNC01	31191024772	Lương Thủy	Tiên	62	76	
1407	FNC01	31191024301	Nguyễn Nhật	Vy	92	87	
1408	FNC01	31191024316	Trần Huỳnh Phương	Vy	71	79	
1409	FNC02	31191023055	Nguyễn Ngọc Minh	Anh	77	84	
1410	FNC02	31191024797	Nguyễn Ngọc Trâm	Anh	66	75	
1411	FNC02	31191020533	Nguyễn Bảo	Châu	76	83	
1412	FNC02	31191025722	Hoàng Lê	Duy	83	72	
1413	FNC02	31191025679	Lê Tiến	Hải	69	72	
1414	FNC02	31191023353	Võ Lê	Huy	72	72	
1415	FNC02	31191023515	Hà Thiên	Lộc	72	71	
1416	FNC02	31191023570	Trương Thảo	My	75	69	
1417	FNC02	31191020438	Ngô Hà Thục	Nhàn	69	80	
1418	FNC02	31191026490	Phan Thị	Nhàn	75	76	
1419	FNC02	31191025035	Nguyễn Thị Yến	Nhi	69	72	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
1420	FNC02	31191023730	Trần Ngọc	Nhiên	72	80	
1421	FNC02	31191023741	Lương Nguyễn Quỳnh	Như	68	73	
1422	FNC02	31191027392	Nguyễn Phương	Như	68	76	
1423	FNC02	31191027282	Dương Nguyễn Vũ	Phong	71	66	
1424	FNC02	31191023798	Bùi Văn	Phước	71	72	
1425	FNC02	31191023900	Nguyễn Lê Thanh	Tâm	70	63	
1426	FNC02	31191023933	Trần Thiên	Thanh	73	80	
1427	FNC02	31191023967	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	66	76	
1428	FNC02	31191026863	Võ Thu	Thảo	75	75	
1429	FNC02	31191026995	Nguyễn Nhật	Thiện	73	87	
1430	FNC02	31191020082	Trần Thị Thanh	Thủy	69	82	
1431	FNC02	31191024938	Đinh Thùy	Trang	74	88	
1432	FNC02	31191024088	Nguyễn Thị Ngọc	Trang	75	83	
1433	FNC02	31191025795	Đỗ Ngọc Phương	Trâm	76	82	
1434	FNC02	31191024520	Võ Lê Khánh	Vân	72	81	
1435	FNC03	31191024349	Phạm Nguyễn Minh	Anh	92	94	
1436	FNC03	31191024532	Lê Minh	Châu	73	81	
1437	FNC03	31191024881	Nguyễn Thành	Danh	69	70	
1438	FNC03	31191020706	Trần Thị Mai	Dung	74	79	
1439	FNC03	31191024682	Huỳnh Anh	Duy	71	76	
1440	FNC03	31191023174	Lê Nhật Trường	Duy	51	62	
1441	FNC03	31191026382	Đỗ Thành	Đạt	77	92	
1442	FNC03	31191023250	Trương Thế	Hải	70	89	
1443	FNC03	31191022395	Nguyễn Thúy	Hạnh	89	94	
1444	FNC03	31191025248	Lê Trung	Hiếu	70	82	
1445	FNC03	31191023329	Vũ Duy	Hoàng	71	74	
1446	FNC03	31191023355	Lê Thị Thanh	Huyền	73	74	
1447	FNC03	31191023443	Nguyễn Anh	Kiệt	63	71	
1448	FNC03	31191023419	Nguyễn Đỗ Đăng	Khoa	71	74	
1449	FNC03	31191024726	Nguyễn	Nam	62	64	
1450	FNC03	31191024429	Đỗ Thị Thanh	Nga	58	66	
1451	FNC03	31191023584	Đinh Kim	Ngân	73	66	
1452	FNC03	31191023587	Hồ Võ Kim	Ngân	68	65	
1453	FNC03	31191020631	Nguyễn Thuỵ Kim	Ngân	70	82	
1454	FNC03	31191022151	Phan Cao	Nguyên	89	96	
1455	FNC03	31191027218	Hồ Sỹ	Nhật	71	83	
1456	FNC03	31191020378	Ngụy Như	Nhật	69	66	
1457	FNC03	31191027221	Nguyễn Lương Khánh	Nhi	73	70	
1458	FNC03	31191025438	Lại Phan Quỳnh	Như	75	83	
1459	FNC03	31191023806	Huỳnh Thu	Phương	69	74	
1460	FNC03	31181020923	Đào Duy	Quân	62	63	
1461	FNC03	31191024848	Nguyễn Hoàng Trọng	Sang	69	79	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
1462	FNC03	31191020911	Nguyễn Lương Thái	Sơn	70	82	
1463	FNC03	31191023897	Vũ Đức	Tài	70	60	
1464	FNC03	31191024180	Phan Bạch	Tú	69	70	
1465	FNC03	31191024184	Chu Anh	Tuấn	71	84	
1466	FNC03	31191020462	Phan Thị Thúy	Thanh	69	64	
1467	FNC03	31191023958	Nguyễn Huỳnh Phương	Thảo	69	70	
1468	FNC03	31191023989	Đỗ Hữu Đức	Thịnh	61	66	
1469	FNC03	31191024769	Trần Minh	Thư	70	74	
1470	FNC03	31191025638	Đoàn Xuân	Thy	69	82	
1471	FNC03	31191026687	Nguyễn Ngọc Thu	Trang	66	77	
1472	FNC03	31191025100	Lê Thị Huyền	Trâm	74	79	
1473	FNC03	31191024110	Nguyễn Thùy Thiên	Trâm	72	85	
1474	FNC03	31191024119	Nguyễn Thị Ngọc	Trân	73	71	
1475	FNC03	31191024166	Vũ Thành	Trung	75	80	
1476	FNC03	31191024256	Hồ Thế	Việt	69	76	
1477	FNC04	31191023013	Đỗ Đức	Anh	66	72	
1478	FNC04	31191020032	Nguyễn Đặng Quế	Anh	74	85	
1479	FNC04	31181021225	Nguyễn Thị Vân	Anh	58	63	
1480	FNC04	31191025344	Phạm Bùi Lâm	Anh	67	62	
1481	FNC04	31191025523	Nguyễn Thị Kim	Chi	75	91	
1482	FNC04	31191027114	Vũ Thị Tùng	Chi	77	85	
1483	FNC04	31191023161	Nguyễn Thảo	Dung	74	84	
1484	FNC04	31191023166	Đỗ Anh	Dũng	88	75	
1485	FNC04	31191024536	Nguyễn Bá Đức	Duy	70	82	
1486	FNC04	31191025756	Lưu Gia	Đạt	68	65	
1487	FNC04	31191024980	Nguyễn Minh	Đức	69	76	
1488	FNC04	31191027165	Đinh Thu	Hà	69	80	
1489	FNC04	31191024378	Đặng Hải	Hân	73	84	
1490	FNC04	31191025550	Phan Thị Huỳnh	Hoa	75	74	
1491	FNC04	31191026601	Trần Khánh	Huyền	75	85	
1492	FNC04	31191025984	Trần Thị Sông	Hương	76	88	
1493	FNC04	31191023392	Trần Hoàng	Khang	70	83	
1494	FNC04	31191026458	Nguyễn Đình	Khôi	76	84	
1495	FNC04	31191027465	Nguyễn Phương	Linh	68	74	
1496	FNC04	31191026962	Hà Tấn	Luân	76	84	
1497	FNC04	31191025403	Nguyễn Hiền	Mai	68	77	
1498	FNC04	31191026156	Ngô Phan Trà	My	68	68	
1499	FNC04	31191021680	Phạm Thị Tố	Nga	75	88	
1500	FNC04	31191025842	Tăng Nhung Kim	Ngân	67	68	
1501	FNC04	31191020359	Nguyễn Minh	Như	62	70	
1502	FNC04	31191020189	Đặng Thị Kim	Phượng	72	70	
1503	FNC04	31191026340	Phạm Ngọc Diễm	Quỳnh	70	78	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
1504	FNC04	31191023894	Nguyễn Đình	Tài	70	72	
1505	FNC04	31191020746	Phạm Thị Thủy	Tiên	71	84	
1506	FNC04	31191025092	Lê Khánh	Toàn	62	67	
1507	FNC04	31191025495	Trần Thị Cẩm	Tú	68	77	
1508	FNC04	31191027142	Nguyễn Thị Phương	Thảo	73	81	
1509	FNC04	31191025477	Trần Ngọc Minh	Thư	67	78	
1510	FNC04	31191024044	Võ Ngọc Hoài	Thương	69	76	
1511	FNC04	31191026109	Nguyễn Thị Huyền	Trang	68	76	
1512	FNC04	31191024105	Lê Huỳnh Bích	Trâm	73	78	
1513	FNC04	31191026024	Nguyễn Thị Huệ	Trân	68	76	
1514	FNC04	31191024120	Nguyễn Thị Ngọc	Trân	67	71	
1515	FNC04	31191026553	Nguyễn Thu	Uyên	66	81	
1516	FNC04	31191025500	Phạm Thu	Uyên	68	81	
1517	FNC04	31191024221	Trần Quách Minh	Uyên	72	84	
1518	FNC04	31191024324	Nguyễn Hồ Thanh	Xuân	80	94	
1519	FNC04	31191026569	Nguyễn Hoàng	Yến	68	81	
1520	FNC05	31191024668	Nguyễn Duy	An	70	64	
1521	FNC05	31191023012	Chu Thế	Anh	71	81	
1522	FNC05	31191023041	Mai Quỳnh	Anh	68	67	
1523	FNC05	31191026210	Nguyễn Thị Nhật	Ánh	76	88	
1524	FNC05	31191023112	Hoàng Thị	Bình	69	83	
1525	FNC05	31191020776	Lê Trương Triều	Dâng	71	77	
1526	FNC05	31191025358	Trần Hạnh	Dung	68	80	
1527	FNC05	31191023217	Nguyễn Văn	Đức	89	89	
1528	FNC05	31191023297	Lê Trần Thu	Hiền	68	69	
1529	FNC05	31191024992	Nguyễn Trung	Hiếu	68	64	
1530	FNC05	31191020226	Nguyễn Quang	Huy	75	65	
1531	FNC05	31191024418	Phạm Cao Trúc	Linh	69	72	
1532	FNC05	31191026797	Trần Thị Diệu	Linh	68	70	
1533	FNC05	31191024419	Trần Thị Khánh	Linh	69	79	
1534	FNC05	31191023526	Nguyễn Cẩm	Ly	68	64	
1535	FNC05	31191026477	Đào Thị	Ngân	73	77	
1536	FNC05	31191025696	Trương Thái	Ngọc	77	88	
1537	FNC05	31191024746	Nguyễn Phúc Minh	Như	68	67	
1538	FNC05	31191023815	Nguyễn Vũ Quỳnh	Phương	69	78	
1539	FNC05	31191025448	Nguyễn Hồng	Quân	70	73	
1540	FNC05	31191023850	Nguyễn Quý	Quốc	68	63	
1541	FNC05	31191026510	Huỳnh Bảo	Quyên	69	82	
1542	FNC05	31191024464	Trần Tấn	Tài	68	70	
1543	FNC05	31191026342	Trần Quang	Tâm	69	69	
1544	FNC05	31191026657	Phạm Cao Ngọc	Tân	89	91	
1545	FNC05	31191020479	Trần Hữu	Tiến	69	71	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
1546	FNC05	31191025830	Bùi Văn	Toản	67	80	
1547	FNC05	31191026702	Nguyễn Minh	Tú	70	82	
1548	FNC05	31191020348	Phạm Thị Thanh	Tú	78	88	
1549	FNC05	31191024185	Đỗ Đức	Tuấn	72	71	
1550	FNC05	31191024187	Lê Huỳnh Minh	Tuấn	69	76	
1551	FNC05	31191024790	Ngô Dương	Tuấn	68	73	
1552	FNC05	31191026182	Nguyễn Kiều	Thanh	67	68	
1553	FNC05	31191025199	Lê Minh	Thông	69	69	
1554	FNC05	31191026999	Nguyễn Lưu Hoài	Thương	69	83	
1555	FNC05	31191026878	Đoàn Ngọc Khánh	Trang	66	72	
1556	FNC05	31191024506	Nguyễn Minh	Trí	71	79	
1557	FNC05	31191024508	Phan Trần Phương	Trinh	69	78	
1558	FNC05	31191024785	Nguyễn Lê Thị Thanh	Trúc	71	85	
1559	FNC05	31191026561	Nguyễn Hoàng	Vinh	76	88	
1560	FNC05	31191024260	Nguyễn Thành	Vinh	69	71	
1561	FNC05	31191024285	Lê Thúy	Vy	62	65	
1562	FNC05	31191024297	Nguyễn Mai Hạ	Vy	67	70	
1563	FNC05	31191024795	Trần Trúc	Vy	69	71	
1564	FNC06	31191023014	Đỗ Ngọc Quỳnh	Anh	73	90	
1565	FNC06	31191023031	Lê Ngọc Quỳnh	Anh	77	87	
1566	FNC06	31191025347	Trương Thị Lâm	Anh	88	92	
1567	FNC06	31191021843	Phan Phước	Đại	73	82	
1568	FNC06	31181025679	Nguyễn Thanh	Đức	66	81	
1569	FNC06	31191023220	Trần Hồng	Đức	73	71	
1570	FNC06	31191027325	Tôn Nữ Hoàng	Gia	70	77	
1571	FNC06	31191026269	Phạm Phan Y	Hạ	71	82	
1572	FNC06	31191021699	Huỳnh Thị Mỹ	Hạnh	82	81	
1573	FNC06	31191023273	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	84	88	
1574	FNC06	31191023293	Hồ Thị Thu	Hiền	68	68	
1575	FNC06	31191023348	Nguyễn Quốc	Huy	68	66	
1576	FNC06	31191027168	Nguyễn Văn	Huy	83	91	
1577	FNC06	31191024997	Trương Đức	Huy	69	72	
1578	FNC06	31191027276	Vũ Khánh	Huyền	69	71	
1579	FNC06	31191024562	Nguyễn Đức	Hưng	75	74	
1580	FNC06	31191026609	Nguyễn Tấn	Kiệt	79	78	
1581	FNC06	31191023511	Nguyễn Hưng	Long	78	84	
1582	FNC06	31171021370	Đoàn Mai Thiên	Lộc	68	73	
1583	FNC06	31191027264	Vũ Xuân	Lộc	76	87	
1584	FNC06	31191021387	Lê Thị Bích	Ngân	73	84	
1585	FNC06	31191020395	Phạm Hồng Thanh	Ngân	73	75	
1586	FNC06	31191023608	Phan Thị Tuyết	Ngân	73	72	
1587	FNC06	31191020031	Đoàn Bảo	Ngọc	71	78	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
1588	FNC06	31191026824	Phan Thị Y	Ngọc	69	80	
1589	FNC06	31191025778	Huỳnh Thị Thanh	Nhàn	69	73	
1590	FNC06	31191026641	Phùng Quang	Nhật	77	74	
1591	FNC06	31191026009	Huỳnh Thị Thiên	Nhi	71	81	
1592	FNC06	31191026168	Phan Thanh Thảo	Nhi	68	70	
1593	FNC06	31191025436	Trần Thị Phi	Nhung	89	82	
1594	FNC06	31191027391	Đặng Tâm	Như	69	72	
1595	FNC06	31191025185	Võ Minh	Như	76	74	
1596	FNC06	31191026097	Hoàng Tấn	Quang	71	77	
1597	FNC06	31191027183	Lê Viết	Quang	68	75	
1598	FNC06	31191026650	Phan Ngọc Tùng	Quyên	82	84	
1599	FNC06	31191020328	Nguyễn Thị Băng	Tâm	75	80	
1600	FNC06	31191025741	Trương Minh	Tuấn	73	84	
1601	FNC06	31191024631	Lê Ngọc	Thạch	68	69	
1602	FNC06	31191024758	Nguyễn Thị Kim	Thanh	69	74	
1603	FNC06	31191025309	Bùi Hửu	Thiện	80	92	
1604	FNC06	31191026023	Nguyễn Huế	Trân	75	76	
1605	FNC06	31191022083	Đỗ Nữ Hiền	Vân	69	77	
1606	FNC06	31191024243	Lê Thị Tường	Vi	92	94	
1607	FNC06	31191024251	Lê Minh	Vĩ	73	69	
1608	FT001	31191025671	Trần Vi	Bình	69	74	
1609	FT001	31191026734	Nguyễn Thị Quỳnh	Chi	71	75	
1610	FT001	31191025974	Nguyễn Hoàng	Dũng	64	77	
1611	FT001	31191021973	Huỳnh Thị Khánh	Duyên	62	86	
1612	FT001	31191025538	Lý Ngọc Lan	Đình	68	80	
1613	FT001	31191026437	Ngô Hà	Giao	77	93	
1614	FT001	31191024991	Trần Tuấn	Hiệp	69	74	
1615	FT001	31191025727	Bùi Thị Phương	Hoa	69	65	
1616	FT001	31191026770	Phạm Thị Minh	Hoa	68	73	
1617	FT001	31191022006	Nguyễn Thị Hải	Hoàn	69	74	
1618	FT001	31191026283	Đinh Thị Lan	Huệ	81	88	
1619	FT001	31191025691	Hà Bảo	Long	49	53	
1620	FT001	31191026154	Lê Thị Thanh	Mai	69	79	
1621	FT001	31191024430	Hồ Thị Kim	Ngân	68	84	
1622	FT001	31191027214	Nguyễn Trần Hiếu	Ngân	70	81	
1623	FT001	31191025590	Trần Thị Thu	Ngân	69	78	
1624	FT001	31191026483	Cai Hoàng	Nghĩa	69	73	
1625	FT001	31191023628	Bùi Trần Hồng	Ngọc	72	80	
1626	FT001	31191026224	Ngô Thị Ánh	Nguyệt	70	74	
1627	FT001	31191025028	Lưu Tuyết	Nhi	74	84	
1628	FT001	31191027223	Nguyễn Thùy	Nhi	69	75	
1629	FT001	31191025183	Võ Thị Hồng	Nhung	68	82	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
1630	FT001	31191026981	Võ Thị Phi	Nhung	70	80	
1631	FT001	31191025608	Lê Ngọc Quỳnh	Như	71	83	
1632	FT001	31191025055	Vòng Tiểu	Phụng	66	68	
1633	FT001	31191026098	Trần Anh	Quân	67	68	
1634	FT001	31191023861	Sử Thị Khánh	Quyên	65	70	
1635	FT001	31191021914	Bùi Nhật Thiên	Thanh	69	80	
1636	FT001	31191025073	Nguyễn Thị Minh	Thi	67	78	
1637	FT001	31191022227	Trần Đỗ Hoàng	Thi	80	89	
1638	FT001	31191027266	Hoàng Thị Lệ	Thu	66	73	
1639	FT001	31191025200	Trần Thanh	Thuận	70	80	
1640	FT001	31191027419	Đỗ An	Thùy	69	84	
1641	FT001	31191025088	Đặng Ngọc Phương	Thy	68	83	
1642	FT001	31191027445	Nguyễn Thị Việt	Trinh	69	78	
1643	FT001	31191026700	Trần Kiều	Trinh	70	82	
1644	FT001	31191026201	Phạm Thị Hồng	Vi	75	86	
1645	FT001	31191025655	Nguyễn Thanh	Việt	72	84	
1646	FT001	31191026564	Nguyễn Thị Tường	Vy	73	82	
1647	FT002	31191023062	Nguyễn Thị Lan	Anh	71	79	
1648	FT002	31191026732	Hà Minh	Châu	81	83	
1649	FT002	31191025357	Đỗ Khắc Cao	Dinh	88	93	
1650	FT002	31191026738	Trần Thị Mỹ	Dung	70	82	
1651	FT002	31191025755	Trần Thị Thùy	Dương	72	77	
1652	FT002	31191027053	Trần Quang	Đức	72	83	
1653	FT002	31191024546	Vũ Thị Thu	Hà	70	79	
1654	FT002	31191026275	Lê Ngọc Bảo	Hân	73	83	
1655	FT002	31191022076	Lê Thị Ánh	Huyên	70	82	
1656	FT002	31191026287	Lê Thị Thùy	Huyên	72	86	
1657	FT002	31191020907	Trần Thị Thu	Hương	73	82	
1658	FT002	31191023389	Phan Thành Bảo	Khang	67	76	
1659	FT002	31191026792	Cao Thị Mỹ	Lệ	78	78	
1660	FT002	31191026794	Nguyễn Thị Huyền	Linh	74	80	
1661	FT002	31191026146	Phạm Duy	Linh	73	74	
1662	FT002	31191023497	Trần Ngọc Thùy	Linh	76	81	
1663	FT002	31191026961	Trần Thị Kim	Linh	71	86	
1664	FT002	31191022061	Lê Thị Cẩm	Ly	71	76	
1665	FT002	31191024426	Nguyễn Thị Hương	Mơ	70	85	
1666	FT002	31191025869	Trịnh Hoàn	Mỹ	71	81	
1667	FT002	31191023579	Trần Đình	Nam	68	75	
1668	FT002	31191024582	Lưu Thị Thanh	Nga	71	77	
1669	FT002	31191026312	Nguyễn Thị Thúy	Nga	73	86	
1670	FT002	31191021960	Nguyễn Quang Hồng	Ngọc	76	86	
1671	FT002	31191021989	Trần Bảo	Ngọc	76	85	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
1672	FT002	31191022096	Hà Yến	Nhi	72	84	
1673	FT002	31191021912	Võ Thị Quỳnh	Như	76	87	
1674	FT002	31191026502	Đỗ Thị Phi	Oanh	78	85	
1675	FT002	31191026403	Đặng Hoàng	Sơn	71	83	
1676	FT002	31191024630	Thái Minh	Tài	77	84	
1677	FT002	31191024465	Chiếng Chắn	Tắc	81	89	
1678	FT002	31191025640	Huỳnh Thành	Tín	72	80	
1679	FT002	31191024475	Nguyễn Thị Phương	Thảo	73	85	
1680	FT002	31191022079	Phan Thị Thanh	Thu	72	89	
1681	FT002	31191020871	Trần Viết	Thuận	74	73	
1682	FT002	31191021985	Trần Phương	Thùy	78	88	
1683	FT002	31191026998	Trương Huỳnh Anh	Thư	79	87	
1684	FT002	31191026545	Đào Thị	Trúc	70	82	
1685	FT002	31191026546	Trần Thị Mỹ	Trúc	76	87	
1686	FT002	31191025331	Nguyễn Trần Ái	Vy	66	82	
1687	FT002	31191024873	Phương Hải	Yến	71	77	
1688	HQ001	31191027303	Hồ Hoàng	Anh	70	71	
1689	HQ001	31191021255	Huỳnh Quế	Anh	68	77	
1690	HQ001	31191026416	Hà Thị	Bích	69	73	
1691	HQ001	31191023117	Dương Ngọc Minh	Châu	70	71	
1692	HQ001	31191020144	Huỳnh Đức	Duy	74	81	
1693	HQ001	31191025534	Nguyễn Phan Thùy	Duyên	74	81	
1694	HQ001	31191025678	Nguyễn Nhật	Hạ	73	83	
1695	HQ001	31191026217	Đặng Quang	Hiếu	79	90	
1696	HQ001	31191024994	Nguyễn Minh	Hoàng	68	72	
1697	HQ001	31191020116	Phạm Nguyễn Nhơn	Huân	80	83	
1698	HQ001	31191021672	Phạm Quế	Hương	73	88	
1699	HQ001	31191025912	Nguyễn Ngọc Phương	Liêm	69	79	
1700	HQ001	31191025389	Bùi Phương	Linh	67	66	
1701	HQ001	31191026622	Nguyễn Thị Kim	Lộc	76	81	
1702	HQ001	31191025165	Nguyễn Trúc	Mai	73	82	
1703	HQ001	31191023538	Ngô Huệ	Mẫn	70	79	
1704	HQ001	31191025693	Trần Nguyễn Minh	Mẫn	76	83	
1705	HQ001	31191023542	Trịnh Hạnh	Mi	76	82	
1706	HQ001	31191023551	Nghiêm Thái Hoàng	Minh	77	75	
1707	HQ001	31191025015	Nguyễn Bùi Nhật	Minh	68	76	
1708	HQ001	31191025433	Lê Ngọc	Nhi	69	75	
1709	HQ001	31191023711	Nguyễn Trương Uyển	Nhi	72	82	
1710	HQ001	31191024742	Nguyễn Huỳnh	Nhung	69	69	
1711	HQ001	31191024608	Võ Thị Quỳnh	Như	69	79	
1712	HQ001	31191023778	Nguyễn Vương Gia	Phú	73	80	
1713	HQ001	31191022120	Nguyễn Dương Hoàng	Phúc	70	83	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
1714	HQ001	31191023794	Nguyễn Ngọc	Phụng	70	79	
1715	HQ001	31191024844	Trần Thị Bích	Phường	69	72	
1716	HQ001	31191020591	Trần Thị Minh	Sang	69	79	
1717	HQ001	31191026518	Võ Minh	Sơn	88	93	
1718	HQ001	31191023941	Phạm Minh	Thành	72	79	
1719	HQ001	31191023981	Trần Thị Phương	Thi	69	73	
1720	HQ001	31191026674	Thái Ngọc Anh	Thuận	81	86	
1721	HQ001	31191027242	Hồ Thị Huyền	Trang	78	87	
1722	HQ001	31191027103	Phạm Thị	Trang	69	73	
1723	HQ001	31191027443	Nguyễn Võ Bảo	Trân	68	67	
1724	HQ001	31191026204	Bùi Thị Tường	Vy	79	90	
1725	HQ001	31191025657	Đỗ Lê	Vy	68	68	
1726	HQ002	31191024531	Huỳnh Công Minh	Anh	74	85	
1727	HQ002	31191026417	Phạm Ngọc Thuý	Bình	71	82	
1728	HQ002	31191026249	Lê Thị Mỹ	Châu	69	81	
1729	HQ002	31191026046	Trần Thị Kim	Chi	70	83	
1730	HQ002	31191026048	Hoàng Thị Ngọc	Diệp	59	66	
1731	HQ002	31191020702	Chu Mai Quỳnh	Dung	69	74	
1732	HQ002	31191026267	Nguyễn Ngọc Hà	Giang	70	75	
1733	HQ002	31191023279	Mai Gia	Hân	80	88	
1734	HQ002	31191021618	Phạm Thị Ngọc	Hân	97	95	
1735	HQ002	31191026766	Thái Thu	Hiền	70	86	
1736	HQ002	31191025250	Lê Tấn	Hoàng	69	67	
1737	HQ002	31191024557	Lương Nguyễn Việt	Hùng	73	72	
1738	HQ002	31191025569	Võ Mai	Lan	71	82	
1739	HQ002	31191021555	Nguyễn Thị Thanh	Mai	75	75	
1740	HQ002	31191027365	Lê Ngọc Thảo	My	68	71	
1741	HQ002	31191025589	Phạm Thị Ngọc	Ngân	68	75	
1742	HQ002	31191021201	Nguyễn Hồ	Ngọc	70	80	
1743	HQ002	31191022336	Lê Thị Lan	Nhi	66	77	
1744	HQ002	31191025700	Nguyễn Trần Yến	Nhi	70	81	
1745	HQ002	31191021698	Trần Thị Yến	Nhi	78	81	
1746	HQ002	31191020700	Hà Ngọc	Nhung	68	76	
1747	HQ002	31191024601	Lý Hồng	Nhung	70	82	
1748	HQ002	31191025435	Nguyễn Hồng	Nhung	70	76	
1749	HQ002	31191026504	Bùi Minh	Phi	71	79	
1750	HQ002	31191022235	Lê Việt	Quốc	69	79	
1751	HQ002	31191021373	Phan Phú	Quý	69	74	
1752	HQ002	31191026520	Huỳnh Xuân	Thành	68	66	
1753	HQ002	31191023974	Võ Thị Thanh	Thảo	73	81	
1754	HQ002	31191026524	Nguyễn Mỹ	Thi	69	79	
1755	HQ002	31191020649	Trần Minh	Thoại	69	75	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
1756	HQ002	31191021357	Võ Thị Mộng	Thơ	70	81	
1757	HQ002	31191021874	Đỗ Đan	Thuần	77	83	
1758	HQ002	31191024858	Lê Việt Hoàng	Thư	69	77	
1759	HQ002	31191021044	Nguyễn Thị Song	Thư	69	81	
1760	HQ002	31191025085	Trịnh Anh	Thư	73	84	
1761	HQ002	31191024084	Ngô Ngọc Phương	Trang	72	83	
1762	HQ002	31191025902	Trần Thị Quế	Trân	71	84	
1763	HQ002	31191020650	Cao Đức	Trọng	94	88	
1764	HQ002	31191027452	Phạm Thị Thảo	Vân	69	79	
1765	HQ002	31191020991	Trần Nguyễn Thảo	Vân	70	72	
1766	HQ002	31191025803	Huỳnh Phương	Vy	69	81	
1767	HQ002	31191026206	Nguyễn Thị Hoàng	Vy	70	83	
1768	IB001	31191024815	Đặng Trần Huỳnh	Anh	69	67	
1769	IB001	31191024671	Nguyễn Ngọc Vân	Anh	53	63	
1770	IB001	31191023059	Nguyễn Thị Châu	Anh	66	73	
1771	IB001	31191026928	Nguyễn Thị Vân	Anh	67	70	
1772	IB001	31191024877	Trương Diệu	Anh	77	87	
1773	IB001	31191023107	Hồ Thị	Bé	59	73	
1774	IB001	31191023108	Bùi Thị Mai	Bình	73	81	
1775	IB001	31191027195	Hoàng Thị Thanh	Châu	80	88	
1776	IB001	31191026044	Phan Minh	Châu	69	76	
1777	IB001	31191026256	Lê Thùy	Dung	68	79	
1778	IB001	31191023229	Đặng Châu	Giang	63	75	
1779	IB001	31191023256	Lê Thị Mỹ	Hạnh	68	74	
1780	IB001	31191026213	Phan Văn Anh	Hào	53	62	
1781	IB001	31191023266	Nguyễn Quỳnh Trang	Hảo	69	69	
1782	IB001	31191025544	Trần Mai Ngọc	Hằng	69	81	
1783	IB001	31191024889	Huỳnh Thị Diệu	Hiền	81	93	
1784	IB001	31191026946	Trần Văn	Hòa	64	72	
1785	IB001	31191023378	Nguyễn Vũ Quỳnh	Hương	66	73	
1786	IB001	31191023445	Phan Thị Mỹ	Kim	70	74	
1787	IB001	31191026949	Bùi Thụy	Kha	70	79	
1788	IB001	31191025840	Phan Huỳnh Hiếu	Minh	70	77	
1789	IB001	31191024725	Hoàng	Nam	79	88	
1790	IB001	31191026158	Nguyễn Thị Thảo	Ngân	70	80	
1791	IB001	31191023651	Tăng Hồng	Ngọc	70	75	
1792	IB001	31191026489	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	65	73	
1793	IB001	31191026335	Nguyễn Tường Kim	Phụng	66	83	
1794	IB001	31191023809	Lê Ngọc Trúc	Phương	73	84	
1795	IB001	31191026851	Nguyễn Hà Trúc	Quỳnh	70	79	
1796	IB001	31191026103	Nguyễn Phước Bảo	Tài	71	78	
1797	IB001	31191025624	Nguyễn Thanh	Tài	69	76	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
1798	IB001	31191027448	Lê Thị Thanh	Tuyền	69	83	
1799	IB001	31191025627	Phạm Ngọc Trúc	Thanh	69	80	
1800	IB001	31191023948	Dương Việt Thanh	Thảo	67	63	
1801	IB001	31191026672	Nguyễn Lê Thảo	Thi	71	82	
1802	IB001	31191027418	Phạm Thị Ngọc	Thúy	60	71	
1803	IB001	31191024023	Trương Thị Thanh	Thúy	69	78	
1804	IB001	31191024040	Tào Dương Thanh	Thư	69	75	
1805	IB001	31191024041	Trần Minh	Thư	71	76	
1806	IB001	31191025484	Nguyễn Thị Minh	Trang	70	76	
1807	IB001	31191025487	Phạm Thị Thu	Trang	71	76	
1808	IB001	31191025847	Trương Mỹ	Trân	73	83	
1809	IB001	31191026706	Nguyễn Thúy	Vi	70	73	
1810	IB001	31191024261	Trương Quang	Vinh	69	69	
1811	IB001	31191024305	Nguyễn Thị Tường	Vy	69	81	
1812	IB001	31191024319	Trần Ngọc Thanh	Vy	67	77	
1813	IB002	31191026121	Trần Thúy	An	72	84	
1814	IB002	31191025230	Dương Ngọc	Anh	69	76	
1815	IB002	31191026122	Trần Xuân Thảo	Châu	69	72	
1816	IB002	31191024534	Hoàng Thị Giang	Chi	72	84	
1817	IB002	31191024684	Nguyễn Võ Minh	Duy	65	66	
1818	IB002	31191026261	Ngô Quỳnh	Duyên	67	74	
1819	IB002	31191026940	Đỗ Thị Bình	Hạnh	71	75	
1820	IB002	31191023303	Trần Minh	Hiển	80	80	
1821	IB002	31191025943	Bùi Thị Minh	Hiếu	69	75	
1822	IB002	31191025728	Lê Phước	Hòa	82	83	
1823	IB002	31191026772	Phạm Ngọc	Hòa	64	67	
1824	IB002	31191020817	Phan Hiếu	Hồng	69	78	
1825	IB002	31191026602	Võ Nguyễn Phương	Huyền	68	76	
1826	IB002	31191027171	Mai Thu	Hương	84	84	
1827	IB002	31191026461	Nguyễn Thị	Kiều	70	80	
1828	IB002	31191025731	Vũ Văn	Lê	74	83	
1829	IB002	31191026619	Nguyễn Nhật	Linh	70	84	
1830	IB002	31191026620	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	75	82	
1831	IB002	31191026298	Huỳnh Thị Bích	Loan	70	73	
1832	IB002	31191023509	Nguyễn Hoàng	Long	73	72	
1833	IB002	31191027073	Nguyễn Thị Khánh	Ly	66	75	
1834	IB002	31191023544	Đinh Nhựt	Minh	69	68	
1835	IB002	31191026314	Dương Thị Thu	Ngân	70	80	
1836	IB002	31191023611	Trần Lê Hạnh	Ngân	74	84	
1837	IB002	31191025419	Phan Thị Quỳnh	Nghi	77	88	
1838	IB002	31191024909	Huỳnh Thị Minh	Ngọc	68	70	
1839	IB002	31191024591	Lê Minh	Nhật	70	75	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
1840	IB002	31191024594	Nguyễn Đặng Hiền	Nhi	71	81	
1841	IB002	31191023766	Trần Thị Kim	Oanh	76	83	
1842	IB002	31191025054	Đỗ Kim	Phụng	70	78	
1843	IB002	31191025444	Nguyễn Bình Mai	Phương	66	65	
1844	IB002	31191023878	Nguyễn Như	Quỳnh	86	82	
1845	IB002	31191025454	Phạm Thị Như	Quỳnh	71	76	
1846	IB002	31191026887	Trần Ngọc Thiên	Trang	75	82	
1847	IB002	31191024141	Nguyễn Ngọc	Trinh	74	83	
1848	IB002	31191024164	Nguyễn Thành	Trung	66	64	
1849	IB002	31191024511	Trần Vương	Trung	53	60	
1850	IB002	31191026197	Huỳnh Đức Hải	Trường	71	81	
1851	IB002	31191026116	Nguyễn Hoàng	Uyên	74	78	
1852	IB002	31191024231	Bùi Thanh	Vân	69	73	
1853	IB002	31191025219	Nguyễn Phan Hải	Vân	69	76	
1854	IB002	31191024277	Đoàn Lê Thúy	Vy	61	64	
1855	IB002	31191024298	Nguyễn Ngọc Khánh	Vy	70	79	
1856	IB002	31191026208	Trương Thị Phương	Vy	71	81	
1857	IB003	31191027043	Nguyễn Thị Hồng	Anh	71	85	
1858	IB003	31191026412	Phan Nguyễn Lan	Anh	61	75	
1859	IB003	31191026422	Lê Thị Mỹ	Diên	69	78	
1860	IB003	31191026424	Ngô Thúy	Dung	65	78	
1861	IB003	31191023173	Đào Anh	Duy	78	88	
1862	IB003	31191024687	Hồ Võ Kỳ	Duyên	73	87	
1863	IB003	31191025900	Nông Thị Mỹ	Duyên	69	67	
1864	IB003	31191023215	Bùi Văn	Đức	78	81	
1865	IB003	31191021050	Phạm Minh	Đức	76	86	
1866	IB003	31191023240	Nguyễn Thị Khánh	Hà	68	72	
1867	IB003	31191024887	Trương Ngọc	Hà	75	86	
1868	IB003	31191025405	Vũ Đức	Mạnh	59	77	
1869	IB003	31191026632	Lê Thị Thanh	My	75	85	
1870	IB003	31191027380	Lê Thị Thảo	Nguyên	77	93	
1871	IB003	31191026397	Hà Thị Thảo	Nhi	69	70	
1872	IB003	31191020772	Nguyễn Ngọc Thanh	Nhi	83	86	
1873	IB003	31191025033	Nguyễn Thị Yến	Nhi	70	82	
1874	IB003	31191024599	Trịnh Thảo	Nhi	74	83	
1875	IB003	31191027136	Hoàng Thị	Oanh	70	85	
1876	IB003	31191025846	Thái Nhật	Phi	70	80	
1877	IB003	31191020411	Trần Hoàng	Phi	59	61	
1878	IB003	31191025703	Nguyễn Hồng Đông	Phương	67	79	
1879	IB003	31191024617	Nguyễn Thị Thu	Phương	72	89	
1880	IB003	31191026652	Trần Diễm	Quỳnh	73	89	
1881	IB003	31191027236	Nguyễn Thị Yến	Tâm	70	81	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
1882	IB003	31191026114	Phạm Nguyễn Cát	Tường	75	82	
1883	IB003	31191025827	Võ Thị Kim	Thoa	66	81	
1884	IB003	31191026997	Nguyễn Ngọc Cát	Thuyên	69	83	
1885	IB003	31191025201	Bùi Hoa Ngọc Minh	Thư	81	92	
1886	IB003	31191027429	Nguyễn Ngọc Hoài	Thương	68	78	
1887	IB003	31191026678	Nguyễn Thị Hoài	Thương	69	74	
1888	IB003	31191024646	Bùi Hải	Trang	69	77	
1889	IB003	31191024498	Ngô Thị Thùy	Trang	70	84	
1890	IB003	31191027433	Nguyễn Lê Hoàng	Trang	70	82	
1891	IB003	31191024501	Phan Bảo Quỳnh	Trang	86	85	
1892	IB003	31191026968	Trịnh Thị Minh	Trâm	65	81	
1893	IB003	31191026696	Hồ Thị Ngọc	Trân	70	79	
1894	IB003	31191026698	Vũ Thế	Tri	69	77	
1895	IB003	31191024165	Trần Y	Trung	69	65	
1896	IB003	31191024663	Nguyễn Ngọc Anh	Văn	72	80	
1897	IB003	31191026910	Hoàng Hạ	Vi	69	79	
1898	IB003	31191026117	Lê Thị Kim	Vui	60	80	
1899	IB003	31191021946	Huỳnh Yến	Vy	66	76	
1900	IB003	31191025508	Lê Nhật	Vy	69	69	
1901	IB003	31191026372	Nguyễn Thị Hoàng Phi	Yến	69	83	
1902	IB004	31191025808	Vương Bội	Châu	69	78	
1903	IB004	31191026251	Trần Thị Kim	Chi	69	79	
1904	IB004	31191026736	Nguyễn Thị Thu	Diễm	69	71	
1905	IB004	31191025139	Lâm Quốc	Duy	69	82	
1906	IB004	31191026125	Phan Hoàng	Duy	60	80	
1907	IB004	31191026265	Nguyễn Thành	Đạt	70	79	
1908	IB004	31191025981	Hồ Hương	Giang	69	73	
1909	IB004	31191026759	Phan Long	Hải	59	69	
1910	IB004	31191024888	Vũ Thị Mỹ	Hạnh	61	80	
1911	IB004	31191026058	Mai Thị Thúy	Hằng	70	75	
1912	IB004	31191026216	Dương Nguyễn Bảo	Hân	69	70	
1913	IB004	31191026137	Trương Thị Thanh	Hiền	70	76	
1914	IB004	31191026138	Ngô Hồng	Hội	70	81	
1915	IB004	31191023335	Trần Long Sơn	Hùng	53	62	
1916	IB004	31191023344	Huỳnh Hoàng	Huy	82	86	
1917	IB004	31191025378	Lê Gia	Huy	80	90	
1918	IB004	31191023439	Lương Tuấn	Kiện	75	83	
1919	IB004	31191026612	Nguyễn Thị	Lan	71	84	
1920	IB004	31191023478	Lê Châu Yến	Linh	70	78	
1921	IB004	31191027263	Vũ Quang	Linh	69	75	
1922	IB004	31191026621	Nguyễn Thị Kim	Loan	68	86	
1923	IB004	31191023503	Trần Huỳnh Trúc	Loan	70	74	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
1924	IB004	31191022017	Nguyễn Thị Ngọc	Ly	69	78	
1925	IB004	31191026481	Nguyễn Thị Bích	Ngân	73	85	
1926	IB004	31191025276	Huỳnh Hữu	Nghĩa	69	68	
1927	IB004	31181022225	Lê Thị Uyên	Nhi	68	72	
1928	IB004	31191020698	Nguyễn Võ Kim	Nhi	69	70	
1929	IB004	31191023755	Trương Ngọc Tâm	Như	73	79	
1930	IB004	31191023820	Trần Lê Lan	Phương	69	70	
1931	IB004	31191020559	Đào Duy	Quang	69	70	
1932	IB004	31191020857	Võ Ngọc Cát	Tường	69	67	
1933	IB004	31191025824	Đặng Thành	Thái	69	74	
1934	IB004	31191025825	Lương Thu	Thảo	71	71	
1935	IB004	31191026015	Nguyễn Thị Kim	Thoa	74	90	
1936	IB004	31191027144	Lê Thị Hoài	Thu	69	78	
1937	IB004	31191027001	Phan Nguyễn Thiên	Trà	70	79	
1938	IB004	31191026889	Võ Huyền	Trang	69	75	
1939	IB004	31191025494	Võ Thị Ngọc	Trinh	68	77	
1940	IB004	31191024517	Đinh Hà	Uyên	70	72	
1941	IB004	31191025498	Nguyễn Thu	Uyên	69	78	
1942	IB004	31191022406	Nguyễn Tô Tường	Vi	70	76	
1943	IB004	31191026707	Đặng Trần Thảo	Vy	70	84	
1944	IB004	31191026562	Hà Bùi Tường	Vy	69	66	
1945	IB004	31191024871	Nguyễn Võ Khang	Vy	69	73	
1946	IB004	31191026370	Phạm Thị Ngọc	Yên	69	75	
1947	IB004	31191025334	Phạm Thị Phi	Yến	69	77	
1948	IB005	31191024341	Hoàng Phương	Anh	72	89	
1949	IB005	31191026723	Nguyễn Vân	Anh	69	74	
1950	IB005	31191026254	Trần Tiểu	Diễm	69	74	
1951	IB005	31191025529	Nguyễn Hoàng	Duy	73	82	
1952	IB005	31191023187	Trần Ngọc Thùy	Duyên	69	74	
1953	IB005	31191024540	Nguyễn Thế	Giang	73	76	
1954	IB005	31191021971	Nguyễn Thị Thu	Hằng	71	85	
1955	IB005	31181022767	Dương Thúy	Hiền	69	74	
1956	IB005	31191021460	Nguyễn Thị Vân	Hiền	69	80	
1957	IB005	31191026284	Đinh Huỳnh Minh	Huy	87	93	
1958	IB005	31191025251	Lý Quốc	Huy	69	72	
1959	IB005	31191027173	Trần Thị Diễm	Hương	71	84	
1960	IB005	31191026784	Phạm Thế	Khang	68	67	
1961	IB005	31191026302	Lê Thị Cẩm	Ly	70	69	
1962	IB005	31191026152	Phạm Thị Minh	Ly	56	68	
1963	IB005	31191025406	Lê Thị Tuyết	Minh	69	68	
1964	IB005	31191025950	Nguyễn Thị Trà	My	76	82	
1965	IB005	31191020891	Ông Võ Hoàng	My	69	75	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
1966	IB005	31191026309	Nguyễn Thị	Mỹ	69	74	
1967	IB005	31191026313	Bùi Thị Bích	Ngân	68	67	
1968	IB005	31191021261	Nguyễn Thị Kim	Ngân	68	67	
1969	IB005	31191023603	Nguyễn Thị Yến	Ngân	85	79	
1970	IB005	31191024433	Nguyễn Thúy	Ngân	69	78	
1971	IB005	31191025772	Nguyễn Thị Mẫn	Nghi	71	81	
1972	IB005	31191026323	Lê Minh	Nguyệt	69	75	
1973	IB005	31191026324	Trần Thị Thanh	Nhàn	68	70	
1974	IB005	31191027222	Nguyễn Thị Uyển	Nhi	76	89	
1975	IB005	31191023740	Lê Yến	Như	67	79	
1976	IB005	31191025440	Ngô Thị	Oanh	68	82	
1977	IB005	31191020341	Nguyễn Bá	Phong	66	67	
1978	IB005	31191024619	Hoàng Thế	Quang	68	67	
1979	IB005	31191026176	Trần Ái	Quyên	69	79	
1980	IB005	31191022088	Nguyễn Ngọc Thúy	Quỳnh	69	70	
1981	IB005	31191022254	Nguyễn Thị Nhã	Quỳnh	75	91	
1982	IB005	31191025710	Lâm Nhật	Tân	72	74	
1983	IB005	31171021097	Trần Minh Quốc	Toàn	51	56	
1984	IB005	31191026901	Lê Minh	Tuấn	66	65	
1985	IB005	31191021930	Nguyễn Thị	Thơ	70	81	
1986	IB005	31191025633	Nguyễn Thị Anh	Thư	69	76	
1987	IB005	31191026236	Lê Phú	Thức	62	58	
1988	IB005	31191024499	Nguyễn Thu	Trang	73	88	
1989	IB005	31191026693	Vương Thị	Trang	68	72	
1990	IB005	31191026540	Lê Thị Ngọc	Trâm	84	82	
1991	IB005	31191024163	Nguyễn Minh	Trung	72	86	
1992	IB005	31191022229	Đặng Phương	Uyên	71	82	
1993	IB005	31191025502	Vũ Nguyễn Khánh	Vân	63	69	
1994	IB005	31191025892	Trần Hứa	Vĩ	68	78	
1995	IB005	31191026366	Cù Thị Hoàng	Vy	69	67	
1996	IB005	31191025225	Nguyễn Phan Thảo	Vy	70	78	
1997	IB006	31191023075	Trần Vũ Việt	Anh	59	58	
1998	IB006	31191022141	Trần Thị Kim	Chi	69	81	
1999	IB006	31191022412	Bùi Thị Thùy	Dung	71	78	
2000	IB006	31191027261	Hoàng Xuân Lin	Đa	70	80	
2001	IB006	31181023586	Lại Thị Mỹ	Hạnh	58	54	
2002	IB006	31191027126	Trần Quang	Huy	69	82	
2003	IB006	31191023365	Phan Sỹ Tuấn	Hưng	78	92	
2004	IB006	31191024400	Trần Thị Thanh	Hường	68	69	
2005	IB006	31191021924	Nguyễn Thanh	Lịch	71	81	
2006	IB006	31191023473	Đào Thị Ngọc	Linh	69	81	
2007	IB006	31191022326	Võ Thị	Ly	82	94	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
2008	IB006	31191024427	Nguyễn Trà	My	74	84	
2009	IB006	31191022410	Hồ Thị Ngọc	Nữ	69	70	
2010	IB006	31191026974	Huỳnh Xuân	Ngọc	66	79	
2011	IB006	31191023681	Nguyễn Quách Thiện	Nhân	52	52	
2012	IB006	31191022278	Trần Lê Duy	Nhất	69	74	
2013	IB006	31191024592	Bùi Thị Uyển	Nhi	69	71	
2014	IB006	31191022101	Trương Đức Hạnh	Nhi	64	83	
2015	IB006	31191026171	Lương Thị Hoài	Như	71	78	
2016	IB006	31191021970	Trà Quỳnh	Như	68	76	
2017	IB006	31191025612	Lý Vĩnh	Phú	70	74	
2018	IB006	31191027084	Lương Thị Thu	Phương	69	78	
2019	IB006	31191022168	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	69	75	
2020	IB006	31191026651	Nguyễn Võ Diễm	Quỳnh	70	82	
2021	IB006	31191026101	Ngô Văn Quốc	Tài	82	95	
2022	IB006	31191026404	Phạm Nhật	Tân	72	81	
2023	IB006	31191025791	Tạ Thị Mỹ	Tiên	69	78	
2024	IB006	31181025672	Trần Thủy	Tiên	59	73	
2025	IB006	31191024937	Lê Hoài	Tin	70	83	
2026	IB006	31191025652	Bùi Nguyễn Như	Tuyết	69	83	
2027	IB006	31191024853	Trần Hoàng	Thái	69	70	
2028	IB006	31191020818	Nguyễn Thành	Thanh	79	81	
2029	IB006	31191020387	Phạm Thị Minh	Thư	59	75	
2030	IB006	31191021976	Huỳnh Thị Ý	Thương	70	85	
2031	IB006	31191026689	Nguyễn Thị Thùy	Trang	80	88	
2032	IB006	31191027439	Lê Thị Châu	Trâm	59	73	
2033	IB006	31191020084	Nguyễn Trần Bảo	Trân	69	75	
2034	IB006	31191025925	Trương Bảo	Trân	69	76	
2035	IB006	31191024507	Nguyễn Thị Kiều	Trinh	69	80	
2036	IB006	31191024943	Nguyễn Lâm	Trúc	69	70	
2037	IB006	31191026199	Nguyễn Tố	Uyên	69	79	
2038	IB006	31191026367	Nguyễn Thị Thúy	Vy	69	71	
2039	IB006	31191025123	Đỗ Hoàn Như	Ý	69	72	
2040	IBC01	31191021272	Phạm Thị Tuyết	Anh	71	86	
2041	IBC01	31191024977	Bành Quang Thịnh	Đạt	75	75	Bổ sung NCKH Khoa KQM
2042	IBC01	31191022095	Trần Phương	Hà	77	85	Bổ sung NCKH Khoa KQM
2043	IBC01	31191023255	Hồ Huỳnh Hiếu	Hạnh	70	78	
2044	IBC01	31191025245	Vũ Minh	Hằng	80	83	Bổ sung NCKH Khoa KQM
2045	IBC01	31191023286	Trần Gia	Hân	75	74	Bổ sung NCKH Khoa KQM
2046	IBC01	31191024697	Nguyễn Xuân Thái	Hòa	75	76	Bổ sung NCKH Khoa KQM
2047	IBC01	31191023342	Đặng Ngọc	Huy	79	83	Bổ sung NCKH Khoa KQM
2048	IBC01	31191022049	Lê Phan Minh	Huy	81	90	Bổ sung NCKH Khoa KQM
2049	IBC01	31191022056	Trần Quốc	Hưng	73	68	Bổ sung NCKH Khoa KQM

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
2050	IBC01	31191021061	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Hương	71	82	
2051	IBC01	31191023461	Nguyễn Minh Hoàng	Lâm	67	69	
2052	IBC01	31191024715	Mai Thắng	Lợi	75	70	Bổ sung NCKH Khoa KQM
2053	IBC01	31191020077	Lê Trần Thảo	Nguyên	83	86	Bổ sung NCKH Khoa KQM
2054	IBC01	31191025425	Phạm Hồng Thảo	Nguyên	69	75	
2055	IBC01	31191020234	Lưu Vinh	Nhan	76	71	Bổ sung NCKH Khoa KQM
2056	IBC01	31191023817	Phạm Ngọc Uyên	Phương	77	72	Bổ sung NCKH Khoa KQM
2057	IBC01	31191026514	Nguyễn Như	Quỳnh	76	75	Bổ sung NCKH Khoa KQM
2058	IBC01	31191020704	Trần Phương	Tuyền	69	70	
2059	IBC01	31191020154	Nguyễn Minh	Thành	68	75	
2060	IBC01	31191024766	Đinh Minh	Thi	69	79	
2061	IBC01	31191023999	Bùi Quang	Thông	76	83	
2062	IBC01	31191024039	Phạm Thị Anh	Thư	73	77	
2063	IBC01	31191026547	Đào Mai	Trung	76	80	Bổ sung NCKH Khoa KQM
2064	IBC01	31191024276	Đặng Huỳnh Thảo	Vy	72	68	Bổ sung NCKH Khoa KQM
2065	IBC02	31191025128	Dương Hoài	An	76	82	Bổ sung NCKH Khoa KQM
2066	IBC02	31191020241	Nguyễn Hồng	Đức	69	70	
2067	IBC02	31191023270	Lê Thị Thanh	Hằng	75	77	Bổ sung NCKH Khoa KQM
2068	IBC02	31191025554	Nguyễn Trường Gia	Huy	77	69	Bổ sung NCKH Khoa KQM
2069	IBC02	31191027024	Trịnh Lê	Huyền	77	73	Bổ sung NCKH Khoa KQM
2070	IBC02	31191024708	Trần Bách	Kiên	75	76	Bổ sung NCKH Khoa KQM
2071	IBC02	31191025402	Đỗ Hiền	Mai	78	89	
2072	IBC02	31191023763	Trần Long	Nữ	76	78	Bổ sung NCKH Khoa KQM
2073	IBC02	31191021326	Huỳnh Thị Thanh	Ngân	75	74	Bổ sung NCKH Khoa KQM
2074	IBC02	31191021974	Dương Thái Bảo	Nghi	75	84	Bổ sung NCKH Khoa KQM
2075	IBC02	31191025274	Trương Tuệ	Nghi	81	87	
2076	IBC02	31191023632	Đặng Bảo	Ngọc	73	73	Bổ sung NCKH Khoa KQM
2077	IBC02	31191024737	Phan Lê Phúc	Nguyên	74	68	Bổ sung NCKH Khoa KQM
2078	IBC02	31191023697	Lê Thị Cẩm	Nhi	74	70	Bổ sung NCKH Khoa KQM
2079	IBC02	31191025446	Phạm Minh	Phương	73	81	Bổ sung NCKH Khoa KQM
2080	IBC02	31191023847	Nguyễn Thùy Ngọc	Quế	75	81	Bổ sung NCKH Khoa KQM
2081	IBC02	31191023848	Chí	Quốc	75	76	Bổ sung NCKH Khoa KQM
2082	IBC02	31191026853	Trịnh Thị Diễm	Quỳnh	75	74	Bổ sung NCKH Khoa KQM
2083	IBC02	31191027184	Đặng Phước	Sang	74	84	
2084	IBC02	31191026517	Đặng Thái	Sanh	75	69	Bổ sung NCKH Khoa KQM
2085	IBC02	31191025110	Lê Dương Anh	Tuấn	69	71	
2086	IBC02	31191024855	Bùi Nguyễn Phương	Thảo	77	84	Bổ sung NCKH Khoa KQM
2087	IBC02	31191021217	Võ Thu	Thảo	79	84	Bổ sung NCKH Khoa KQM
2088	IBC02	31191025222	Hồ Thảo	Vy	78	76	Bổ sung NCKH Khoa KQM
2089	IBC03	31191026413	Phạm Bảo	Anh	69	78	
2090	IBC03	31191024957	Nguyễn Ngọc	Ánh	72	83	
2091	IBC03	31191021493	Võ Thị Mỹ	Chi	75	68	Bổ sung NCKH Khoa KQM

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
2092	IBC03	31191025145	Nguyễn Hoài Linh	Đan	76	81	Bổ sung NCKH Khoa KQM
2093	IBC03	31191025856	Ngô Quốc	Đạt	68	80	
2094	IBC03	31191021484	Phạm Thị Hương	Giang	73	81	
2095	IBC03	31191023316	Nguyễn Thị Đông	Hoa	71	82	
2096	IBC03	31191023447	Trần Thiên	Kim	69	78	
2097	IBC03	31191024703	Đào Hữu Tuấn	Khang	69	72	
2098	IBC03	31191026293	Tống Nguyên	Khôi	68	84	
2099	IBC03	31191025258	Lê Ngô Quế	Lâm	69	71	
2100	IBC03	31191025998	Nguyễn Ngọc	Minh	73	81	Bổ sung NCKH Khoa KQM
2101	IBC03	31191025266	Tôn Võ Triệu	Minh	75	83	Bổ sung NCKH Khoa KQM
2102	IBC03	31191020194	Nghiêm Trà	My	73	65	
2103	IBC03	31191024731	Đỗ Hữu	Nghiệp	65	67	
2104	IBC03	31191023635	Hoàng Trần Thế	Ngọc	69	72	
2105	IBC03	31191024739	Nguyễn Trí	Nhân	74	68	Bổ sung NCKH Khoa KQM
2106	IBC03	31191021087	Dư Tâm	Như	73	66	
2107	IBC03	31191024745	Lê Nguyễn Quỳnh	Như	69	76	
2108	IBC03	31191025878	Lê Hoàng	Phúc	66	79	
2109	IBC03	31191026095	Nguyễn Hữu	Phước	75	79	
2110	IBC03	31191023845	Trần Minh	Quân	70	72	
2111	IBC03	31191025452	Nguyễn Thúy	Quỳnh	70	85	
2112	IBC03	31191023885	Trần Thị Như	Quỳnh	73	74	
2113	IBC03	31191025883	Đỗ Tiến	Sĩ	76	81	
2114	IBC03	31191025629	Nguyễn Thanh Thiên	Thơ	71	80	
2115	IBC03	31191024016	Phạm Ngọc	Thùy	77	86	
2116	IBC03	31191022058	Hồ Lê Anh	Thy	80	88	Bổ sung NCKH Khoa KQM
2117	IBC03	31191024777	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	72	81	Bổ sung NCKH Khoa KQM
2118	IBC03	31191024095	Phạm Thị Thanh	Trang	74	85	
2119	IBC03	31191027438	Lê Nguyễn Quỳnh	Trâm	70	84	
2120	IBC03	31191025491	Nguyễn Trọng	Triều	68	75	
2121	IBC03	31191024145	Phạm Mai	Trinh	69	76	
2122	IBC03	31191021849	Lê Ngọc Tường	Vi	73	66	
2123	IBC03	31191024322	Võ Tường	Vy	82	88	Bổ sung NCKH Khoa KQM
2124	IBC04	31191023123	Nguyễn Minh	Châu	72	70	Bổ sung NCKH Khoa KQM
2125	IBC04	31191023130	Dương Thùy Mai	Chi	67	70	
2126	IBC04	31191023193	Lê Hồ Linh	Đan	68	76	
2127	IBC04	31191026266	Bùi Anh	Đông	74	81	
2128	IBC04	31191025809	Bùi Ngọc Hương	Giang	71	81	
2129	IBC04	31191025246	Nguyễn Đoàn Nam	Hân	75	89	
2130	IBC04	31191027166	Hoàng Vy	Hiền	70	86	
2131	IBC04	31191024990	Đỗ Đình	Hiệp	77	71	Bổ sung NCKH Khoa KQM
2132	IBC04	31191023310	Trần Chí	Hiếu	63	64	
2133	IBC04	31191024996	Lương Khang	Huy	84	94	Bổ sung NCKH Khoa KQM

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
2134	IBC04	31191024560	Phạm Đức	Huy	68	62	
2135	IBC04	31191026286	Phạm Ngọc	Huy	69	76	
2136	IBC04	31191025760	Bùi Thị Ngọc	Huyền	83	87	
2137	IBC04	31191026294	Đoàn Thị Thùy	Linh	68	82	
2138	IBC04	31191023501	Nguyễn Lê Mỹ	Loan	75	73	Bổ sung NCKH Khoa KQM
2139	IBC04	31191025769	Trương Đình	Lộc	69	83	
2140	IBC04	31191026624	Lâm Sao	Mai	62	65	
2141	IBC04	31191024721	Lê Đức	Mạnh	75	70	Bổ sung NCKH Khoa KQM
2142	IBC04	31191025413	Nguyễn Phú	Nam	78	85	Bổ sung NCKH Khoa KQM
2143	IBC04	31191023658	Võ Trần Yến	Ngọc	69	81	
2144	IBC04	31191024804	Lưu Yến	Như	67	80	
2145	IBC04	31191023797	Thiệu Mỹ	Phụng	73	80	
2146	IBC04	31191022055	Nguyễn Lê Hoài	Phương	69	83	
2147	IBC04	31191024620	Nguyễn Đức Minh	Quân	74	85	
2148	IBC04	31191024622	Nguyễn Hữu Phi	Quân	73	69	
2149	IBC04	31191023862	Trần Phương	Quyên	76	78	
2150	IBC04	31191024624	Hoàng Lê Tú	Quỳnh	69	74	
2151	IBC04	31191026656	Phùng Đặng Minh	Tâm	87	85	Bổ sung NCKH Khoa KQM
2152	IBC04	31191026238	Trần Cát	Tường	73	80	
2153	IBC04	31191020525	Nguyễn Thị Phương	Thảo	79	83	
2154	IBC04	31191026666	Nguyễn Thị Phương	Thảo	83	92	Bổ sung NCKH Khoa KQM
2155	IBC04	31191023982	Võ Huỳnh Song	Thi	70	79	
2156	IBC04	31191027427	Phan Anh	Thư	86	94	Bổ sung NCKH Khoa KQM
2157	IBC04	31191025103	Võ Quế	Trâm	69	79	
2158	IBC04	31191024272	Bùi Linh	Vy	75	72	Bổ sung NCKH Khoa KQM
2159	IBC05	31191027162	Đinh Ngọc	Anh	69	82	
2160	IBC05	31191026575	Puih	Bé	70	76	
2161	IBC05	31191021782	Nguyễn Lê Anh	Duy	83	81	
2162	IBC05	31191023185	Nguyễn Thị Ngọc	Duyên	69	76	
2163	IBC05	31191022375	Bế Nguyễn	Hằng	68	76	
2164	IBC05	31191020764	Quách Gia	Hân	79	81	
2165	IBC05	31191023311	Trần Hà Trung	Hiếu	53	69	
2166	IBC05	31191023313	Vũ Thanh	Hiếu	66	67	
2167	IBC05	31191023326	Lê Anh	Hoàng	69	68	
2168	IBC05	31191026597	Lê Quang	Huy	55	58	
2169	IBC05	31191026219	Nguyễn Ngọc Lan	Hương	90	93	
2170	IBC05	31191024405	Phạm Thị Thúy	Kiều	92	92	
2171	IBC05	31191025766	Nguyễn Thị Thanh	Lam	69	81	
2172	IBC05	31181020906	Phan Hồng	Loan	68	76	
2173	IBC05	31191023513	Trương Nguyễn Hoàng	Long	87	90	
2174	IBC05	31191026467	Lê	Minh	74	83	
2175	IBC05	31191025408	Nguyễn Lê Nhật	Minh	86	86	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
2176	IBC05	31191023555	Phạm Công	Minh	69	68	
2177	IBC05	31191022422	Nguyễn Hoàng Phi	Nga	70	69	
2178	IBC05	31191025591	Ngô Nguyễn Gia	Nghi	82	86	
2179	IBC05	31191020529	Trần Vạn	Nhân	72	85	
2180	IBC05	31191026089	Nguyễn Bình Thảo	Nhi	68	77	
2181	IBC05	31191024610	Hoàng Thúy	Oanh	84	87	
2182	IBC05	31191027186	Phan Trọng	Thái	60	72	
2183	IBC05	31191021220	Phạm Tuấn	Thanh	73	86	
2184	IBC05	31191025305	Trần Lê Thiên	Thanh	70	79	
2185	IBC05	31191026235	Dương Phú	Thịnh	76	79	
2186	IBC05	31191024857	Trần Ngọc	Thùy	69	68	
2187	IBC05	31191025207	Trần Nhật	Trí	68	72	
2188	IBC05	31191024308	Nguyễn Yến	Vy	69	69	
2189	IBC05	31191025894	Thái Thanh	Vy	69	79	
2190	IE001	31191020450	Nguyễn Thị Trâm	Anh	74	80	
2191	IE001	31191020107	Tạ Quế	Anh	69	71	
2192	IE001	31191027308	Trần Phạm Trâm	Anh	69	69	
2193	IE001	31191026577	Phạm Minh	Châu	65	74	
2194	IE001	31191026250	Lê Thị Bích	Chi	75	78	
2195	IE001	31191024685	Phạm Ngọc	Duy	60	80	
2196	IE001	31191025676	Huỳnh Thái	Dương	69	67	
2197	IE001	31191024379	Lê Thị Thuý	Hiền	69	80	
2198	IE001	31181022526	Trần Phú	Hòa	54	67	
2199	IE001	31191024894	Trần Gia	Huy	68	69	
2200	IE001	31191027062	Trần Thị Thanh	Huyền	71	84	
2201	IE001	31191025861	Ngô Tấn	Hưng	87	82	
2202	IE001	31191026955	Nguyễn Trung	Kiên	75	81	
2203	IE001	31191025838	Mai Diễm	Kiều	69	82	
2204	IE001	31191025992	Huỳnh Thị Mỹ	Kim	71	79	
2205	IE001	31191023404	Lê Duy	Khánh	66	70	
2206	IE001	31191025763	Nguyễn Hoàng	Khánh	68	64	
2207	IE001	31191023456	Trần Thị Hoàng	Lan	70	81	
2208	IE001	31191021030	Đặng Nguyễn Huỳnh	Lê	69	76	
2209	IE001	31191025011	Trương Quang	Linh	68	68	
2210	IE001	31191025407	Nguyễn Đình	Minh	69	71	
2211	IE001	31191026472	Nguyễn Phương Trà	My	78	82	
2212	IE001	31191023569	Nguyễn Thảo	My	69	81	
2213	IE001	31191026971	Lê Hoài	Nam	69	70	
2214	IE001	31191025172	Đỗ Ngọc Thanh	Ngân	70	79	
2215	IE001	31191026480	Ngô Nguyễn Kim	Ngân	80	86	
2216	IE001	31191023610	Phạm Vũ Minh	Ngân	71	81	
2217	IE001	31191025275	Đỗ Thị Đức	Nghĩa	70	69	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
2218	IE001	31191024801	Trần Thị Kim	Nhàn	73	82	
2219	IE001	31191026830	Đỗ Ngọc Phương	Nhi	78	85	
2220	IE001	31191020814	Hồ Trúc Lam	Phan	76	85	
2221	IE001	31191024612	Nguyễn Hoàng	Phi	68	72	
2222	IE001	31191025783	Lê Tiểu	Phụng	59	73	
2223	IE001	31191022369	Đỗ Lan	Phương	68	74	
2224	IE001	31191023838	Lê Minh	Quân	66	61	
2225	IE001	31191025449	Hồng Thục	Quyên	69	70	
2226	IE001	31191025451	Đào Thị Diệu	Quỳnh	69	74	
2227	IE001	31191024072	Huỳnh Nguyễn Minh	Tới	70	74	
2228	IE001	31191024189	Lê Quốc	Tuấn	70	82	
2229	IE001	31191025626	Ngô Diệp	Thanh	72	82	
2230	IE001	31191025066	Trần Thị Khánh	Thanh	75	86	
2231	IE001	31191023944	Vân Vĩnh	Thành	69	80	
2232	IE001	31191025787	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	69	82	
2233	IE001	31191023985	Nguyễn Thị Minh	Thiện	70	76	
2234	IE001	31191027425	Ngô Minh	Thư	75	80	
2235	IE001	31191024649	Trần Thị Hà	Trang	58	69	
2236	IE001	31191026541	Võ Hà	Trâm	75	72	
2237	IE001	31191024161	Bùi Quốc	Trung	69	75	
2238	IE001	31191024168	Dương Thái Quang	Trường	69	69	
2239	IE001	31191025893	Lâm Chí	Vĩnh	69	73	
2240	IE001	31191024282	Lâm Ngọc Phương	Vy	71	80	
2241	IE002	31191024878	Võ Minh	Chánh	69	79	
2242	IE002	31191025898	Nguyễn Thị	Chi	84	88	
2243	IE002	31191021567	Phạm Tiến	Danh	75	79	
2244	IE002	31191021117	Huỳnh Thị Ngọc	Diệp	69	74	
2245	IE002	31191026426	Phạm Quỳnh	Dung	73	87	
2246	IE002	31191026758	Lâm Thanh	Hải	77	90	
2247	IE002	31191026585	Bùi Đoàn Hồng	Hạnh	69	81	
2248	IE002	31191026586	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	69	79	
2249	IE002	31191026761	Nguyễn Thị Thúy	Hạnh	79	84	
2250	IE002	31191025982	Nguyễn Ngọc	Hân	74	78	
2251	IE002	31171023221	Bửu Tôn Nữ Thanh	Hương	78	78	
2252	IE002	31191027065	Nguyễn Quốc	Khánh	72	80	
2253	IE002	31191025765	Nguyễn Thị Cẩm	Lài	67	74	
2254	IE002	31191025009	Lê Thị Thùy	Linh	69	79	
2255	IE002	31191022178	Lê Ngọc	Minh	69	74	
2256	IE002	31191021609	Lê Thị Kim	Ngân	72	84	
2257	IE002	31191027301	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	89	92	
2258	IE002	31191026006	Bùi Thị Kim	Nguyên	76	83	
2259	IE002	31191026322	Võ Thị Ngọc	Nguyên	69	75	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
2260	IE002	31191026498	Phạm Yến	Nhi	69	80	
2261	IE002	31191021952	Đỗ Thị Huỳnh	Như	69	84	
2262	IE002	31191021784	Đỗ Xuân	Phương	69	79	
2263	IE002	31191025705	Huỳnh Thị Nguyệt	Quế	68	75	
2264	IE002	31191021316	Lê Thảo	Quyên	69	81	
2265	IE002	31191020984	Lê Trần Diễm	Quỳnh	69	75	
2266	IE002	31191025961	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	78	85	
2267	IE002	31191020847	Trần Thị Thúy	Quỳnh	68	69	
2268	IE002	31191025708	Trương Thanh	Sang	70	85	
2269	IE002	31191025061	Hoàng Nguyễn Thanh	Sơn	69	85	
2270	IE002	31191027092	Kha Y Đức	Tân	59	74	
2271	IE002	31191026856	Phạm Đắc	Tấn	69	76	
2272	IE002	31191025647	Phạm Thanh	Tú	69	79	
2273	IE002	31191024864	Trần Anh	Tuấn	69	77	
2274	IE002	31191026361	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	69	76	
2275	IE002	31191025065	Phạm Minh	Thanh	69	79	
2276	IE002	31191021283	Dương Đức	Thành	69	74	
2277	IE002	31191025077	Vòng Anh	Thơ	71	86	
2278	IE002	31191021763	Đỗ Minh	Thùy	75	89	
2279	IE002	31191020823	Trần Thị Thu	Trang	73	82	
2280	IE002	31191026021	Võ Thị Bích	Trâm	69	78	
2281	IE002	31191026701	Lê Võ Ánh	Trúc	69	73	
2282	IE002	31191021146	Lê Phương	Uyên	70	78	
2283	IE002	31191026362	Mai Phương	Uyên	69	74	
2284	IE002	31191021683	Ninh Hoàng Phương	Uyên	66	79	
2285	IE002	31191021936	Nguyễn Thị Tú	Uyên	69	80	
2286	IE002	31191024813	Phan Tại	Vinh	86	90	
2287	IE002	31191024268	Trần Nguyễn Trường	Vũ	68	70	
2288	IE002	31191020946	Bùi Thị An	Vui	75	84	
2289	IE002	31191024323	Đinh Gia	Vỹ	59	67	
2290	KC001	31191023070	Trần Lan	Anh	60	70	
2291	KC001	31191023081	Hàng Thị Xuân	Ảnh	69	76	
2292	KC001	31191022507	Hứa Minh	Hoàng	68	70	
2293	KC001	31191026775	Trần Thị Thanh	Hồng	69	75	
2294	KC001	31191021825	Phạm Thị Ngọc	Huệ	58	65	
2295	KC001	31191023357	Cao Tín	Hưng	70	78	
2296	KC001	31191023510	Nguyễn Hữu Bảo	Long	77	82	
2297	KC001	31191020188	Huỳnh Yến	Ngân	69	77	
2298	KC001	31191023707	Nguyễn Phan Yến	Nhi	66	72	
2299	KC001	31181021029	Mai Ngọc Quỳnh	Như	58	64	
2300	KC001	31191023747	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	68	70	
2301	KC001	31191023771	Ngô Hoài	Phi	57	71	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
2302	KC001	31191025701	Trần Thiên	Phú	76	70	
2303	KC001	31191026855	Huỳnh Thị Bích	Suyên	81	82	
2304	KC001	31191022233	Trần Trương Băng	Tâm	58	64	
2305	KC001	31191024147	Vương Phước	Trình	56	60	
2306	KC001	31191024169	Huỳnh Quang	Trường	68	68	
2307	KM001	31191024340	Phan Thị Tường	An	66	71	
2308	KM001	31191025351	Hoàng Thị Ngọc	Ánh	69	77	
2309	KM001	31191025896	Lê Tiểu	Băng	70	78	
2310	KM001	31191026258	Lưu Cao Bảo	Duy	78	86	
2311	KM001	31191025899	Châu Phước	Duyên	63	76	
2312	KM001	31191023239	Nguyễn Thị	Hà	69	75	
2313	KM001	31191026055	Bùi Nguyên	Hạnh	72	88	
2314	KM001	31191023280	Mai Hoàng Gia	Hân	79	81	
2315	KM001	31191025249	Huỳnh Nhựt	Hòa	67	68	
2316	KM001	31191025005	Phạm Thị Lan	Hương	71	82	
2317	KM001	31191025566	Lô Vỹ	Lam	67	70	
2318	KM001	31191020001	Đỗ Trúc	Linh	76	81	
2319	KM001	31191026303	Nguyễn Phương	Ly	74	85	
2320	KM001	31191023547	Lê	Minh	69	75	
2321	KM001	31191026626	Hà Kiều	My	69	70	
2322	KM001	31191025580	Dương Thị Phương	Nam	70	77	
2323	KM001	31191021589	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	68	64	
2324	KM001	31191026972	Nguyễn Hoài Trúc	Ngân	69	80	
2325	KM001	31191025272	Trần Thị Thủy	Ngân	71	74	
2326	KM001	31191023719	Trần Ngọc Sao	Nhi	72	70	
2327	KM001	31191024744	Cao Nguyễn Hồng	Như	75	85	
2328	KM001	31191024609	Nguyễn Khả	Nhy	70	75	
2329	KM001	31191025702	Dương Trần Lan	Phương	69	80	
2330	KM001	31191026648	Nguyễn Hà	Phương	69	78	
2331	KM001	31191022239	Phạm Ngọc Việt	Phương	69	78	
2332	KM001	31191027088	Vũ Minh	Phương	68	69	
2333	KM001	31191023868	Đặng Trần Nhật	Quỳnh	69	64	
2334	KM001	31191025060	Nguyễn Thị An	Sinh	61	68	
2335	KM001	31191026992	Lê Thị Thanh	Tâm	69	83	
2336	KM001	31191024066	Nguyễn Minh Trung	Tính	72	80	
2337	KM001	31191024183	Võ Huỳnh Minh	Tú	69	73	
2338	KM001	31191020665	Nguyễn Thị Kim	Tuyền	70	74	
2339	KM001	31191026523	Nguyễn Hồng	Thắm	67	79	
2340	KM001	31191024636	Nguyễn Văn	Thiện	69	69	
2341	KM001	31191024859	Mai Thị Anh	Thư	75	80	
2342	KM001	31191025084	Trần Thị Minh	Thư	72	82	
2343	KM001	31191024770	Nguyễn Thị Hoài	Thương	80	79	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
2344	KM001	31191027434	Nguyễn Lê Thanh	Trang	76	81	
2345	KM001	31191026028	Nguyễn Hoàng Đỗ	Uyên	68	81	
2346	KM001	31191027109	Võ Thục	Uyên	69	74	
2347	KM001	31191024241	Nguyễn Thanh	Vân	66	69	
2348	KM001	31191024286	Lê	Vy	72	79	
2349	KM001	31191024325	Hồ Ngọc Như	Ý	68	75	
2350	KM002	31191024356	Trần Kim	Chi	76	87	
2351	KM002	31191026252	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	72	83	
2352	KM002	31191025525	Trần Thanh	Diễm	71	78	
2353	KM002	31191024535	Nguyễn Thị Thanh	Diệu	81	82	
2354	KM002	31191026051	Trần Nguyễn Anh	Đài	76	82	
2355	KM002	31191025537	Nguyễn Phước	Đạt	69	71	
2356	KM002	31191024979	Nguyễn Minh	Đức	73	76	
2357	KM002	31191025367	Lê Như	Hà	76	87	
2358	KM002	31191024373	Phạm Trần Ngân	Hà	69	70	
2359	KM002	31191026133	Đoàn Thị Thu	Hằng	72	84	
2360	KM002	31191026762	Đậu Phan Thị Mỹ	Hậu	71	80	
2361	KM002	31191025373	Nguyễn Thị Thu	Hiền	70	83	
2362	KM002	31191024701	Trần Lệ Phương	Hồng	72	84	
2363	KM002	31191026780	Thái Thị	Huyền	68	66	
2364	KM002	31191026065	Đinh Hữu Tuấn	Hưng	74	85	
2365	KM002	31191026459	Phan Trung	Kiên	71	72	
2366	KM002	31191024407	Nguyễn Đình Vạn	Kim	68	69	
2367	KM002	31191027064	Phan Vân	Khanh	73	81	
2368	KM002	31191023434	Nguyễn Vũ Đăng	Khôi	64	67	
2369	KM002	31191023450	Từ Quốc	Lai	69	66	
2370	KM002	31191023475	Đặng Thị Trúc	Linh	79	87	
2371	KM002	31191021852	Nguyễn Kim Ngọc	Linh	69	79	
2372	KM002	31191026960	Nguyễn Thị Yến	Linh	64	73	
2373	KM002	31191024417	Phan Nhật Khánh	Linh	69	75	
2374	KM002	31191025262	Lê Thị Hương	Mai	63	70	
2375	KM002	31191026393	Phạm Nguyễn Hạ	Mi	73	80	
2376	KM002	31191026470	Nguyễn Kiều	My	64	70	
2377	KM002	31191026630	Phan Ngọc	Mỹ	69	77	
2378	KM002	31191020556	Trần Thị Ngọc	Mỹ	71	79	
2379	KM002	31191026633	Đỗ Thanh	Ngân	75	76	
2380	KM002	31191024589	Nguyễn Thị Trung	Nguyên	66	77	
2381	KM002	31191026008	Cao Yến	Nhi	73	82	
2382	KM002	31191026494	Lê Thị Hồng	Nhi	69	79	
2383	KM002	31191026328	Phạm Hoàng Yến	Nhung	75	82	
2384	KM002	31191025606	Dương Huỳnh	Như	70	79	
2385	KM002	31191026645	Lê Trọng	Phát	76	88	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
2386	KM002	31191023826	Nguyễn Bích	Phượng	70	76	
2387	KM002	31191026175	Nguyễn Vĩnh Anh	Quân	70	85	
2388	KM002	31191026339	Lâm Nguyệt	Quỳnh	70	79	
2389	KM002	31191025653	Lưu Cẩm	Tường	79	80	
2390	KM002	31191022241	Hồ Văn	Thanh	69	76	
2391	KM002	31191024632	Phạm Tuấn	Thanh	68	78	
2392	KM002	31191026858	Hồ Thị Thu	Thảo	68	71	
2393	KM002	31191027426	Nguyễn Trần Khánh	Thư	54	74	
2394	KM002	31191025096	Nguyễn Hoài Phương	Trang	71	79	
2395	KM002	31191024667	Vũ Lê Kim	Yến	69	77	
2396	KM003	31191026041	Nguyễn Nhật Quỳnh	Anh	69	81	
2397	KM003	31191027042	Nguyễn Thị Hải	Anh	69	84	
2398	KM003	31191020509	Huỳnh Ngọc	Ánh	72	79	
2399	KM003	31191026731	Đàm Thị Ngọc	Bích	68	75	
2400	KM003	31191026931	Đặng Huỳnh Bảo	Châu	66	82	
2401	KM003	31191023125	Phạm Bình Phương	Châu	66	81	
2402	KM003	31191025908	Trần Nhật	Đăng	68	65	
2403	KM003	31191023209	Lê Khánh	Đoan	72	81	
2404	KM003	31191025362	Nguyễn Quang	Đức	69	77	
2405	KM003	31191026268	Trần Thu	Hà	67	83	
2406	KM003	31191021512	Lê Ngọc Thúy	Hiền	80	92	
2407	KM003	31191026449	Trần Thị Lệ	Hiếu	66	75	
2408	KM003	31191026290	Đặng Thị Mai	Hương	71	85	
2409	KM003	31191023437	Lê Trung	Kiên	69	76	
2410	KM003	31191027358	Phan Trung	Kiên	68	75	
2411	KM003	31191023427	Võ Minh	Khoa	68	76	
2412	KM003	31191026144	Dương Thị Kim	Liên	69	81	
2413	KM003	31191026297	Võ Thị Mỹ	Linh	83	89	Bổ sung NCKH Khoa KQM
2414	KM003	31191022069	Cao Kiều Diễm	My	72	83	
2415	KM003	31191024838	Võ Thị Huỳnh	Nga	77	83	
2416	KM003	31191020317	Phạm Kim	Ngân	68	80	
2417	KM003	31191023621	Trương Thục	Nghi	72	87	
2418	KM003	31191026821	Lê Hoàng	Ngọc	81	93	
2419	KM003	31191026637	Nhữ Thị Ánh	Ngọc	76	83	
2420	KM003	31191021875	Bạch Huỳnh	Nhi	66	80	
2421	KM003	31191025597	Hồ Yến	Nhi	69	77	
2422	KM003	31191026326	Nguyễn Thị Yến	Nhi	73	83	Bổ sung NCKH Khoa KQM
2423	KM003	31191024604	Nguyễn Thị Tuyết	Như	69	83	
2424	KM003	31191027393	Phạm Nguyễn Hải	Như	69	83	
2425	KM003	31191026332	Dương Hoàng	Oanh	77	85	Bổ sung NCKH Khoa KQM
2426	KM003	31191020658	Huỳnh Gia	Phú	92	89	Bổ sung NCKH Khoa KQM
2427	KM003	31191020275	Ngô Hồng	Phúc	69	81	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
2428	KM003	31191027087	Nguyễn Thị Thu	Phương	73	82	
2429	KM003	31191025297	Cù Thị Thảo	Quyên	72	83	
2430	KM003	31191021430	Nguyễn Lý Đỗ	Quyên	83	88	
2431	KM003	31191025706	Nguyễn Thị Thanh	Quyên	71	79	
2432	KM003	31191026990	Nguyễn Lê Diễm	Quỳnh	68	76	
2433	KM003	31191021654	Phạm Thiên	Tâm	70	84	
2434	KM003	31191025064	Nguyễn Hà	Thanh	69	84	
2435	KM003	31191023938	Lý Gia	Thành	69	72	
2436	KM003	31191026351	Nguyễn Thị Thu	Trà	69	80	
2437	KM003	31191026897	Nguyễn Phú	Trung	69	81	
2438	KM003	31191026555	Hà Tường	Vi	74	90	
2439	KM003	31191026202	Trần Thị Tường	Vi	70	85	
2440	KM003	31191022077	Võ Thị Nhật	Vi	87	96	
2441	KM003	31191024947	Tô Khánh	Vy	70	80	
2442	KM003	31191025805	Chống Phương	Yến	65	75	
2443	KM004	31191020065	Nguyễn Hoàng Khánh	An	68	70	
2444	KM004	31191021246	Trần Thị Thúy	An	69	78	
2445	KM004	31191023061	Nguyễn Thị Lan	Anh	73	82	
2446	KM004	31191021270	Nguyễn Thị Minh	Anh	68	72	
2447	KM004	31191021070	Nguyển Thị Hoài	Ân	69	71	
2448	KM004	31191026047	Nguyễn Thị	Dâng	72	82	
2449	KM004	31191025937	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	69	70	
2450	KM004	31191024688	Phan Nguyễn Kỳ	Duyên	68	71	
2451	KM004	31191021296	Nguyễn Thái	Dương	69	79	
2452	KM004	31191022234	Đặng Trà Hương	Giang	82	89	
2453	KM004	31191021231	Nguyễn Thị Tuyết	Giang	69	77	
2454	KM004	31191026768	Trần Thị Thu	Hiền	81	87	
2455	KM004	31191021315	Trịnh Mỹ	Hoa	69	70	
2456	KM004	31191021786	Nguyễn Thị Mỹ	Huyền	71	83	
2457	KM004	31191021128	Đinh Hào	Kiệt	71	85	
2458	KM004	31191022127	Trịnh Hoàng Đăng	Khanh	69	74	
2459	KM004	31191026791	Trần Văn	Lâm	63	63	
2460	KM004	31191021596	Nguyễn Thị Thùy	Linh	69	82	
2461	KM004	31191025993	Phạm Thị Yến	Linh	72	80	
2462	KM004	31181023293	Trương Thị	Loan	84	81	
2463	KM004	31191026466	Thái Thị Diễm	Ly	69	83	
2464	KM004	31191021635	Trần Thị Diễm	My	77	82	
2465	KM004	31191026475	Huỳnh Phạm Ngọc	Nga	82	86	
2466	KM004	31191026311	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	75	82	
2467	KM004	31191020137	Nguyễn Huỳnh Như	Ngọc	69	76	
2468	KM004	31191021772	Nguyễn Phúc Kim	Nguyên	71	82	
2469	KM004	31191025779	Đào Tâm	Như	70	87	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
2470	KM004	31191025876	Huỳnh Thị Mỹ	Như	68	70	
2471	KM004	31191024843	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	68	82	
2472	KM004	31191027402	Nguyễn Kim	Phúc	63	64	
2473	KM004	31191026513	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	86	88	
2474	KM004	31191021578	Nguyễn Thị Minh	Tâm	69	81	
2475	KM004	31191024791	Phùng Thiên	Tuấn	82	80	
2476	KM004	31191025325	Huỳnh Thị Thanh	Tuyền	73	84	
2477	KM004	31191025465	Vũ Quốc	Thái	70	78	
2478	KM004	31191023954	Lê Thị Thu	Thảo	59	74	
2479	KM004	31191025072	Trần Phương	Thảo	74	83	
2480	KM004	31191024051	Nguyễn Uyên	Thy	82	78	
2481	KM004	31191021478	Nguyễn Thị Huyền	Trang	83	84	
2482	KM004	31191026207	Nguyễn Thảo	Vy	69	77	
2483	KM004	31191020927	Trương Thúy	Vy	83	89	
2484	KM004	31191021056	Nguyễn Đỗ Quốc	Vỹ	70	80	
2485	KM004	31191020866	Huỳnh Phi	Yến	69	74	
2486	KM004	31191021845	Nguyễn Thị Hải	Yến	88	91	
2487	KMC01	31191020683	Nguyễn Ngọc	Anh	68	82	
2488	KMC01	31191020974	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	72	86	
2489	KMC01	31191027291	Phạm Thị Vân	Anh	71	84	
2490	KMC01	31191027312	Liêu Vũ Uyên	Chi	74	84	
2491	KMC01	31191024359	Nguyễn Thị Ngọc	Dung	65	64	
2492	KMC01	31191023168	Lê Ngọc Trung	Dũng	75	66	Bổ sung NCKH Khoa KQM
2493	KMC01	31191023179	Chiêm Ngọc	Duyên	75	71	Bổ sung NCKH Khoa KQM
2494	KMC01	31191023272	Nguyễn Ngọc	Hằng	74	88	
2495	KMC01	31191023332	Chương Gia	Huệ	74	73	Bổ sung NCKH Khoa KQM
2496	KMC01	31191023354	Đặng Thị Thanh	Huyền	69	81	
2497	KMC01	31191023372	Lê Xuân	Hương	71	73	
2498	KMC01	31191023375	Nguyễn Ngọc Xuân	Hương	76	80	Bổ sung NCKH Khoa KQM
2499	KMC01	31191025381	Nguyễn Thị Thu	Hương	69	78	
2500	KMC01	31191023384	Nguyễn Đình Quang	Khải	71	74	
2501	KMC01	31191027353	Hoàng Vinh	Khánh	69	75	
2502	KMC01	31191026616	Hoàng Nguyễn Ngọc	Linh	74	78	Bổ sung NCKH Khoa KQM
2503	KMC01	31191020091	Nguyễn Ngọc Mỹ	Linh	69	71	
2504	KMC01	31191025687	Tống Khánh	Linh	75	82	Bổ sung NCKH Khoa KQM
2505	KMC01	31191027211	Trần Lê Diệu	Linh	75	83	
2506	KMC01	31191026625	Đặng Quốc	Minh	68	67	
2507	KMC01	31191024729	Nguyễn Phạm Kim	Ngân	69	81	
2508	KMC01	31191023631	Đặng Bảo	Ngọc	70	77	
2509	KMC01	31191023650	Phạm Minh	Ngọc	73	72	Bổ sung NCKH Khoa KQM
2510	KMC01	31191024438	Tạ Nguyễn Bảo	Ngọc	76	86	
2511	KMC01	31191025279	Nguyễn Khôi	Nguyên	77	90	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
2512	KMC01	31191025916	Nguyễn Tiến	Phát	69	67	
2513	KMC01	31191023795	Nguyễn Thị Mỹ	Phụng	69	79	
2514	KMC01	31191023796	Phương Tú	Phụng	70	84	
2515	KMC01	31191026844	Bùi Hồng Uyên	Phương	78	86	Bổ sung NCKH Khoa KQM
2516	KMC01	31191024467	Nguyễn Thị Mỹ	Tâm	75	80	Bổ sung NCKH Khoa KQM
2517	KMC01	31191024757	Bùi Lê Minh	Tân	74	62	Bổ sung NCKH Khoa KQM
2518	KMC01	31191021558	Nguyễn Hoàng Phan Thanh	Thanh	73	76	
2519	KMC01	31191024008	Phạm Minh	Thuận	63	60	
2520	KMC01	31191025474	Đàm Nhật Anh	Thư	68	78	
2521	KMC01	31191025645	Nguyễn Huỳnh Bảo	Trân	68	76	
2522	KMC01	31191024148	Lê Nguyễn Thành	Trọng	73	68	
2523	KMC01	31191025499	Phạm Thị Thu	Uyên	71	84	Bổ sung NCKH Khoa KQM
2524	KMC01	31191024661	Trần Lê Phương	Uyên	73	80	
2525	KMC01	31191020981	Dương Thảo	Vi	74	72	Bổ sung NCKH Khoa KQM
2526	KMC01	31191026714	Võ Thị Thảo	Vy	72	75	
2527	KMC01	31191025895	Trần Viễn	Xứ	83	87	
2528	KMC01	31191025718	Lê Thị Hải	Yến	73	73	Bổ sung NCKH Khoa KQM
2529	KS001	31191026715	Dương Thị Phương	Anh	73	85	
2530	KS001	31191020106	Phan Vũ Minh	Anh	74	83	
2531	KS001	31191026727	Tưởng Uyển Vân	Anh	68	66	
2532	KS001	31191026035	Nguyễn Thị Bích	Châm	72	88	
2533	KS001	31191024962	Phạm Thị Kim	Chi	66	81	
2534	KS001	31191025975	Nguyễn Hoàng Khánh	Duy	68	70	
2535	KS001	31191027017	Nguyễn Thị Hồng	Duyên	71	83	
2536	KS001	31191024976	Trần Xuân	Đào	69	79	
2537	KS001	31191026053	Lê Trần Hương	Giang	69	70	
2538	KS001	31191026134	Nguyễn Phan Lệ	Hằng	77	82	
2539	KS001	31191025150	Phạm Thị Mỹ	Hằng	74	83	
2540	KS001	31191023276	Đào Thị Ngọc	Hân	66	81	
2541	KS001	31191027332	Trương Bảo	Hân	76	82	
2542	KS001	31191023314	Lê Thị Kim	Hoa	70	77	
2543	KS001	31191027205	Lê Thị Mỹ	Hoài	72	86	
2544	KS001	31191026596	Trần Thị	Hồng	68	82	
2545	KS001	31191027127	Nguyễn Thị	Huyền	68	79	
2546	KS001	31191024563	Lê Thị Mỹ	Hương	69	77	
2547	KS001	31191026220	Lê Huy Châu	Kỳ	73	79	
2548	KS001	31191026607	Đặng Thị Anh	Khoa	69	78	
2549	KS001	31191023435	Mai Lan	Khuê	92	91	
2550	KS001	31191027278	Bùi Diệu	Loan	77	84	
2551	KS001	31191021028	Võ Thị Bích	Lý	90	97	
2552	KS001	31191026837	Bùi Thị Mỹ	Nương	68	80	
2553	KS001	31191026476	Dương Thùy Mỹ	Ngân	72	83	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
2554	KS001	31191026396	Trần Bảo	Ngọc	70	81	
2555	KS001	31191026169	Phạm Thị Tuyết	Nhi	69	80	
2556	KS001	31191025822	Trần Yến	Phương	69	74	
2557	KS001	31191023840	Nguyễn Anh	Quân	71	78	
2558	KS001	31191026338	Trần Thị Thùy	Quyên	67	80	
2559	KS001	31191027090	Nguyễn Thị	Sương	69	77	
2560	KS001	31191023904	Đỗ Duy	Tân	66	75	
2561	KS001	31191027407	Nguyễn Trọng	Tân	72	84	
2562	KS001	31191025203	Huỳnh Thị Cẩm	Tiên	70	81	
2563	KS001	31191024492	Phạm Thị Thủy	Tiên	70	83	
2564	KS001	31191020240	Lưu Phượng	Tiền	68	80	
2565	KS001	31191021958	Nguyễn Nữ Quỳnh	Thi	78	82	
2566	KS001	31191022509	Tô Thị	Thu	67	79	
2567	KS001	31191024638	Lê Thị Như	Thùy	69	81	
2568	KS001	31191020127	Nguyễn Mai	Thy	68	74	
2569	KS001	31191021370	Trần Bửu Minh	Thy	69	81	
2570	KS001	31191026685	Lưu Huyền	Trang	65	75	
2571	KS001	31191027003	Đỗ Thị Quỳnh	Trâm	69	80	
2572	KS001	31191020262	Trần Thị Ngọc	Trâm	76	83	
2573	KS001	31191020379	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	69	82	
2574	KS001	31191020668	Nguyễn Minh	Trường	71	82	
2575	KS001	31191022035	Trần Lê Kim	Uyên	70	82	
2576	KS001	31191024812	Phan Nguyễn Thị Thanh	Văn	60	74	
2577	KS001	31191026240	Hoàng Ngọc Tường	Vy	75	81	
2578	KS001	31191026118	Lê Thị Khánh	Vy	64	68	
2579	KS001	31191024289	Nguyễn Đoàn Thuỳ	Vy	74	81	
2580	KS001	31191027041	Nguyễn Thị Thảo	Vy	63	64	
2581	KS001	31191024317	Trần Lê	Vy	67	81	
2582	KS001	31191024326	Lý Trần Như	Ý	69	82	
2583	KS001	31191020566	Đào Thị Hoàng	Yến	68	77	
2584	LA001	31191020434	Đặng Chiêu	An	68	73	
2585	LA001	31191025935	Nguyễn Thị Vân	Anh	68	75	
2586	LA001	31191021134	Nguyễn Quốc	Bảo	68	75	
2587	LA001	31191024679	Nguyễn Thị Ngọc	Dung	69	73	
2588	LA001	31191026381	Lâm Nguyễn Kỳ	Duyên	68	67	
2589	LA001	31191026742	Trần Thị Mỹ	Duyên	68	73	
2590	LA001	31191026433	Hồ Diệp Hoàng	Giang	63	65	
2591	LA001	31191025241	Nguyễn Ngọc	Hà	68	66	
2592	LA001	31191026270	Võ Huỳnh Kim	Hạ	69	74	
2593	LA001	31191027203	Hoàng Thị Thanh	Hiền	70	66	
2594	LA001	31191025548	Nguyễn Thị Thu	Hiền	69	70	
2595	LA001	31191024827	Lê Trung	Hiếu	53	65	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
2596	LA001	31191027061	Trần Lý	Huyền	67	73	
2597	LA001	31191023371	Lê Thị Quỳnh	Hương	66	64	
2598	LA001	31191025256	Lý Thanh Vân	Khánh	75	84	
2599	LA001	31191023492	Tạ Thảo	Linh	70	73	
2600	LA001	31191026002	Võ Thị	Ngoan	76	88	
2601	LA001	31191025034	Nguyễn Thị Yến	Nhi	75	74	
2602	LA001	31191024741	Phan Anh	Nhi	67	74	
2603	LA001	31191025877	La Thị Huỳnh	Như	67	75	
2604	LA001	31191025439	Tô Quỳnh	Như	72	88	
2605	LA001	31191024749	Vương Trường	Như	68	73	
2606	LA001	31191024452	Nguyễn Thị Hồng	Phi	68	74	
2607	LA001	31191025734	Bùi Thị Lan	Phương	68	71	
2608	LA001	31191025317	Trần Trọng	Tín	62	63	
2609	LA001	31191026181	Bùi Thị Minh	Thanh	68	69	
2610	LA001	31191023924	Nguyễn Thị	Thanh	69	69	
2611	LA001	31191020371	Phạm Anh	Thông	70	79	
2612	LA001	31191025635	Võ Thị Minh	Thư	62	74	
2613	LA001	31191021716	Đặng Phan Thị Hương	Trà	73	87	
2614	LA001	31191025322	Lâm Phương	Trúc	69	80	
2615	LA001	31191024234	Hoàng Thị Khánh	Vân	68	75	
2616	LA001	31191026570	Phạm Nguyễn Phi	Yến	69	84	
2617	LA002	31191021132	Phạm Thị Thanh	Diệu	69	81	
2618	LA002	31191027317	Lê Thị Mỹ	Duyên	93	95	
2619	LA002	31191025976	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	68	72	
2620	LA002	31191021891	Trần Nhật Mỹ	Duyên	87	86	
2621	LA002	31191026129	Nguyễn Thị Hà	Giang	66	80	
2622	LA002	31191024698	Lê Minh	Hoàng	70	71	
2623	LA002	31191021349	Hoàng Cẩm	Hồng	69	73	
2624	LA002	31191024392	Phan Thị Phương	Hồng	70	79	
2625	LA002	31191021350	Lê Thị Hồng	Huệ	68	80	
2626	LA002	31191024558	Đỗ Trường	Huy	67	64	
2627	LA002	31191023462	Nguyễn Văn	Lâm	69	79	
2628	LA002	31191023494	Thái Thị Mỹ	Linh	61	74	
2629	LA002	31191026800	Bùi Thị Bích	Loan	92	92	
2630	LA002	31191021309	Nguyễn Thị Kim	Ngân	68	69	
2631	LA002	31191024584	Văn Đại	Nghĩa	72	77	
2632	LA002	31191020011	Nguyễn Đoàn Thiện	Nhân	61	65	
2633	LA002	31191022051	Trần Huỳnh	Nhi	75	83	
2634	LA002	31191021040	Văn Trần Thanh	Như	67	72	
2635	LA002	31191021463	Võ Thị Hồng	Phúc	72	80	
2636	LA002	31191026647	Lê Thị Kim	Phương	69	85	
2637	LA002	31191021978	Nguyễn Thị Cẩm	Thanh	70	83	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
2638	LA002	31191021954	Lê Thụy Phương	Thảo	70	79	
2639	LA002	31191025076	Lê Tâm	Thơ	65	78	
2640	LA002	31191024483	Trần Thị Hoài	Thu	69	75	
2641	LA002	31181021041	Bùi Bảo	Trâm	62	55	
2642	LA002	31191022073	Đỗ Cao Phương	Trâm	74	82	
2643	LA002	31191026022	Nguyễn Thị Ngọc	Trầm	70	73	
2644	LA002	31191024126	Nguyễn Danh	Trí	64	68	
2645	LA002	31191024788	Nguyễn Cao Quốc	Trường	66	64	
2646	LA002	31191021149	Ngô Ngọc Thái	Vy	61	60	
2647	LA002	31191026713	Trương Hà	Vy	66	67	
2648	LA002	31191026923	Nguyễn Thị Phượng	Vỹ	68	71	
2649	LA002	31191026567	Trần Thị Ý	Yên	61	66	
2650	LAC01	31191027160	Hồ Nguyễn Bình	An	68	71	
2651	LAC01	31191021708	Nguyễn Văn	An	68	80	
2652	LAC01	31191024672	Nguyễn Trần Kim	Anh	67	68	
2653	LAC01	31191027285	Đỗ Quỳnh	Chi	84	91	
2654	LAC01	31191023218	Phan Huy Minh	Đức	78	80	
2655	LAC01	31191023253	Đỗ Bích	Hạnh	71	77	
2656	LAC01	31191026608	Bùi Anh	Kiệt	77	84	
2657	LAC01	31191023398	Lê Thị Kiều	Khanh	68	69	
2658	LAC01	31191023452	Nguyễn Hoàng Nhã	Lam	70	81	
2659	LAC01	31191027131	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	75	78	
2660	LAC01	31191021286	Phan Thị Phương	Minh	69	73	
2661	LAC01	31191023564	Bùi Tiểu	My	52	60	
2662	LAC01	31191020637	Mã Uyển	My	68	70	
2663	LAC01	31191027280	Nguyễn Vũ Trà	My	92	95	
2664	LAC01	31191020965	Phan Thị Thảo	My	69	78	
2665	LAC01	31191024724	Nguyễn Thị Ly	Na	56	63	
2666	LAC01	31191024441	Nguyễn Thụy Thanh	Nguyên	67	74	
2667	LAC01	31191023720	Trần Ngọc Xuân	Nhi	58	67	
2668	LAC01	31191023733	Đỗ Nguyễn Hồng	Nhung	69	77	
2669	LAC01	31191024450	Hoàng Hải	Như	69	76	
2670	LAC01	31191020977	Lưu Hoàng	Sơn	79	82	
2671	LAC01	31191024177	Nguyễn Ngọc Cẩm	Tú	70	83	
2672	LAC01	31191024205	Châu Thiên	Tường	57	66	
2673	LAC01	31191023945	Vũ Trung	Thành	68	70	
2674	LAC01	31191024473	Đinh Thị Như	Thảo	79	89	
2675	LAC01	31191026522	Lê Trần Nguyên	Thảo	69	70	
2676	LAC01	31191024485	Phan Thị Phương	Thùy	68	71	
2677	LAC01	31191024030	Lê Minh	Thư	68	82	
2678	LAC01	31191021429	Nguyễn Huỳnh Minh	Thư	68	81	
2679	LAC01	31191024094	Phạm Thị Huyền	Trang	69	89	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
2680	LAC01	31191021462	Vũ Thị Kiều	Trang	69	88	
2681	LAC01	31191024216	Nguyễn Ngọc Phương	Uyên	90	92	
2682	LAC01	31191026921	Nguyễn Tường	Vy	66	71	
2683	LH001	31191027260	Bùi Thị Ngọc	Anh	88	83	
2684	LH001	31191025349	Bùi Thị Ngọc	Ánh	70	83	
2685	LH001	31191025521	Đoàn Thị Minh	Châu	74	86	
2686	LH001	31191026419	Lưu Kiều	Diễm	68	77	
2687	LH001	31191026050	Hà Minh	Dũng	61	68	
2688	LH001	31191025673	Nguyễn Quốc	Dũng	57	72	
2689	LH001	31191023170	Trần Song Trí	Dũng	70	68	
2690	LH001	31191026429	Trần Vỹ Kha	Duy	70	71	
2691	LH001	31191025532	Huỳnh Thị Thảo	Duyên	70	80	
2692	LH001	31191026430	Nguyễn Nhật	Duyên	70	81	
2693	LH001	31191021797	Trương Thị Hồng	Gấm	74	82	
2694	LH001	31191026057	Cao Thị Thanh	Hảo	67	75	
2695	LH001	31191023369	Lê Gia Việt	Hương	74	81	
2696	LH001	31191021351	Lê Thị Hồng	Hương	69	80	
2697	LH001	31191026142	Nguyễn Thị Minh	Khoa	70	74	
2698	LH001	31191023485	Nguyễn Huệ	Linh	71	76	
2699	LH001	31191021268	Nguyễn Lê Trúc	Linh	89	92	
2700	LH001	31191026148	Võ Thị Mai	Linh	71	79	
2701	LH001	31191024423	Thái	Long	66	66	
2702	LH001	31191023514	Vũ Thành	Long	71	75	
2703	LH001	31191026807	Phạm Thị Phương	Mai	69	77	
2704	LH001	31191023554	Nguyễn Thanh	Minh	79	89	
2705	LH001	31191025409	Nguyễn Thị Trà	My	67	80	
2706	LH001	31191026973	Nguyễn Thị Kim	Ngân	68	70	
2707	LH001	31191021115	Nguyễn Phạm Thanh	Nguyên	80	86	
2708	LH001	31191023670	Trần Ngọc Thảo	Nguyên	69	79	
2709	LH001	31191026398	Nguyễn Gia Bảo	Nhi	69	72	
2710	LH001	31191025955	Nguyễn Thị	Nhị	67	84	
2711	LH001	31191023753	Trần Thị Quỳnh	Như	58	69	
2712	LH001	31191027471	Trần Nam	Phong	71	67	
2713	LH001	31191027086	Nguyễn Thị Hà	Phương	79	86	
2714	LH001	31191023841	Nguyễn Bá Trung	Quân	66	60	
2715	LH001	31191025296	Nguyễn Thị Ngọc	Quí	75	80	
2716	LH001	31191021647	Nguyễn Nhật	Quý	70	77	
2717	LH001	31191026850	Lê Thị Như	Quỳnh	68	75	
2718	LH001	31191026232	Nguyễn Tôn	Sang	92	92	
2719	LH001	31191022034	Bùi Thanh	Sơn	67	86	
2720	LH001	31191020860	Đặng Văn	Tấn	70	73	
2721	LH001	31191024763	Phan Thị Hồng	Thắm	71	81	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
2722	LH001	31191024639	Hoàng Thị	Thúy	68	71	
2723	LH001	31191026107	Trần Thị Nhã	Thúy	69	76	
2724	LH001	31191025080	Nguyễn Hồ Anh	Thư	73	75	
2725	LH001	31191026189	Nguyễn Như Hoài	Thương	61	68	
2726	LH001	31191022177	Nguyễn Ngọc Huyền	Trang	69	79	
2727	LH001	31191024097	Trần Nguyễn Thùy	Trang	76	72	
2728	LH001	31191021603	Trần Huỳnh Quế	Trân	64	73	
2729	LH001	31191026198	Nguyễn Hà	Uyên	73	84	
2730	LH001	31191026556	Huỳnh Triệu Tường	Vi	68	75	
2731	LH001	31191026912	Nguyễn Thị La	Vi	72	84	
2732	LQ001	31191023076	Trương Thị Minh	Anh	68	72	
2733	LQ001	31191023219	Phạm Thị Minh	Đức	69	83	
2734	LQ001	31191020047	Đặng Thanh	Hân	77	88	
2735	LQ001	31191020807	Nguyễn Thúy	Hiền	72	80	
2736	LQ001	31191023376	Nguyễn Thị Thanh	Hương	70	81	
2737	LQ001	31191027352	Hà Nhất Duy	Khánh	69	73	
2738	LQ001	31191021378	Bùi Thế Đăng	Khoa	69	74	
2739	LQ001	31191026068	Lê Quỳnh	Lâm	74	80	
2740	LQ001	31191023477	Hoàng Tiểu	Linh	69	76	
2741	LQ001	31191023525	Tô Kiến	Lương	94	89	
2742	LQ001	31191026307	Huỳnh Thị Diễm	My	73	79	
2743	LQ001	31191024799	Nguyễn Hoài Gia	My	68	72	
2744	LQ001	31191023583	Hồ Ngọc	Ngà	69	78	
2745	LQ001	31191020940	Bùi Thị Quỳnh	Ngân	68	71	
2746	LQ001	31191027179	Phạm Thị Xuân	Ngọc	73	74	
2747	LQ001	31191025423	Dương Đặng Khôi	Nguyên	68	64	
2748	LQ001	31191026081	Nguyễn Hữu Phúc	Nguyên	69	72	
2749	LQ001	31191023666	Nguyễn Trần Trung	Nguyên	70	78	
2750	LQ001	31191027216	Hoàng Tuấn	Nhã	66	71	
2751	LQ001	31191027384	Nguyễn Thị Thanh	Nhã	70	71	
2752	LQ001	31191026640	Nguyễn Thành	Nhân	70	76	
2753	LQ001	31191020491	Mai Vũ Cẩm	Nhung	71	84	
2754	LQ001	31191025046	Nguyễn Hoàng Mỹ	Như	74	72	
2755	LQ001	31191027394	Trương Trịnh Kiều	Như	67	70	
2756	LQ001	31191023788	Nguyễn Tường	Phúc	64	70	
2757	LQ001	31191025057	Trần Thanh	Phương	69	80	
2758	LQ001	31181021712	Nguyễn Ngọc Cẩm	Tú	53	61	
2759	LQ001	31191021383	Nguyễn Thiên	Thanh	82	82	
2760	LQ001	31191027239	Trần Phương	Thảo	70	84	
2761	LQ001	31191024484	Vũ Xuân	Thu	58	66	
2762	LQ001	31191026408	Trần Thị Thanh	Thúy	68	72	
2763	LQ001	31191024024	Dương Phạm Anh	Thư	72	78	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
2764	LQ001	31191024026	Hà Ngọc Anh	Thư	69	75	
2765	LQ001	31191025083	Phan Ngọc Anh	Thư	69	75	
2766	LQ001	31191026528	Tào Anh	Thư	68	77	
2767	LQ001	31191027187	Lê Ngọc Khánh	Thy	68	72	
2768	LQ001	31191026536	Nguyễn Thu	Trang	68	69	
2769	LQ001	31191020485	Diệp Nguyễn Quế	Trâm	69	75	
2770	LQ001	31191024503	Nguyễn Vũ Phương	Trâm	67	74	
2771	LQ001	31191020253	Đào Ngọc Mỹ	Trân	69	73	
2772	LQ001	31191024940	Phan Thị Huyền	Trân	69	78	
2773	LQ001	31191024128	Nguyễn Minh	Trí	69	79	
2774	LQ001	31191024130	Huỳnh Minh	Triết	68	74	
2775	LQ001	31191027190	Ngô Thảo	Trinh	69	69	
2776	LQ001	31191024787	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	74	83	
2777	LQ001	31191027449	Hồ Tôn Nữ Nhật	Uyên	66	80	
2778	LQ001	31191026032	Đỗ Hoàng Anh	Vũ	78	86	
2779	LQ001	31191026710	Nguyễn Thảo	Vy	68	76	
2780	LQ001	31191024315	Trần Hoàng	Vy	78	86	
2781	MR001	31191023018	Đặng Châu	Anh	73	81	
2782	MR001	31191024527	Đặng Quốc Bảo	Anh	51	57	
2783	MR001	31191026720	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	71	82	
2784	MR001	31191026725	Ra Lan Mai	Anh	72	79	
2785	MR001	31191023139	Phan Thành	Công	70	80	
2786	MR001	31191026434	Nguyễn Kim	Giang	64	85	
2787	MR001	31191026939	Đặng Minh	Hải	69	82	
2788	MR001	31191023259	Trương Ngọc	Hạnh	69	73	
2789	MR001	31191023267	Lâm Thị Diễm	Hằng	69	78	
2790	MR001	31191023271	Nguyễn Kim	Hằng	69	81	
2791	MR001	31191023302	Nguyễn Minh	Hiển	63	66	
2792	MR001	31191025377	Đỗ Quang	Huy	78	90	
2793	MR001	31191025551	Lê Hoàng	Huy	69	84	
2794	MR001	31191027208	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Hương	74	81	
2795	MR001	31191025386	Phạm Thái	Kiệt	69	76	
2796	MR001	31191023385	Phạm Văn	Khải	70	76	
2797	MR001	31191023396	Lê Nguyễn Tuấn	Khanh	69	72	
2798	MR001	31191021072	Hoàng Thị Hoài	Lam	71	64	
2799	MR001	31191027066	Nguyễn Thị Cẩm	Linh	71	80	
2800	MR001	31191027289	Quyền Hải	Linh	68	80	
2801	MR001	31191026147	Trần Thị Mỹ	Linh	64	77	
2802	MR001	31191025867	Lương Minh	Lộc	73	79	
2803	MR001	31191023540	Vòng Thu	Mẫn	70	69	
2804	MR001	31191025577	Lương Thụy Kiều	My	71	81	
2805	MR001	31191025020	Huỳnh Kim	Ngân	71	68	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
2806	MR001	31191023596	Nguyễn Lưu Bảo	Ngân	68	79	
2807	MR001	31191025586	Nguyễn Thị Thảo	Ngân	70	84	
2808	MR001	31191026082	Nguyễn Thanh Khánh	Nguyên	68	68	
2809	MR001	31191023669	Tạ Công	Nguyên	64	67	
2810	MR001	31191023674	Lương Minh	Nguyệt	68	65	
2811	MR001	31191025733	Nguyễn Minh	Nguyệt	80	83	
2812	MR001	31191027134	Đặng Nguyễn Tuyết	Nhi	69	72	
2813	MR001	31191025607	Đoàn Thị Quỳnh	Như	75	83	
2814	MR001	31191027091	Nguyễn Hữu	Tài	68	65	
2815	MR001	31191026104	Nguyễn Nhật	Tân	69	80	
2816	MR001	31191027154	Phan Văn	Tuấn	68	72	
2817	MR001	31191024037	Phạm Lê Minh	Thư	70	82	
2818	MR001	31191024074	Bùi Thu	Trang	67	65	
2819	MR001	31191027188	Hồ Thị Thu	Trang	69	79	
2820	MR001	31191027440	Phạm Ngọc	Trâm	69	66	
2821	MR001	31191024123	Trần Quế	Trân	70	72	
2822	MR001	31191024135	Cao Ngọc Phương	Trinh	68	72	
2823	MR001	31191025889	Trang Ngọc	Trúc	69	77	
2824	MR001	31191024273	Bùi Thanh	Vy	68	72	
2825	MR001	31191024330	Đinh Nguyễn Hoàng	Yến	95	93	
2826	MR001	31191025806	Nghiêm Xuân	Yến	71	82	
2827	MR001	31191020296	Nguyễn Hồng Hoàng	Yến	69	85	
2828	MR001	31191026209	Trần Châu Ngọc	Yến	69	85	
2829	MR002	31191023003	Lư Kiến	An	69	68	
2830	MR002	31191026574	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	71	79	
2831	MR002	31191027044	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	71	82	
2832	MR002	31191026123	Nguyễn Thị Kiều	Cúc	66	78	
2833	MR002	31191023143	Tào Chí	Cường	67	67	
2834	MR002	31191023119	Lê Minh	Châu	68	73	
2835	MR002	31191023129	Vũ Tâm	Châu	68	70	
2836	MR002	31191024969	Bùi Quang	Dũng	67	71	
2837	MR002	31191027322	Nguyễn Hồng	Đăng	75	80	
2838	MR002	31191020357	Bùi Thị	Giang	71	76	
2839	MR002	31191027164	Hồ Huy	Giang	69	73	
2840	MR002	31191026131	Nguyễn Thị Thu	Hải	66	79	
2841	MR002	31191027202	Hoàng Thị Thu	Hằng	69	68	
2842	MR002	31191026282	Nguyễn Thị Thanh	Hồng	65	71	
2843	MR002	31191026140	Nguyễn Thị Kim	Huệ	70	78	
2844	MR002	31191027343	Nguyễn Đức	Huy	69	79	
2845	MR002	31191024896	Võ Song	Huyền	67	75	
2846	MR002	31191027129	Nguyễn Bảo	Hưng	69	80	
2847	MR002	31191027347	Đặng Thị Thanh	Hương	81	86	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
2848	MR002	31191027349	Trần Lương Thiên	Hương	67	77	
2849	MR002	31191024704	Phan Thị Ngọc	Khanh	50	59	
2850	MR002	31191025988	Trịnh Phan Duy	Khánh	59	74	
2851	MR002	31191024567	Dương Thị Hương	Lan	69	75	
2852	MR002	31191023472	Đào Nhật	Linh	61	73	
2853	MR002	31191023488	Nguyễn Thùy	Linh	69	76	
2854	MR002	31191025261	Dương Thị Cẩm	Ly	80	82	
2855	MR002	31191023531	Nguyễn Thanh	Mai	67	69	
2856	MR002	31191027367	Lê Nguyễn Trà	My	68	71	
2857	MR002	31191021045	Lê Nguyễn Kim	Ngân	69	83	
2858	MR002	31191026317	Trần Nhật Thảo	Ngân	67	81	
2859	MR002	31191026825	Trần Bảo	Ngọc	70	81	
2860	MR002	31191025178	Lê Nguyễn Yến	Nhi	69	82	
2861	MR002	31191022200	Nguyễn Bích	Nhi	69	78	
2862	MR002	31191024917	Võ Trúc	Như	69	76	
2863	MR002	31191026840	Bùi Hoàng	Phú	62	59	
2864	MR002	31191025450	Dương Ngọc Mỹ	Quỳnh	65	79	
2865	MR002	31191027097	Hồ Lê Anh	Thư	72	79	
2866	MR002	31191026018	Phạm Hoàng Bảo	Thư	70	80	
2867	MR002	31191020790	Nguyễn Ngọc Bảo	Thương	58	64	
2868	MR002	31191020064	Nguyễn Hà Bảo	Thy	68	72	
2869	MR002	31191025093	Chu Huyền	Trang	71	81	
2870	MR002	31191026692	Thái Thu	Trang	70	72	
2871	MR002	31191022257	Đỗ Ngọc Mai	Trâm	69	77	
2872	MR002	31191025323	Tô Ngọc Đan	Trúc	68	74	
2873	MR002	31191024868	Hồ Thị Xuân	Uyên	68	78	
2874	MR002	31191024662	Trần Nguyễn Thảo	Uyên	65	70	
2875	MR002	31191026363	Nguyễn Hoàng Phượng	Uyển	74	83	
2876	MR002	31191026908	Nguyễn Ngọc Khánh	Vân	67	67	
2877	MR002	31191025717	Võ Nhật	Vy	71	80	
2878	MR003	31191020489	Đỗ Trần Thái	An	68	63	
2879	MR003	31191024874	Phạm Thị Việt	An	70	78	
2880	MR003	31191025526	Phan Thị Ngọc	Diệu	70	79	
2881	MR003	31191026744	Võ Trọng Hà	Đắc	70	75	
2882	MR003	31191022346	Hồ Thị Trà	Giang	79	81	
2883	MR003	31191027119	Nguyễn Thị Hương	Giang	62	73	
2884	MR003	31191020775	Trần Thị Nguyệt	Hà	70	76	
2885	MR003	31191025374	Hoàng Ngọc	Hiếu	72	84	
2886	MR003	31191024382	Nguyễn Trung	Hiếu	77	81	
2887	MR003	31191021048	Lê Hoàng	Hùng	65	74	
2888	MR003	31191020228	Mai Vũ Quốc	Huy	75	74	
2889	MR003	31191026781	Dương Minh	Hưng	62	65	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
2890	MR003	31191026782	Chạc Thị	Hương	71	71	
2891	MR003	31191025387	Lê Hoàng	Lâm	67	74	
2892	MR003	31191027027	Lương Ngọc	Linh	68	76	
2893	MR003	31191022220	Võ Thị Tuyết	Linh	86	82	
2894	MR003	31191026803	Nguyễn Thị Minh	Lộc	68	74	
2895	MR003	31191022355	Nguyễn An	Lương	71	75	
2896	MR003	31191022057	Nguyễn Thanh	Lượng	71	84	
2897	MR003	31191024577	Đào Thị Khánh	Ly	69	77	
2898	MR003	31191022060	Bùi Thị Ngọc	Mi	72	82	
2899	MR003	31191022405	Nguyễn Như	Mơ	84	76	
2900	MR003	31191021870	Lâm Thị Bích	Ngọc	63	70	
2901	MR003	31191026822	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	71	81	
2902	MR003	31191026159	Trần Thị Bảo	Ngọc	61	73	
2903	MR003	31191025429	Lê Phước	Nhân	71	79	
2904	MR003	31191021443	Phan Thị Hồng	Nhi	69	75	
2905	MR003	31191025881	Phan Thị Thu	Phương	72	79	
2906	MR003	31191021042	Hồ Thị Kim	Quyên	75	81	
2907	MR003	31191021525	Lâm Thùy Kim	Quyên	71	81	
2908	MR003	31191024846	Lê Thảo	Quyên	71	80	
2909	MR003	31191024468	Trần Văn Chí	Tâm	70	72	
2910	MR003	31191024199	Huỳnh Thị Thanh	Tuyền	71	74	
2911	MR003	31191020804	Giang Thúy	Tuyết	65	72	
2912	MR003	31191022506	Hứa Minh	Thư	67	63	
2913	MR003	31191026347	Lê Thị Kiều	Thương	73	81	
2914	MR003	31191026875	Võ Thị Hoài	Thương	69	78	
2915	MR003	31191026535	Nguyễn Lê Hạnh	Trang	73	86	
2916	MR003	31191027151	Nguyễn Phạm Thu	Trang	69	77	
2917	MR003	31191020092	Phạm Thu	Trang	72	78	
2918	MR003	31191026537	Trần Đặng Thùy	Trang	73	80	
2919	MR003	31191021847	Lê Nhã	Trân	65	68	
2920	MR003	31191020842	Cao Thị Tuyết	Trinh	66	69	
2921	MR003	31191022243	Nguyễn Quốc	Trung	69	73	
2922	MR003	31191024250	Lê Gia	Vĩ	75	78	
2923	MR003	31191021039	Đỗ Huỳnh Thị Kim	Vy	69	78	
2924	MRC01	31191020568	Lương Anh	Anh	69	78	
2925	MRC01	31191023052	Nguyễn Hoàng Trâm	Anh	67	75	
2926	MRC01	31191024673	Nguyễn Trần Vân	Anh	72	83	
2927	MRC01	31191023101	Nguyễn Thế	Bảo	69	67	
2928	MRC01	31191023134	Phạm Lê Hoàng	Chi	71	75	
2929	MRC01	31191023181	Đới Thị Mỹ	Duyên	67	69	
2930	MRC01	31191025854	Lý Trần Thùy	Duyên	74	81	
2931	MRC01	31191026756	Lê Thái Nhật	Hạ	68	75	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
2932	MRC01	31191020577	Nguyễn Hồng	Hân	58	71	
2933	MRC01	31191023345	Ngô Gia	Huy	69	67	
2934	MRC01	31191024897	Nguyễn Quang	Kiệt	76	83	
2935	MRC01	31191023581	Lâm Kim	Nga	68	69	
2936	MRC01	31191021476	Võ Huỳnh Hồng	Ngọc	68	77	
2937	MRC01	31191024736	Ngô Khánh	Nguyên	70	72	
2938	MRC01	31191023703	Nguyễn Huỳnh Yến	Nhi	72	88	
2939	MRC01	31191023749	Nguyễn Thị Ngọc	Như	63	68	
2940	MRC01	31191025457	Trần Thảo	Sương	84	86	
2941	MRC01	31191023909	Vũ Phan Minh	Tân	71	80	
2942	MRC01	31191024867	Nguyễn Hồng	Ty	81	85	
2943	MRC01	31191025462	Trần Ngọc	Thạch	68	73	
2944	MRC01	31171021879	Lê Vũ Thanh	Thao	53	56	
2945	MRC01	31191027412	Nguyễn Phương	Thảo	71	80	
2946	MRC01	31191024100	Trương Thùy	Trang	79	85	
2947	MRC01	31191024143	Nguyễn Trần Mai	Trinh	74	71	
2948	MRC01	31191024229	Bùi Đào Khánh	Vân	80	84	
2949	MRC01	31191020791	Lê Nguyễn Khánh	Vân	65	67	
2950	ND001	31191024529	Hoàng Ngữ	Anh	61	60	
2951	ND001	31191027305	Trần Công Tuấn	Anh	74	77	
2952	ND001	31191023106	Trương Thanh	Bảo	68	64	
2953	ND001	31191023156	Ngô Thùy	Dung	68	71	
2954	ND001	31191023162	Nguyễn Thùy	Dung	69	66	
2955	ND001	31191023169	Nguyễn Tấn	Dũng	68	65	
2956	ND001	31191024363	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	68	74	
2957	ND001	31191026052	Lê Bá Hữu	Đức	71	79	
2958	ND001	31191026944	Nguyễn Thị Ngọc	Hiền	68	68	
2959	ND001	31191026588	Đỗ Trung	Hiếu	64	66	
2960	ND001	31191027204	Võ Đắc	Hiếu	68	75	
2961	ND001	31191024829	Trần Hoàng	Khang	66	63	
2962	ND001	31191023455	Lê Thị Tuyết	Lan	69	80	
2963	ND001	31191021278	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	68	67	
2964	ND001	31191021342	Đoàn Thị Kiều	Mây	72	81	
2965	ND001	31191023546	Lê Hữu Bảo	Minh	66	64	
2966	ND001	31191023578	Nguyễn Lê Nhật	Nam	69	67	
2967	ND001	31191026816	Lê Thị Kim	Ngân	68	64	
2968	ND001	31191026485	Nguyễn Lưu Bảo	Ngọc	86	88	
2969	ND001	31191026005	Nguyễn Trần Bảo	Ngọc	54	65	
2970	ND001	31191025280	Trần Thiện	Nhân	68	69	
2971	ND001	31191021916	Huỳnh Thị Yến	Nhi	64	69	
2972	ND001	31191025027	Lê Nguyễn Thảo	Nhi	72	78	
2973	ND001	31191023718	Trần Kiều Ái	Nhi	62	62	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
2974	ND001	31191023727	Vũ Luân	Nhi	77	79	
2975	ND001	31191020059	Huỳnh Tú	Như	70	82	
2976	ND001	31191026985	Nguyễn Thế	Phong	69	70	
2977	ND001	31191026843	Nguyễn Trường	Phước	69	67	
2978	ND001	31191025616	Nguyễn Ngọc Ái	Phương	65	68	
2979	ND001	31191026512	Lê Diễm	Quỳnh	69	70	
2980	ND001	31181021626	Trần Minh	Tài	58	64	
2981	ND001	31191025194	Võ Đức	Tài	68	63	
2982	ND001	31191020414	Nguyễn Thị Tâm	Tâm	66	63	
2983	ND001	31191021348	Nguyễn Song Cẩm	Tiên	68	72	
2984	ND001	31191024062	Hà Trung	Tín	68	78	
2985	ND001	31191024645	Nguyễn Văn	Tình	68	69	
2986	ND001	31191020119	Trần Quốc	Tuấn	69	71	
2987	ND001	31191023914	Huỳnh Ngọc Đan	Thanh	68	67	
2988	ND001	31191027094	Phạm Kim	Thành	68	69	
2989	ND001	31191023976	Thi Minh	Thắng	67	66	
2990	ND001	31191027034	Trần Minh	Thọ	68	65	
2991	ND001	31191027417	Lưu Minh	Thuận	53	60	
2992	ND001	31191021915	Phan Thị Kim	Thúy	68	67	
2993	ND001	31191024768	Quách Ngọc Minh	Thư	75	80	
2994	ND001	31191025637	Đoàn Thị Anh	Thy	68	71	
2995	ND001	31191027102	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	70	73	
2996	ND001	31191026694	Đỗ Hà Diệu	Trâm	68	76	
2997	ND001	31191024138	Lương Kiều	Trinh	68	64	
2998	ND001	31191027156	Lê Thuần Phương	Uyên	68	69	
2999	ND001	31191024233	Hà Bội	Vân	67	71	
3000	ND001	31191026557	Lê Ái	Vi	68	70	
3001	ND001	31191025849	Kim Anh	Vủ	68	63	
3002	ND001	31191020926	Nguyễn Thị Yến	Vy	53	71	
3003	NS001	31191025514	Dương Minh Tú	Anh	67	77	
3004	NS001	31191020741	Lê Quỳnh	Anh	77	84	
3005	NS001	31191020040	Nguyễn Võ Hồng	Ân	77	91	
3006	NS001	31191020072	Phạm Hoàng Hồng	Ân	81	86	
3007	NS001	31191026582	Nguyễn Trần Đình	Dũng	70	81	
3008	NS001	31191026937	Huỳnh Trần Cẩm	Duyên	69	74	
3009	NS001	31191023195	Phạm Thị Ngọc	Đào	67	73	
3010	NS001	31191023244	Trương Thị Ngọc	Hà	71	80	
3011	NS001	31191026441	Ngô Thị Thanh	Hằng	68	71	
3012	NS001	31191023294	Hồ Thu	Hiền	69	69	
3013	NS001	31191024695	Trần Thị	Hiền	69	76	
3014	NS001	31191026448	Phạm Cao Minh	Hiếu	68	70	
3015	NS001	31191025379	Phan Nhật	Huy	69	74	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
3016	NS001	31191027169	Đinh Khánh	Huyền	67	80	
3017	NS001	31191021367	Hồ Hoàng	Hưng	70	76	
3018	NS001	31191025383	Bùi Tuấn	Khanh	69	76	
3019	NS001	31191026786	Bùi Song	Khuê	70	81	
3020	NS001	31191023454	Vũ Hồng	Lam	75	83	
3021	NS001	31191027360	Nguyễn Viết Mỹ	Linh	77	94	
3022	NS001	31191023519	Nguyễn Hữu	Luân	71	85	
3023	NS001	31191026151	Bùi Thị Uyên	Ly	68	79	
3024	NS001	31191026153	Ôn Thị Kim	Lý	67	77	
3025	NS001	31191021380	Nguyễn Ngọc Phương	Mai	69	82	
3026	NS001	31191025576	Chiêm Hoàng	Minh	70	72	
3027	NS001	31191024905	Lê Thụy Phương	My	68	75	
3028	NS001	31191026474	Nguyễn Nhật	Nam	71	81	
3029	NS001	31191025021	Lê Châu Bảo	Ngân	69	82	
3030	NS001	31191025022	Nguyễn Thị Kim	Ngân	70	81	
3031	NS001	31191023617	Lê Vũ Phương	Nghi	69	78	
3032	NS001	31191022020	Châu Thị Kim	Ngọc	72	85	
3033	NS001	31191023653	Trần Hồ Bảo	Ngọc	69	77	
3034	NS001	31191025428	Trần Thị Thanh	Nhàn	72	74	
3035	NS001	31191024593	Nguyễn Đỗ Hải	Nhi	79	88	
3036	NS001	31191023717	Trần Hoàng Tú	Nhi	90	85	
3037	NS001	31191020979	Trần Thị Kim	Nhi	67	80	
3038	NS001	31191025821	Phan Ngọc Quỳnh	Như	75	83	
3039	NS001	31191023770	Đỗ Hoàng	Phi	70	78	
3040	NS001	31191025447	Trần Thị Diễm	Phượng	69	70	
3041	NS001	31191025190	Võ Hồng	Phượng	77	88	
3042	NS001	31191025091	Nguyễn Dương	Tình	74	81	
3043	NS001	31191021572	Nguyễn Thị Phương	Thanh	69	76	
3044	NS001	31191026014	Đào Vĩnh	Thắng	70	83	
3045	NS001	31191023977	Ngô Thị Kim	Thể	89	91	
3046	NS001	31191026994	Kiều Xuân	Thiện	69	80	
3047	NS001	31191024809	Tô Hoàng Minh	Thư	71	79	
3048	NS001	31191026888	Văn Thiên Đoan	Trang	75	76	
3049	NS001	31191024107	Nguyễn Hồng	Trâm	74	86	
3050	NS001	31191026907	Cao Hoàng Khánh	Vân	65	72	
3051	NS001	31191025716	Nguyễn Phùng Hạ	Vy	68	75	
3052	NS001	31191024524	Phạm Hà Như	Ý	68	76	
3053	NS002	31191020220	Nguyễn Thị Kiều	Anh	74	75	
3054	NS002	31191023116	Trương Đỉnh	Cao	74	77	
3055	NS002	31191022207	Lê Quốc	Chiến	69	81	
3056	NS002	31191026124	Huỳnh Thị Hồng	Diễm	69	79	
3057	NS002	31191020170	Phan Mỹ	Duyên	77	90	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
3058	NS002	31191027057	Đặng Thị Thanh	Hằng	74	79	
3059	NS002	31191025944	Dìu Thị	Hiếu	69	84	
3060	NS002	31191026591	Phan Thị	Hiếu	69	80	
3061	NS002	31191027342	Lê Khánh Hoàng	Huy	70	76	
3062	NS002	31191026776	Nguyễn Quốc	Huy	69	82	
3063	NS002	31191025002	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Hương	73	88	
3064	NS002	31191025862	Huỳnh Tấn	Khang	73	81	
3065	NS002	31191023394	Bùi Thị Thanh	Khanh	69	81	
3066	NS002	31191024712	Cù Thị Hoài	Linh	69	87	
3067	NS002	31191025949	Hoàng Thị	Linh	68	72	
3068	NS002	31191023520	Trần Chí	Luân	67	64	
3069	NS002	31191025013	Nguyễn Thị Quỳnh	Mai	69	89	
3070	NS002	31191026074	Ngô Thị Trà	My	78	91	
3071	NS002	31191027368	Phan Thị Thanh	My	69	82	
3072	NS002	31191025951	Võ Thị	Na	72	83	
3073	NS002	31191021943	Võ Thị Kim	Ngân	69	77	
3074	NS002	31191026823	Nguyễn Thị	Ngọc	72	79	
3075	NS002	31191024738	Trần Thị Thanh	Nhàn	68	73	
3076	NS002	31191025596	Trần Trọng	Nhân	75	88	
3077	NS002	31191023695	Hà Uyển	Nhi	69	75	
3078	NS002	31191027387	Lê Nguyễn Khánh	Nhi	69	78	
3079	NS002	31191026167	Ngô Yến	Nhi	69	78	
3080	NS002	31191023705	Nguyễn Ngọc Tuyết	Nhi	72	86	
3081	NS002	31191021514	Nguyễn Thụy Hương	Nhi	72	86	
3082	NS002	31191020542	Phạm Thị Hồng	Phúc	69	80	
3083	NS002	31191026509	Đoàn Thị Mỹ	Quyên	69	73	
3084	NS002	31191020481	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	75	85	
3085	NS002	31191021386	Dương Thị Trúc	Tâm	69	82	
3086	NS002	31191026343	Trần Trung	Tân	75	88	
3087	NS002	31191025090	Nguyễn Trung	Tín	69	84	
3088	NS002	31191020501	Phan Khắc	Tường	70	88	
3089	NS002	31191023925	Nguyễn Trương Trúc	Thanh	69	72	
3090	NS002	31191023934	Vương Mỹ	Thanh	69	72	
3091	NS002	31191024634	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	69	72	
3092	NS002	31191024479	Lê Minh	Thi	73	79	
3093	NS002	31191025631	Nguyễn Trần Phương	Thúy	69	67	
3094	NS002	31191027428	Trần Kim	Thư	70	84	
3095	NS002	31191026531	Phạm Thị Thanh	Thương	70	83	
3096	NS002	31191025104	Đào Ngọc Quế	Trân	69	71	
3097	NS002	31191021139	Trần Quỳnh	Trân	69	71	
3098	NS002	31191026358	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh	69	80	
3099	NS002	31191025208	Nguyễn Trần Thành	Trọng	70	83	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
3100	NS002	31191026919	Lê Ngọc Hằng	Vy	68	79	
3101	NS002	31191025226	Phạm Trần Thúy	Vy	72	86	
3102	NS002	31191026712	Trần Thị Tường	Vy	74	85	
3103	NH001	31191024875	Đặng Quỳnh	Anh	70	74	
3104	NH001	31191024953	Nguyễn Khánh Mai	Anh	69	81	
3105	NH001	31191024351	Lê Thị Ngọc	Ánh	68	68	
3106	NH001	31191024879	Nguyễn Thanh Uyên	Chi	67	67	
3107	NH001	31191023144	Lâm Văn	Danh	77	87	
3108	NH001	31191023160	Nguyễn Thanh Phương	Dung	68	67	
3109	NH001	31191023188	Trần Thảo	Duyên	68	69	
3110	NH001	31191025361	Trang Anh	Đào	72	84	
3111	NH001	31191024692	Huỳnh Văn	Đức	69	77	
3112	NH001	31191021709	Phan Nguyễn Xuân	Giang	67	73	
3113	NH001	31191026442	Nguyễn Diệu	Hằng	82	84	
3114	NH001	31191025370	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	72	80	
3115	NH001	31191021877	Phan Ngọc	Hiển	68	71	
3116	NH001	31191023407	Nguyễn Minh	Khánh	70	69	
3117	NH001	31191024831	Nguyễn Đăng	Khoa	69	73	
3118	NH001	31191025995	Nguyễn Ngọc Trúc	Mai	69	72	
3119	NH001	31191025997	Nguyễn Nhật	Mi	70	83	
3120	NH001	31191023599	Nguyễn Thị Kim	Ngân	67	75	
3121	NH001	31191025422	Nguyễn Hồng	Ngọc	69	80	
3122	NH001	31191024735	Phạm Thị Bích	Ngọc	67	64	
3123	NH001	31191023690	Vũ Quang	Nhật	69	79	
3124	NH001	31191027220	Đỗ Thị Uyên	Nhi	71	73	
3125	NH001	31191026496	Nguyễn Thị Yến	Nhi	68	79	
3126	NH001	31191023734	Lê Thị Hồng	Nhung	69	80	
3127	NH001	31191023784	Nguyễn Hoàng	Phúc	69	80	
3128	NH001	31191026649	Lê Hồng	Quân	69	80	
3129	NH001	31191023844	Từ Bửu	Quân	69	76	
3130	NH001	31191023884	Trần Ngọc Phương	Quỳnh	67	70	
3131	NH001	31191024174	Dương Cẩm	Tú	76	73	
3132	NH001	31191024083	Mai Xuân	Trang	69	79	
3133	NH001	31191027257	Vũ Minh	Trang	76	84	
3134	NH001	31191024939	Nguyễn Thị Ngọc	Trân	69	82	
3135	NH001	31191024151	Hồ Nguyễn Thanh	Trúc	94	92	
3136	NH001	31191024160	Trịnh Thanh	Trúc	69	72	
3137	NH001	31191024212	Huỳnh Nguyễn Phương	Uyên	69	70	
3138	NH001	31191026905	Nguyễn Thanh Thu	Uyên	71	78	
3139	NH001	31191025505	Lý Nguyễn Tường	Vi	68	69	
3140	NH001	31191025220	Phạm Thanh	Vủ	68	63	
3141	NH001	31191024278	Hồng Hạ	Vy	69	74	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
3142	NH001	31191027459	Nguyễn Thị Tường	Vy	68	73	
3143	NH002	31191024952	Nguyễn Hoàng Lan	Anh	69	77	
3144	NH002	31191027115	Đặng Thị	Dung	67	78	
3145	NH002	31191025531	Trần Thị Thúy	Duy	70	81	
3146	NH002	31191027056	Nguyễn Thị Linh	Giang	69	75	
3147	NH002	31191025153	Trần Thị Nguyệt	Hoa	68	76	
3148	NH002	31191024384	Nguyễn Thái	Hòa	83	84	
3149	NH002	31191026452	Huỳnh Thị Mỹ	Huệ	69	75	
3150	NH002	31191025559	Đoàn Ngọc Minh	Hương	68	71	
3151	NH002	31191023399	Nguyễn Hoàng Phương	Khanh	67	73	
3152	NH002	31191025837	Nguyễn Đăng	Khoa	89	88	
3153	NH002	31191025573	Phan Hồ Mỹ	Linh	71	82	
3154	NH002	31191024717	Nguyễn Minh	Luân	67	71	
3155	NH002	31191025913	Nguyễn Thị Thanh	Mai	65	70	
3156	NH002	31191026970	Nguyễn Phạm Ánh	My	69	74	
3157	NH002	31191027395	Lê Thị Mộng	Ny	79	87	
3158	NH002	31191021312	Lê Hồ Thảo	Nguyên	93	94	
3159	NH002	31191023662	Lương Thị Thanh	Nguyên	69	76	
3160	NH002	31191025024	Trần Minh	Nhật	69	71	
3161	NH002	31191025432	Lâm Yến	Nhi	70	77	
3162	NH002	31191025031	Nguyễn Ngọc Thảo	Nhi	66	73	
3163	NH002	31191025180	Trương Thị Tuyết	Nhi	68	66	
3164	NH002	31191026330	Đặng Thị Ngọc	Như	70	79	
3165	NH002	31191026503	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	73	88	
3166	NH002	31191020384	Đoàn Thị	Phượng	68	67	
3167	NH002	31191021880	Lê Thị Như	Quỳnh	74	87	
3168	NH002	31191025623	Huỳnh Thi Phát	Tài	69	72	
3169	NH002	31191024516	Trần Thị Kim	Tuyết	71	81	
3170	NH002	31191025067	Nguyễn Tấn	Thành	68	65	
3171	NH002	31191027143	Trần Thị	Thi	73	80	
3172	NH002	31191021735	Đỗ Minh	Thư	69	74	
3173	NH002	31191024643	Hà Minh	Thư	66	70	
3174	NH002	31191024033	Nguyễn Minh	Thư	68	75	
3175	NH002	31191025921	Phan Phương	Thư	69	76	
3176	NH002	31191024932	Trần Thị Huyền	Thương	69	79	
3177	NH002	31191020207	Đỗ Nguyễn Anh	Thy	69	71	
3178	NH002	31191025099	Bùi Phương	Trâm	69	70	
3179	NH002	31191024779	Lê Nguyễn Bảo	Trâm	68	69	
3180	NH002	31191024115	Nguyễn Đào Bảo	Trân	68	78	
3181	NH002	31191025656	Võ Phúc	Vinh	69	69	
3182	NH002	31191025121	Trịnh Thảo	Vy	67	65	
3183	NH003	31191025130	Trần Vỹ	An	71	74	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
3184	NH003	31191026374	Đồng Thị Vân	Anh	68	75	
3185	NH003	31191026721	Nguyễn Thị Trâm	Anh	69	80	
3186	NH003	31191020013	Trần Nhật	Anh	69	75	
3187	NH003	31191020687	Võ Tuấn	Anh	68	80	
3188	NH003	31191025853	Lý Thành	Công	69	66	
3189	NH003	31191023149	Ngô Thị Bích	Diệp	79	82	
3190	NH003	31191024362	Hoàng Huyền	Duyên	70	76	
3191	NH003	31191025533	Lê Nguyễn Mỹ	Duyên	69	85	
3192	NH003	31191027321	Trần Thành	Đạt	69	66	
3193	NH003	31191023277	Lê Hồng	Hân	69	71	
3194	NH003	31191026788	Đinh Thị Ngọc	Lan	69	74	
3195	NH003	31191025768	Trương Lê Yến	Linh	70	79	
3196	NH003	31191023535	Bùi Quang	Mạnh	69	67	
3197	NH003	31191021466	Huỳnh	My	69	72	
3198	NH003	31191026079	Nguyễn Hồng	Ngọc	72	77	
3199	NH003	31191023667	Phạm Công	Nguyên	74	69	
3200	NH003	31191025281	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	68	75	
3201	NH003	31191026172	Ngô Thị Quỳnh	Như	68	73	
3202	NH003	31191021646	Nguyễn Thiện	Như	76	85	
3203	NH003	31191025186	Lưu Thị Tú	Oanh	69	79	
3204	NH003	31191020551	Trương Mỹ	Phương	76	81	
3205	NH003	31191025709	Trần Phốt	Sịl	73	84	
3206	NH003	31191024470	Võ Thị Minh	Tâm	68	74	
3207	NH003	31191026348	Lê Thị Ngọc	Tiên	69	79	
3208	NH003	31191021016	Trần Cát	Tiên	69	84	
3209	NH003	31191021352	Lê Minh	Tú	68	71	
3210	NH003	31191025801	Phan Thị Bích	Tuyền	70	76	
3211	NH003	31191023929	Trần Đan	Thanh	73	78	
3212	NH003	31191024762	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	69	80	
3213	NH003	31191021882	Nguyễn Trần Phương	Thi	69	74	
3214	NH003	31191021559	Huỳnh Minh	Thuận	74	90	
3215	NH003	31191025314	Huỳnh Anh	Thư	69	73	
3216	NH003	31191021566	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	74	78	
3217	NH003	31191024647	Đào Thị Kiều	Trang	74	72	
3218	NH003	31191024775	Đặng Phương	Trang	73	88	
3219	NH003	31191021116	Nguyễn Hồng	Trâm	69	77	
3220	NH003	31191024942	Huỳnh Thị Tố	Trinh	69	76	
3221	NH003	31191024786	Nguyễn Song Thủy	Trúc	88	86	
3222	NH003	31191025509	Trần Cẩm	Vy	71	80	
3223	NH004	31191021088	Nguyễn Thị Vân	Anh	80	79	
3224	NH004	31191022454	Nguyễn Thị Hồng	Cẩm	68	76	
3225	NH004	31191025527	Trần Huỳnh Minh	Dũng	53	63	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
3226	NH004	31191020656	Đinh Thị Hữu	Hà	68	66	
3227	NH004	31191025369	Nguyễn Kim Hồng	Hạnh	67	76	
3228	NH004	31191022161	Nguyễn Mai	Hạnh	83	86	
3229	NH004	31191021168	Trần Thúy	Hằng	53	67	
3230	NH004	31191020444	Trần Bùi Thanh	Hiền	76	80	
3231	NH004	31191020850	Ngô Trung	Hiếu	68	68	
3232	NH004	31191026595	Mai Phương Thúy	Hồng	71	79	
3233	NH004	31191020510	Võ Trần Minh	Hồng	69	79	
3234	NH004	31191020562	Ngô Hoàng	Long	73	85	
3235	NH004	31191021719	Nguyễn Thành	Long	73	85	
3236	NH004	31191026805	Nguyễn Thảo	Ly	69	81	
3237	NH004	31191021336	Trương Thị Tuyết	Mai	74	82	
3238	NH004	31191027364	Hà Phúc Trà	My	68	79	
3239	NH004	31191020548	Nguyễn Thị Bảo	Ngân	70	79	
3240	NH004	31191021592	Trần Bảo	Ngân	69	73	
3241	NH004	31191022162	Nguyễn Đại	Nghĩa	94	93	
3242	NH004	31191026836	Bùi Thanh	Nhung	69	78	
3243	NH004	31191023836	Hoàng Minh	Quân	69	67	
3244	NH004	31191021396	Nguyễn Trần Như	Quỳnh	68	84	
3245	NH004	31191025785	Nguyễn Thành	Tâm	73	80	
3246	NH004	31191025926	Chiêm Cẩm	Tú	74	80	
3247	NH004	31191025649	Nguyễn Văn	Tuấn	73	67	
3248	NH004	31191020694	Phạm Hồng	Thanh	69	79	
3249	NH004	31191021628	Huỳnh Thanh Xuân	Thảo	70	78	
3250	NH004	31191021621	Trần Thị Anh	Thi	70	80	
3251	NH004	31191025472	Nguyễn Anh	Thịnh	67	70	
3252	NH004	31191020014	Trương Thị Xuân	Thùy	68	77	
3253	NH004	31191025202	Nguyễn Thị Anh	Thư	67	70	
3254	NH004	31191020913	Trần Thị Hoài	Thương	65	68	
3255	NH004	31191021124	Hồ Đặng Minh	Thy	92	93	
3256	NH004	31191020565	Trần Thị Hương	Trà	69	77	
3257	NH004	31191026359	Nguyễn Phương Hoài	Trúc	69	76	
3258	NH004	31191021554	Phạm Nguyễn Thảo	Uyên	70	79	
3259	NH004	31191021588	Lê Ngọc Khánh	Vy	75	65	
3260	NH004	31191021587	Lê Ngọc Tường	Vy	71	64	
3261	NH004	31191027284	Nguyễn Hà Khánh	Vy	78	81	
3262	NH004	31191025228	Nguyễn Thị Như	Ý	73	78	
3263	NH005	31191023078	Võ Đức	Anh	68	70	
3264	NH005	31191025133	Nguyễn Thị	Ánh	69	67	
3265	NH005	31191024963	Lê Mạnh	Cường	69	73	
3266	NH005	31191026934	Nguyễn Trần Thu	Diễm	69	74	
3267	NH005	31191021248	Đoàn Thị Hồng	Đào	69	74	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
3268	NH005	31191021883	Nguyễn Thị Hương	Giang	68	69	
3269	NH005	31191025811	Nguyễn Huỳnh Thúy	Hân	74	88	
3270	NH005	31191025247	Huỳnh Minh	Hiền	93	89	
3271	NH005	31191026279	Nguyễn Thị Thái	Hòa	69	76	
3272	NH005	31191021615	Lê Thị Mỹ	Huyền	69	77	
3273	NH005	31191025863	Trà Hữu	Khang	69	67	
3274	NH005	31191027359	Nguyễn Xuân	Lê	72	78	
3275	NH005	31191021565	Lê Nguyễn Thùy	Linh	75	81	
3276	NH005	31191024899	Nguyễn Thị Trúc	Linh	69	79	
3277	NH005	31191020413	Trần Thái	Mạnh	73	75	
3278	NH005	31191025171	Lê Thị Ngọc	Ngà	69	72	
3279	NH005	31191021347	Thái Nguyễn Minh	Nhật	69	75	
3280	NH005	31191023729	Ngụy Mỹ	Nhiên	69	76	
3281	NH005	31191021221	Lê Huỳnh	Như	69	79	
3282	NH005	31191024748	Vũ Thị Quỳnh	Như	67	65	
3283	NH005	31191020406	Lương Thị Kiều	Oanh	68	76	
3284	NH005	31191025288	Huỳnh Tấn	Phát	68	70	
3285	NH005	31191024751	Mai Tấn	Phát	74	82	
3286	NH005	31191026839	Hoàng Quốc	Phi	69	74	
3287	NH005	31191025615	Nguyễn Hồng	Phúc	68	66	
3288	NH005	31191020655	Lã Đăng	Quang	71	84	
3289	NH005	31191021281	Lê Thị Thanh	Quyền	69	79	
3290	NH005	31191025304	Phan Nhật	Tân	94	90	
3291	NH005	31191020350	Phạm Thị Mỹ	Tiên	70	80	
3292	NH005	31191026533	Nguyễn Văn	Toán	71	69	
3293	NH005	31191024807	Nguyễn Văn	Thi	77	87	
3294	NH005	31191025308	Trương Mai	Thi	68	72	
3295	NH005	31191021896	Nguyễn Thị Hồng	Thơ	69	75	
3296	NH005	31191020006	Lê Thị Bích	Thủy	68	69	
3297	NH005	31191021203	Bùi Minh	Thư	69	79	
3298	NH005	31191024933	Thái Thị Thanh	Thy	69	71	
3299	NH005	31191026879	Lại Quỳnh	Trang	86	91	
3300	NH005	31191021613	Thái Thị Tuyết	Trinh	68	78	
3301	NH005	31191024655	Nguyễn Thanh	Trúc	69	80	
3302	NH005	31191025800	Đỗ Khánh	Trường	67	66	
3303	NH005	31191026906	Trần Thị Thu	Uyên	68	66	
3304	NH005	31191021178	Nguyễn Thị Thảo	Vy	69	78	
3305	NHC01	31191025134	Phạm Hoài	Bảo	77	84	
3306	NHC01	31191023142	Lê Nhật	Cường	73	66	
3307	NHC01	31191023124	Nguyễn Minh	Châu	53	60	
3308	NHC01	31191023164	Trương Mỹ	Dung	68	77	
3309	NHC01	31191023184	Nguyễn Ngọc Hoàng	Duyên	69	76	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
3310	NHC01	31191020581	Phạm Thị Mỹ	Duyên	72	76	
3311	NHC01	31191024538	Đồng Đại	Đức	74	81	
3312	NHC01	31191020247	Nguyễn Duy	Đức	78	77	
3313	NHC01	31191024891	Phạm Hồng	Hiếu	62	64	
3314	NHC01	31191021841	Hồ Vũ	Huân	73	64	
3315	NHC01	31191025859	Trần Anh	Huy	69	69	
3316	NHC01	31191025003	Nguyễn Ngọc Thiên	Hương	71	80	
3317	NHC01	31191021068	Đặng Thị Kim	Khánh	72	80	
3318	NHC01	31191024409	Trần Hải	Lâm	92	91	
3319	NHC01	31191020855	Lê Hồng	Loan	68	67	
3320	NHC01	31191025260	Lê Thành	Long	69	64	
3321	NHC01	31191027071	Trần Phi	Long	68	72	
3322	NHC01	31191024424	Nguyễn Hoài Thảo	Ly	71	77	
3323	NHC01	31191025588	Phan Lê Thanh	Ngân	69	74	
3324	NHC01	31191020661	Trịnh Bảo	Ngọc	68	79	
3325	NHC01	31191021732	Nguyễn Hoàng Phương	Nguyên	71	79	
3326	NHC01	31191020682	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	69	71	
3327	NHC01	31191020128	Nguyễn Hào	Phong	74	83	
3328	NHC01	31191026507	Đỗ Thanh	Quý	69	66	
3329	NHC01	31191023855	Lý Mỹ	Quyên	68	65	
3330	NHC01	31191025298	Nhan Kim	Quyên	67	76	
3331	NHC01	31191023873	Mai Thị Như	Quỳnh	68	71	
3332	NHC01	31191025829	Nguyễn Thị Minh	Thư	69	74	
3333	NHC01	31191024771	Trịnh Đỗ Hoài	Thương	71	73	
3334	NHC01	31191021601	Nguyễn Thị Thảo	Trang	69	77	
3335	NHC01	31191024153	Lương Đinh Thiên	Trúc	74	73	
3336	NHC01	31191024945	Huỳnh Ngọc Phương	Uyên	71	77	
3337	NHC01	31191021548	Nguyễn Phương Hồng	Vân	67	72	
3338	NHC01	31191020514	Nguyễn Ái	Vy	74	89	
3339	NHC01	31191024327	Nguyễn Ngọc Như	Ý	71	71	
3340	PF001	31191025667	Bùi Thụy Diệu	An	70	66	
3341	PF001	31191026579	Ngô Văn	Chính	68	66	
3342	PF001	31191023167	Khuất Đặng Tiến	Dũng	68	68	
3343	PF001	31191020582	Lê Phạm Đức	Duy	72	69	
3344	PF001	31191021329	Lê Nguyễn Thùy	Duyên	67	70	
3345	PF001	31191024972	Lê Thị Mỹ	Duyên	70	71	
3346	PF001	31191025535	Phạm Lê Mỹ	Duyên	67	80	
3347	PF001	31191023207	Trần Kim	Điệp	70	68	
3348	PF001	31191023252	Bùi Nguyễn Ngọc	Hạnh	69	73	
3349	PF001	31181021954	Bùi Ngọc Gia	Hân	65	55	
3350	PF001	31191021337	Hồ Nguyễn Thúy	Hiền	69	71	
3351	PF001	31191027340	Trần Trung	Hòa	68	61	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
3352	PF001	31191026594	Đinh Trung	Hoàng	71	74	
3353	PF001	31191025860	Nguyễn	Huỳnh	68	62	
3354	PF001	31191023361	Lê Hữu Quốc	Hưng	68	63	
3355	PF001	31191025560	Trần Ngọc Mỹ	Hương	68	64	
3356	PF001	31191025007	Dương Trí	Kiệt	64	66	
3357	PF001	31181021956	Huỳnh Thị Thiên	Kim	62	57	
3358	PF001	31191026951	Đoàn Gia	Khang	53	56	
3359	PF001	31191020352	Nguyễn Anh	Khoa	67	66	
3360	PF001	31191026790	Nguyễn Hoàng	Lâm	62	64	
3361	PF001	31191024422	Lê Hoàng	Long	78	70	
3362	PF001	31191023523	Phạm Huỳnh Tấn	Lực	64	64	
3363	PF001	31191023530	Ngô Thị Ngọc	Mai	68	63	
3364	PF001	31191020789	Trần Triệu	Mẫn	69	70	
3365	PF001	31191021569	Đoàn Nhật	Nam	76	89	
3366	PF001	31191020564	Nguyễn Đinh Thanh	Ngân	68	65	
3367	PF001	31191025593	Nguyễn Bội	Ngọc	68	77	
3368	PF001	31191023671	Trần Triệu	Nguyên	53	72	
3369	PF001	31181023381	Vũ Duy	Nguyên	63	63	
3370	PF001	31191020063	Phạm Thị Mỹ	Phương	68	73	
3371	PF001	31191023860	Nguyễn Thảo	Quyên	60	60	
3372	PF001	31191024625	Lê Thị	Quỳnh	71	68	
3373	PF001	31191023876	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh	68	67	
3374	PF001	31191023879	Nguyễn Phương	Quỳnh	70	65	
3375	PF001	31191024755	Trần Phượng	Quỳnh	68	68	
3376	PF001	31191023891	Hồ Thị Ánh	Sao	60	62	
3377	PF001	31191023910	Võ Minh	Tấn	78	77	
3378	PF001	31191023956	Ngô Thanh Thanh	Thảo	67	74	
3379	PF001	31191023997	Nguyễn Hữu	Thọ	70	80	
3380	PF001	31191020761	Phạm Thị Thanh	Thúy	69	83	
3381	PF001	31191025794	Lưu Nguyễn Hương	Trang	64	64	
3382	PF001	31191027269	Nguyễn Đức	Trọng	55	56	
3383	PF001	31191024265	Ngô Long	Vũ	69	69	
3384	PF001	31191024946	Bùi Thị Thảo	Vy	58	68	
3385	PF001	31191024295	Nguyễn Lâm Thúy	Vy	65	61	
3386	PM001	31191024339	Nguyễn Hải	An	70	71	
3387	PM001	31191023005	Nguyễn Lê Thúy	An	73	78	
3388	PM001	31191023040	Mai Hoàng	Anh	68	80	
3389	PM001	31191024348	Nguyễn Văn	Anh	68	65	
3390	PM001	31191023082	Phan Ngọc	Ánh	77	79	
3391	PM001	31191024354	Đỗ Nhật Ngọc	Bích	67	74	
3392	PM001	31191027047	Nguyễn Thanh	Bình	67	60	
3393	PM001	31191026418	Lý Dương Hoài	Châu	83	80	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
3394	PM001	31191023159	Nguyễn Thị Thùy	Dung	73	78	
3395	PM001	31191025907	Huỳnh Tiến	Dũng	69	78	
3396	PM001	31191024973	Nguyễn Thị Ngọc	Duyên	64	63	
3397	PM001	31191024364	Đinh Thị Hải	Dương	65	74	
3398	PM001	31191025364	Trần Duy	Giang	74	78	
3399	PM001	31191023243	Trần Thị Thu	Hà	69	75	
3400	PM001	31191026942	Nguyễn Võ Mỹ	Hảo	77	84	
3401	PM001	31191026135	Nguyễn Thị Như	Hằng	68	73	
3402	PM001	31191023274	Trần Thị Diễm	Hằng	73	77	
3403	PM001	31191024555	Võ Hồ Khải	Hoàn	72	77	
3404	PM001	31191027022	Bùi Xuân	Huy	65	64	
3405	PM001	31191027124	Lê Quang	Huy	76	78	
3406	PM001	31191023352	Trần Phan Quốc	Huy	70	64	
3407	PM001	31191027464	Hoàng Thanh	Huyền	68	72	
3408	PM001	31191023422	Nguyễn Trần Anh	Khoa	68	63	
3409	PM001	31191023459	Lê Nguyễn Trúc	Lâm	60	56	
3410	PM001	31191025689	Trần Thị Khánh	Linh	82	88	
3411	PM001	31191025014	Nguyễn Thị Xuân	Mai	68	80	
3412	PM001	31191027133	Nguyễn Công	Minh	65	59	
3413	PM001	31191025411	Trần Thị Kim	My	70	82	
3414	PM001	31191025581	Nguyễn Đoàn Phương	Nga	68	70	
3415	PM001	31191027370	Hoa Thu	Ngân	68	76	
3416	PM001	31191023593	Lưu Trần Thảo	Ngân	73	75	
3417	PM001	31191024432	Nguyễn Ngọc Thanh	Ngân	75	74	
3418	PM001	31191024800	Nguyễn Thị Thúy	Ngân	65	71	
3419	PM001	31191026223	Nguyễn Trương Thu	Ngân	75	84	
3420	PM001	31191027373	Phạm Biện Kim	Ngân	68	75	
3421	PM001	31191023642	Nguyễn Huỳnh Như	Ngọc	58	69	
3422	PM001	31191026085	Nguyễn Bá Hoàng	Nhật	71	80	
3423	PM001	31191026833	Nguyễn Viết	Nhi	58	62	
3424	PM001	31191027389	Phạm Khiêm	Nhu	71	68	
3425	PM001	31191023752	Trần Ngọc Phương	Như	60	74	
3426	PM001	31191026842	Nguyễn Kiến	Phúc	57	50	
3427	PM001	31191025735	Phạm Thu	Phương	69	74	
3428	PM001	31191023835	Đinh Phạm	Quân	61	58	
3429	PM001	31191027256	Lại Xuân	Tiến	67	61	
3430	PM001	31191025469	Lê Thị Hồng	Thảo	63	71	
3431	PM001	31191021385	Lê Thành	Thắng	66	70	
3432	PM001	31191026670	Phạm Hoàng	Thắng	61	74	
3433	PM001	31191023994	Phạm Phú Đức	Thịnh	68	65	
3434	PM001	31191024031	Nguyễn Điền Uyên	Thư	68	69	
3435	PM001	31191026676	Nguyễn Huyền	Thư	85	85	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
3436	PM001	31191024035	Nguyễn Vũ	Thư	66	75	
3437	PM001	31191024928	Trần Khánh	Thư	64	65	
3438	PM001	31191025713	Đinh Thị Hoàng	Thương	71	73	
3439	PM001	31191024150	Phạm Hiếu	Trọng	68	66	
3440	PM001	31191024219	Nguyễn Thục	Uyên	84	84	
3441	PM001	31191024237	Nguyễn Đặng Kim	Vân	85	79	
3442	PM001	31191024258	Trần Quốc	Việt	68	70	
3443	PM001	31191025658	Huỳnh Đặng Hồng	Vy	51	73	
3444	PM001	31191025804	Võ Thị Minh	Vy	70	76	
3445	PM001	31191027012	Phạm Kim Xuân	Ý	74	82	
3446	QB001	31191026411	Nguyễn Thị Nhựt	An	68	71	
3447	QB001	31191023042	Mai Thị Hồng	Anh	64	75	
3448	QB001	31191023047	Nguyễn Cẩm	Anh	65	62	
3449	QB001	31191023060	Nguyễn Thị Kiều	Anh	71	72	
3450	QB001	31191025233	Trần Ngọc Lan	Anh	69	72	
3451	QB001	31191027315	Ngô Thị Xuân	Diệu	68	79	
3452	QB001	31191026255	Nguyễn Hoàng	Doãn	82	90	
3453	QB001	31191024366	Huỳnh Đỗ Phúc	Đạt	79	84	
3454	QB001	31191027054	Đinh Thị Lam	Giang	66	70	
3455	QB001	31191023233	Phạm Thị Quỳnh	Giao	71	80	
3456	QB001	31191023237	Lưu Ngọc Thanh	Hà	68	68	
3457	QB001	31191023245	Tôn Nữ Nhật	Hạc	80	91	
3458	QB001	31191025371	Trần Thị Lệ	Hằng	70	80	
3459	QB001	31191026765	Nguyễn Thị Thúy	Hiền	66	73	
3460	QB001	31191020917	Hồ Hải	Hòa	70	81	
3461	QB001	31191024386	Nguyễn Đỗ Huy	Hoàng	68	76	
3462	QB001	31191020684	Nguyễn Thị Thu	Huyền	67	84	
3463	QB001	31191023388	Nguyễn Hoàng Nam	Khang	67	69	
3464	QB001	31191024581	Vũ Thị Ngọc	Nan	68	79	
3465	QB001	31191024436	Trần Đỗ Quỳnh	Nghi	68	67	
3466	QB001	31191026078	Dương Thị Ánh	Ngọc	69	82	
3467	QB001	31191023673	Dương Minh	Nguyệt	72	70	
3468	QB001	31191023701	Nguyễn Hà Ái	Nhi	68	74	
3469	QB001	31191023723	Trần Thị Uyển	Nhi	66	65	
3470	QB001	31191023732	Mai Khả	Nhu	70	79	
3471	QB001	31191027390	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	76	85	
3472	QB001	31191023756	Trương Thị Trúc	Như	65	71	
3473	QB001	31191023785	Nguyễn Hoàng	Phúc	59	62	
3474	QB001	31191025704	Trần Hà Đăng	Quang	65	68	
3475	QB001	31191026848	Bùi Hoàng Ánh	Quyên	68	66	
3476	QB001	31191026341	Dương Thị Minh	Tâm	74	83	
3477	QB001	31191023899	Đoàn Kiến	Tâm	73	77	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
3478	QB001	31191027430	Phạm Võ Hà	Tiên	69	74	
3479	QB001	31191021276	Lê Nguyễn Cẩm	Tú	68	83	
3480	QB001	31191024202	Trần Đình Thanh	Tuyền	65	71	
3481	QB001	31191024075	Đỗ Thùy	Trang	67	59	
3482	QB001	31191024099	Trần Thảo	Trang	71	81	
3483	QB001	31191024146	Trần Ngọc Đoan	Trinh	71	76	
3484	QB001	31191024210	Đặng Nguyễn Phương	Uyên	69	78	
3485	QB001	31191026554	Phạm Hồng	Vân	64	70	
3486	QB001	31191026915	Nguyễn Phù	Vinh	69	69	
3487	QB001	31191025661	Nguyễn Ngọc Khánh	Vy	74	83	
3488	QB001	31191024300	Nguyễn Ngọc Tường	Vy	69	77	
3489	QB001	31191024302	Nguyễn Phan Hà	Vy	59	70	
3490	QB001	31191020210	Nguyễn Phương	Vy	68	73	
3491	QB001	31191021249	Huỳnh Thị Hoàng	Yến	71	80	
3492	SK001	31191024949	Phạm Đông	An	69	80	
3493	SK001	31191020710	Vũ Thế	An	68	70	
3494	SK001	31191021098	Nguyễn Thị Kim	Anh	68	80	
3495	SK001	31191026726	Trương Hoàng	Anh	73	88	
3496	SK001	31191023077	Trương Thái Thiên	Anh	68	73	
3497	SK001	31191023094	Đặng Hoàng Gia	Bảo	65	65	
3498	SK001	31191026128	Hồ Thị Mỹ	Duyên	69	70	
3499	SK001	31191022510	Ka Thụy	Duyên	65	76	
3500	SK001	31191026262	Nguyễn Thị	Duyên	68	74	
3501	SK001	31191025938	Lê Văn	Dự	72	73	
3502	SK001	31191022334	Nguyễn Thị Thùy	Dương	68	75	
3503	SK001	31191024822	Trần Chí	Đại	68	72	
3504	SK001	31191023224	Trương Công	Đức	68	64	
3505	SK001	31191027019	Phạm Thu	Hà	66	81	
3506	SK001	31191024375	Nguyễn Phúc Trường	Hải	69	65	
3507	SK001	31191025151	Văn Minh	Hậu	61	66	
3508	SK001	31191027293	Nguyễn Trọng	Hiếu	65	66	
3509	SK001	31191027339	Nguyễn Thị Khánh	Hòa	69	76	
3510	SK001	31191023343	Hoàng Nhật	Huy	69	73	
3511	SK001	31191027252	Nguyễn Thị Thu	Hường	79	86	
3512	SK001	31191025813	Nguyễn Thị Phượng	Khanh	84	85	
3513	SK001	31191027026	Lê Thùy	Linh	67	71	
3514	SK001	31191026795	Nguyễn Thị Phương	Linh	63	77	
3515	SK001	31191024583	Đào Ngọc	Ngân	67	73	
3516	SK001	31191026634	Huỳnh Phạm Kim	Ngân	67	70	
3517	SK001	31191023594	Nguyễn Đức Bảo	Ngân	70	82	
3518	SK001	31191022186	Nguyễn Thị Ái	Ngân	67	70	
3519	SK001	31191023640	Lê Thị Ngọc	Ngọc	67	73	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
3520	SK001	31191023645	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	81	87	
3521	SK001	31191027381	Nguyễn Châu	Nguyên	61	68	
3522	SK001	31191022013	Phạm Thị Thảo	Nguyên	68	83	
3523	SK001	31191026166	Dương Ngọc Yến	Nhi	78	87	
3524	SK001	31191022502	Thông Thị	Nhiên	68	70	
3525	SK001	31191026331	Võ Ngọc Quỳnh	Như	50	55	
3526	SK001	31191023827	Nguyễn Hoàng Thúy	Phượng	70	79	
3527	SK001	31191024618	Nguyễn Thị Kim	Phượng	58	72	
3528	SK001	31191023881	Nguyễn Thạch Ngọc	Quỳnh	68	83	
3529	SK001	31191020415	Nguyễn Vũ Thu	Quỳnh	83	84	
3530	SK001	31191027446	Nguyễn Cẩm	Tú	67	81	
3531	SK001	31191027040	Lê Anh	Tuấn	72	74	
3532	SK001	31191020232	Phạm Anh	Thái	70	87	
3533	SK001	31191021907	Lê Phương	Thùy	60	77	
3534	SK001	31191020396	Đặng Thị Huyền	Trang	69	74	
3535	SK001	31191026884	Phạm Huyền	Trang	67	71	
3536	SK001	31191020641	Phạm Đỗ Bảo	Trân	67	70	
3537	SK001	31191022181	Nguyễn Lê Thu	Uyên	81	83	
3538	SK001	31171020504	Nguyễn Văn Mỹ	Uyên	67	64	
3539	SK001	31191020025	Đặng Thị Thảo	Vân	68	75	
3540	SK001	31191022504	Trịnh Thanh	Vũ	80	72	
3541	SK001	31191024303	Nguyễn Phương	Vy	67	69	
3542	SK001	31191024310	Phạm Thị Tường	Vy	51	65	
3543	SK001	31191026926	Nguyễn Thị Phi	Yến	62	74	
3544	ST001	31191026927	Lê Nhật	Anh	72	85	
3545	ST001	31191025231	Nguyễn Duy	Anh	69	70	
3546	ST001	31191023058	Nguyễn Quốc	Anh	67	64	
3547	ST001	31191024352	Phạm Thị Ngọc	Ánh	72	84	
3548	ST001	31191023095	Đặng Ngọc Quốc	Bảo	68	72	
3549	ST001	31191026415	Thái Ngọc Hữu	Bằng	84	79	
3550	ST001	31191023111	Đặng Công	Bình	70	71	
3551	ST001	31191024357	Trần Thị Kim	Chi	68	72	
3552	ST001	31191025356	Vũ Công	Chính	66	65	
3553	ST001	31191025723	Nguyễn Thanh	Duy	66	66	
3554	ST001	31191023197	Nguyễn Công	Đạt	53	64	
3555	ST001	31191023198	Nguyễn Văn	Đạt	53	61	
3556	ST001	31191023216	Huỳnh Dương Hiếu	Đức	53	62	
3557	ST001	31191023247	Lê Huy	Hải	56	62	
3558	ST001	31191023261	Huỳnh Nhật	Hào	66	67	
3559	ST001	31191026276	Ngô Thị Nhật	Hiền	68	70	
3560	ST001	31191024554	Trần Văn	Hoài	67	79	
3561	ST001	31191026947	Phạm Vũ	Hoàng	86	87	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
3562	ST001	31191025376	Trần Đức	Hùng	83	81	
3563	ST001	31191024393	Lê Trung	Huy	81	77	
3564	ST001	31191024561	Tống Văn	Huy	53	62	
3565	ST001	31191025985	Bùi Minh	Kha	77	81	
3566	ST001	31191026783	Phan Văn	Khải	67	69	
3567	ST001	31191025986	Ngô Nguyễn Dương	Khang	65	65	
3568	ST001	31191025686	Nguyễn Trúc	Khang	87	84	
3569	ST001	31191026038	Châu Hoàng	Khiêm	75	77	
3570	ST001	31191026623	Võ Anh	Lực	70	69	
3571	ST001	31191024836	Nguyễn Thị Kiều	My	68	68	
3572	ST001	31191025771	Lê Nguyễn Kim	Ngân	68	78	
3573	ST001	31191025271	Phạm Lý Thái	Ngân	69	76	
3574	ST001	31191020192	Trương Triển	Nguyên	71	83	
3575	ST001	31191026174	Trần Xuân	Phong	61	63	
3576	ST001	31191025291	Huỳnh Hữu	Phúc	70	74	
3577	ST001	31191026013	Lê Bảo	Quốc	68	65	
3578	ST001	31191023851	Phạm Anh	Quốc	62	64	
3579	ST001	31191023870	Lê Mỹ	Quỳnh	70	73	
3580	ST001	31191026180	Nguyễn Thị Tuyết	Sương	69	75	
3581	ST001	31191025301	Võ Thanh	Tài	65	69	
3582	ST001	31191024852	Phan Duy	Tân	68	68	
3583	ST001	31191024934	Ngô Thị Thủy	Tiên	67	68	
3584	ST001	31191026680	Hà Văn	Tiến	67	67	
3585	ST001	31191026877	Dương Kha	Toàn	68	65	
3586	ST001	31191026900	Lâm Anh	Tuấn	70	83	
3587	ST001	31191023913	Đào Duy	Thanh	70	80	
3588	ST001	31191023927	Tiêu Nhã	Thanh	78	83	
3589	ST001	31191024472	Bế Văn	Thành	52	56	
3590	ST001	31191026660	Huỳnh Đức	Thành	61	60	
3591	ST001	31191026671	Trịnh Quốc	Thắng	66	81	
3592	ST001	31191026186	Trần Văn	Thịnh	65	60	
3593	ST001	31191026020	Phạm Thị Bích	Trâm	69	78	
3594	ST001	31191024504	Vũ Ngọc Quỳnh	Trâm	68	72	
3595	ST001	31191024133	Nguyễn Phạm Đông	Triều	60	62	
3596	ST001	31191024512	Lại Phi	Trường	67	61	
3597	ST001	31191026898	Trần Văn	Trường	67	67	
3598	ST001	31191026916	Hoàng Trung	Vũ	71	69	
3599	TB001	31191023051	Nguyễn Hải	Anh	70	80	
3600	TB001	31191024954	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	69	76	
3601	TB001	31191023088	Lê Nguyễn Phương	Ân	68	67	
3602	TB001	31191023140	Nguyễn Ngọc Hải	Cơ	68	66	
3603	TB001	31191026932	Lê Hoàng	Châu	68	66	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
3604	TB001	31191027050	Nguyễn Thị Linh	Chi	58	69	
3605	TB001	31191025143	Phạm Võ Thùy	Duyên	88	91	
3606	TB001	31191026752	Hoàng Thị Thu	Hà	69	73	
3607	TB001	31191023331	Lê Thị Thuý	Hồng	66	75	
3608	TB001	31191022306	Nguyễn Như	Huy	80	85	
3609	TB001	31191021818	Huỳnh Bĩnh	Khang	71	76	
3610	TB001	31191025561	Nguyễn Minh	Khang	87	93	
3611	TB001	31181021316	Nguyễn Tô Minh	Khuê	66	65	
3612	TB001	31191026789	Đoàn Trần Hải	Lâm	68	70	
3613	TB001	31191021959	Hồ Thị	Liên	67	81	
3614	TB001	31191023487	Nguyễn Thị Thùy	Linh	71	82	
3615	TB001	31191025401	Lê Thị Diệu	Lý	67	73	
3616	TB001	31191023541	Phan Trà	Mi	67	60	
3617	TB001	31191022203	Văn Nữ Châu	Minh	70	83	
3618	TB001	31191027176	Đinh Thị	Mơ	69	72	
3619	TB001	31191026635	Lê Phạm Thanh	Ngân	67	64	
3620	TB001	31191023592	Lương Thị Tiết	Ngân	67	67	
3621	TB001	31191023602	Nguyễn Thị Thu	Ngân	68	72	
3622	TB001	31191026316	Phạm Tâm	Ngân	69	70	
3623	TB001	31191026818	Tô Thanh	Ngân	68	75	
3624	TB001	31191024840	Nguyễn Thị Mộng	Nghi	73	75	
3625	TB001	31191027382	Nguyễn Thảo	Nguyên	69	69	
3626	TB001	31191025871	Dương Lâm	Nhã	69	69	
3627	TB001	31191027388	Lê Trần Uyên	Nhi	68	77	
3628	TB001	31191023713	Nguyễn Yến	Nhi	70	75	
3629	TB001	31191025181	Lê Thị Tuyết	Nhung	65	66	
3630	TB001	31191025441	Bùi Kim	Phát	81	81	
3631	TB001	31191026838	Nguyễn Tấn	Phát	65	62	
3632	TB001	31191026653	Trần Thái Diễm	Quỳnh	68	78	
3633	TB001	31191021400	Lâm Lê Nhật	Tiên	97	91	
3634	TB001	31191026532	Võ Cẩm	Tiên	69	68	
3635	TB001	31191024792	Đỗ Thị Thanh	Tuyền	66	80	
3636	TB001	31191023939	Nguyễn Nhất Chí	Thành	70	70	
3637	TB001	31191025737	Nguyễn Hoàng	Thơ	69	75	
3638	TB001	31191024005	La	Thuận	68	64	
3639	TB001	31191024489	Hồ Thị Anh	Thư	82	89	
3640	TB001	31191024029	Lữ Minh	Thư	64	73	
3641	TB001	31191022195	Trần Ngọc Anh	Thư	86	89	
3642	TB001	31191027101	Hoàng Thị Diệu	Trang	70	83	
3643	TB001	31191027441	Phạm Thị Ngọc	Trâm	70	72	
3644	TB001	31191024782	Huỳnh Đỗ Tuyết	Trinh	68	77	
3645	TB001	31191026892	Lê Nguyễn Tú	Trinh	67	74	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
3646	TB001	31191025715	Võ Thị Thủy	Trinh	65	70	
3647	TB001	31191027108	Nguyễn Thu	Uyên	69	72	
3648	TB001	31191027458	Lê Uyển	Vy	71	81	
3649	TB001	31191024306	Nguyễn Thảo	Vy	69	73	
3650	TG001	31191020242	Lâm Nguyễn Phương	Anh	69	71	
3651	TG001	31191023034	Lê Nguyễn Trâm	Anh	69	62	
3652	TG001	31191023045	Nguyễn Thị Tuyết	Anh	69	81	
3653	TG001	31191021627	Trần Minh	Châu	68	78	
3654	TG001	31191024367	Hoàng Nhật	Điền	70	72	
3655	TG001	31191023262	Phương Tiến	Hào	69	64	
3656	TG001	31191024377	Chu Bảo	Hân	80	88	
3657	TG001	31191024394	Vũ Thanh	Huyền	69	66	
3658	TG001	31191023364	Nguyễn Triệu	Hưng	69	74	
3659	TG001	31191026454	Trần Thị Hồng	Hưởng	68	66	
3660	TG001	31191020035	Nguyễn Hồng Ngọc	Lan	69	71	
3661	TG001	31191026299	Hồ Quý	Long	69	70	
3662	TG001	31191023558	Vũ Hoàng	Minh	74	80	
3663	TG001	31191024587	Phạm Thị Yến	Ngọc	77	84	
3664	TG001	31191023698	Lê Thạch Thủy	Nhi	69	79	
3665	TG001	31191023702	Nguyễn Hoài Thảo	Nhi	71	79	
3666	TG001	31191025603	Trương Huỳnh Tuyết	Nhi	68	69	
3667	TG001	31191023828	Huỳnh Nhật	Quang	70	76	
3668	TG001	31191023857	Nguyễn Ngọc Cẩm	Quyên	69	74	
3669	TG001	31191021993	Đỗ Chí	Tân	66	69	
3670	TG001	31191025210	Bùi Minh	Tú	69	77	
3671	TG001	31191025890	Nguyễn Hoàng Cẩm	Tú	71	83	
3672	TG001	31191025712	Phan Kim	Thành	68	72	
3673	TG001	31191020639	Nguyễn Phương	Thảo	57	69	
3674	TG001	31191021143	Phạm Thị Phương	Thảo	77	82	
3675	TG001	31191025471	Lê Cao	Thiên	68	66	
3676	TG001	31191020326	Trần Đức	Thịnh	70	74	
3677	TG001	31191024009	Võ Minh	Thuận	71	74	
3678	TG001	31191020573	Lê Hoàng Duy	Thùy	69	73	
3679	TG001	31191025313	Đinh Thị Minh	Thư	68	75	
3680	TG001	31191026871	Nguyễn Anh	Thư	66	75	
3681	TG001	31171020179	Mạc Như Hoài	Thương	58	68	
3682	TG001	31191026684	Đào Thiên	Trang	69	74	
3683	TG001	31191024092	Ninh Hoàng Thanh	Trang	68	71	
3684	TG001	31191026025	Nguyễn Thị Quế	Trân	67	70	
3685	TG001	31191021583	Trần Thị Quế	Trân	69	79	
3686	TG001	31191027007	Trương Thanh	Uyên	69	82	
3687	TG001	31191024240	Nguyễn Ngọc Thảo	Vân	70	77	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
3688	TG001	31191025117	Phú Uyên	Vi	76	83	
3689	TG001	31191026560	Lê	Vinh	68	70	
3690	TG001	31191027110	Trần Lê Hải	Yến	70	81	
3691	TG002	31181023938	Nguyễn Trương Ngọc	Ánh	48	56	
3692	TG002	31191024958	Lê Thanh	Ẩn	72	76	
3693	TG002	31191021552	Châu Thị Thu	Bình	71	82	
3694	TG002	31191026740	Nguyễn Như Tiến	Dũng	68	76	
3695	TG002	31191026935	Đỗ Lê Nguyên	Duy	68	72	
3696	TG002	31191026746	Trần Mậu Minh	Đức	72	82	
3697	TG002	31191026748	Lương Thị Châu	Giang	72	81	
3698	TG002	31191021401	Ngô Trường	Giang	69	74	
3699	TG002	31191021824	Danh Thị Quế	Hân	67	83	
3700	TG002	31191026773	Phạm Quốc	Hoàng	64	68	
3701	TG002	31191020397	Lê Mỹ	Huyền	68	74	
3702	TG002	31191026291	Lê Thị Thu	Hương	69	75	
3703	TG002	31191025762	Trần Thị Thu	Hương	67	68	
3704	TG002	31191023431	Đặng Lê Minh	Khôi	69	67	
3705	TG002	31191023453	Trần Nhật	Lam	69	78	
3706	TG002	31191021234	Huỳnh Phan Thùy	Linh	69	78	
3707	TG002	31191023529	Ngô Nguyễn Phượng	Mai	69	69	
3708	TG002	31191021585	Lê Bùi Yến	My	68	78	
3709	TG002	31191024428	Nguyễn Triệu Phương	Nam	75	89	
3710	TG002	31191025585	Nguyễn Ngọc Hoàng	Ngân	69	69	
3711	TG002	31191025953	Ngô Bá	Nguyên	67	64	
3712	TG002	31191022144	Trần Thị Hạnh	Nguyên	74	90	
3713	TG002	31191021694	Trần Uyển	Nhi	70	84	
3714	TG002	31191020279	Vũ Yến	Nhi	69	73	
3715	TG002	31191025053	Vòng Bắc	Phùng	68	75	
3716	TG002	31191020391	Phan Ngọc	Quyên	68	80	
3717	TG002	31181022457	Dương Thị Như	Quỳnh	65	74	
3718	TG002	31191021421	Bùi Thị Cẩm	Sang	69	79	
3719	TG002	31191024849	Nguyễn Hồng	Sơn	65	66	
3720	TG002	31191024658	Ngô Quang	Tuấn	69	64	
3721	TG002	31191021121	Bùi Thị Bé	Thanh	74	81	
3722	TG002	31191021306	Lê Mỹ	Thanh	67	75	
3723	TG002	31191026864	Nguyễn Thị	Thắm	68	78	
3724	TG002	31181023432	Võ Văn	Thiện	52	65	
3725	TG002	31191021135	Lê Tiến	Thịnh	69	68	
3726	TG002	31191025826	Nguyễn Thị Kim	Thoa	71	83	
3727	TG002	31191026873	Đậu Thị Thương	Thương	73	75	
3728	TG002	31191026874	Lê Thị	Thương	53	74	
3729	TG002	31191022215	Huỳnh Diễm	Trâm	67	79	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
3730	TG002	31191026356	Nguyễn Thị Bích	Trâm	70	75	
3731	TG002	31191025924	Phạm Ngọc	Trâm	69	66	
3732	TG002	31191021282	Nguyễn Lê Ái	Vy	69	68	
3733	TG002	31191025227	Lưu Thị Kim	Xuân	59	79	
3734	TG002	31191027462	Đặng Thị Xuân	Yến	69	75	
3735	TGC01	31191023080	Vũ Tiến	Anh	76	78	
3736	TGC01	31191023097	Ngô Hữu Gia	Bảo	74	71	
3737	TGC01	31191024689	Vũ Đức	Dương	61	80	
3738	TGC01	31191023199	Phan Tiến	Đạt	67	75	
3739	TGC01	31191023226	Võ Hoàng	Đức	66	69	
3740	TGC01	31191025148	Đoàn Văn	Giàu	74	69	
3741	TGC01	31191023248	Lê Viết	Hải	68	75	
3742	TGC01	31191025541	Ngô Quốc	Hào	71	65	
3743	TGC01	31191025542	Lê Thị Ngọc	Hằng	72	71	
3744	TGC01	31191027128	Võ Thị Nguyệt	Huyền	69	76	
3745	TGC01	31191026793	Nguyễn Khánh	Linh	71	84	
3746	TGC01	31191025395	Phạm Thùy	Linh	69	77	
3747	TGC01	31191020734	Thái Hoàng	Linh	67	89	
3748	TGC01	31191021710	Nguyễn Nhật	Long	68	72	
3749	TGC01	31191023574	Hồ Thị Mi	Na	70	74	
3750	TGC01	31191024908	Lê Nguyễn Phương	Ngân	73	66	
3751	TGC01	31191023623	Phạm Quang	Nghị	84	79	
3752	TGC01	31191026162	Nguyễn Mai	Nguyên	75	83	
3753	TGC01	31191023714	Nguyễn Yến	Nhi	73	67	
3754	TGC01	31191020754	Nguyễn Quỳnh	Như	73	71	
3755	TGC01	31191023769	Huỳnh Tấn	Phát	71	62	
3756	TGC01	31191024453	Trần Hải	Phú	70	75	
3757	TGC01	31191023896	Quách Minh	Tài	71	73	
3758	TGC01	31191023903	Bùi Nguyễn Nhật	Tân	67	69	
3759	TGC01	31191026521	Lê Trần Ngọc	Thảo	72	73	
3760	TGC01	31191027420	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	74	77	
3761	TGC01	31191026708	Hà Lê	Vy	78	89	
3762	TK001	31191023030	Lê Đức	Anh	77	69	
3763	TK001	31191021539	Nguyễn Minh Tâm	Anh	68	74	
3764	TK001	31191025232	Phạm Phương	Anh	69	72	
3765	TK001	31191024818	Trần Nguyễn Vân	Anh	70	82	
3766	TK001	31191023132	Hà Thị Kim	Chi	80	93	
3767	TK001	31191026431	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	69	80	
3768	TK001	31191023211	Nguyễn Vũ Nhật	Đoan	56	68	
3769	TK001	31191023257	Nguyễn Thị Minh	Hạnh	61	64	
3770	TK001	31191023319	Nguyễn Thế	Hòa	52	56	
3771	TK001	31191027274	Nguyễn Thái Việt	Hoàng	69	65	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
3772	TK001	31191023330	Bùi Thị Ngọc	Hồng	69	77	
3773	TK001	31191023374	Nguyễn Minh	Hương	69	85	
3774	TK001	31191025572	Nguyễn Thị Thùy	Linh	68	73	
3775	TK001	31191023517	Nguyễn Tiến	Lợi	76	93	
3776	TK001	31191024718	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	77	86	
3777	TK001	31191023532	Trần Châu Thanh	Mai	72	74	
3778	TK001	31191026310	Nguyễn Trung	Nam	69	81	
3779	TK001	31191024837	Trương Huỳnh	Nga	52	59	
3780	TK001	31191025584	Nguyễn Đạt Kim	Ngân	69	86	
3781	TK001	31191023604	Nguyễn Thanh	Ngân	69	85	
3782	TK001	31191025592	Nguyễn Đông	Nghi	69	73	
3783	TK001	31191025176	Phan Thanh	Nhã	65	66	
3784	TK001	31191025598	Hồ Yến	Nhi	70	81	
3785	TK001	31191025029	Ngô Nguyễn Ngọc	Nhi	70	78	
3786	TK001	31191026832	Nguyễn Bùi Ái	Nhi	85	91	
3787	TK001	31191026834	Trần Nguyễn Ý	Nhi	61	73	
3788	TK001	31191023745	Nguyễn Phạm Quỳnh	Như	67	74	
3789	TK001	31191026336	Cao Huỳnh Minh	Quân	72	72	
3790	TK001	31191023874	Nguyễn Mai Phương	Quỳnh	71	69	
3791	TK001	31191027089	Nguyễn Thị Minh	Sao	70	82	
3792	TK001	31191023908	Vũ Ngọc	Tân	66	80	
3793	TK001	31191025212	Nguyễn Thanh	Tuấn	69	77	
3794	TK001	31191027447	Nguyễn Xuân	Tùng	68	68	
3795	TK001	31191024200	Nguyễn Ngọc	Tuyền	68	64	
3796	TK001	31191025111	Nguyễn Trần Sơn	Tuyền	69	80	
3797	TK001	31191025216	Võ Thị Thanh	Tuyền	73	86	
3798	TK001	31191024476	Nguyễn Thị Phương	Thảo	67	75	
3799	TK001	31191025087	Nguyễn Võ Song	Thương	74	75	
3800	TK001	31191024660	Đinh Thị Mỹ	Uyên	69	81	
3801	TK001	31191026239	Trần Thị Phương	Uyên	74	76	
3802	TK001	31191024252	Từ Tuấn	Vĩ	68	65	
3803	TK001	31191026918	Dương Thị Tường	Vy	67	71	
3804	TK002	31191024816	Lê Phương	Anh	69	75	
3805	TK002	31191025136	Bùi Phạm Băng	Châu	69	69	
3806	TK002	31191023192	Nguyễn Thị Thùy	Dương	65	67	
3807	TK002	31191023222	Trần Minh	Đức	66	75	
3808	TK002	31191025677	Lê Đoàn Hương	Giang	68	67	
3809	TK002	31191026439	Huỳnh Lâm Như	Hà	68	77	
3810	TK002	31191026755	Trần Thị Hồng	Hà	68	65	
3811	TK002	31191024984	Trần Thị Thu	Hà	70	73	
3812	TK002	31191023296	Lê Thị Minh	Hiền	68	63	
3813	TK002	31191026388	Lê Thị Thu	Hiền	69	75	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
3814	TK002	31191027351	Nguyễn Trần An	Khang	69	67	
3815	TK002	31191023409	Phan Thị Vân	Khánh	69	70	
3816	TK002	31191024711	Tất Thêm	Lâm	69	78	
3817	TK002	31191025390	Đỗ Hoàng Khánh	Linh	80	80	
3818	TK002	31191025399	Trần Khánh	Ly	69	71	
3819	TK002	31191026304	Võ Hoàng Cẩm	Ly	85	90	
3820	TK002	31191023533	Trần Thúy	Mai	65	68	
3821	TK002	31191025839	Dương Gia	Mẫn	69	78	
3822	TK002	31191027279	Trần Đức	Minh	69	70	
3823	TK002	31191026469	Lương Thảo	My	68	79	
3824	TK002	31191023565	Nguyễn Ngọc Trà	My	71	79	
3825	TK002	31191020906	Ngô Thái	Nghĩa	73	85	
3826	TK002	31191025773	Bùi Thảo	Ngọc	69	75	
3827	TK002	31191025430	Trần Trí	Nhân	68	69	
3828	TK002	31191024602	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	66	66	
3829	TK002	31191025437	Đỗ Thị Quỳnh	Như	65	64	
3830	TK002	31191026334	Nguyễn Lê Hoàng	Phong	74	69	
3831	TK002	31191025294	Phạm Huỳnh Lan	Phương	69	68	
3832	TK002	31191025958	Trần Thị Lệ	Quyên	71	71	
3833	TK002	31191024629	Hoàng Trọng Anh	Tài	63	59	
3834	TK002	31191025316	Nguyễn Trung	Tín	68	63	
3835	TK002	31191024925	Nguyễn Việt Anh	Thắng	69	67	
3836	TK002	31181022937	Hồ Thị Thu	Thúy	64	64	
3837	TK002	31191026352	Võ Đàm Xuân	Trà	70	81	
3838	TK002	31191024862	Đỗ Hoàng	Trang	71	80	
3839	TK002	31191026881	Nguyễn Thị Kiều	Trang	69	79	
3840	TK002	31191024778	Nguyễn Thị Thùy	Trang	68	69	
3841	TK002	31191026355	Trần Thị Thùy	Trang	67	80	
3842	TK002	31191025205	Dương Ngọc Bảo	Trân	62	68	
3843	TK002	31191026895	Lê Anh	Trung	69	70	
3844	TK002	31191026360	Huỳnh Cao	Trực	65	65	
3845	TK002	31191024211	Huỳnh Nguyễn Phương	Uyên	72	75	
3846	TK002	31191026558	Võ Vương Khánh	Viên	69	74	
3847	TK002	31191027157	Cao Khánh	Vũ	74	69	
3848	TK002	31181026049	Vi Thị Tường	Vy	67	69	
3849	TQ001	31191023023	Hà Vũ Minh	Anh	59	74	
3850	TQ001	31191023037	Lê Vân	Anh	69	77	
3851	TQ001	31191026243	Võ Thị Phương	Anh	69	81	
3852	TQ001	31191024533	Ngô Thị Bích	Châu	68	85	
3853	TQ001	31191027311	Nguyễn Ngọc Minh	Châu	71	83	
3854	TQ001	31191027163	Nguyễn Triều	Châu	65	68	
3855	TQ001	31191022359	Hoàng Hải	Đan	92	94	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
3856	TQ001	31191027200	Nguyễn Văn	Đức	82	92	
3857	TQ001	31191027327	Nguyễn Thị Khánh	Hà	69	78	
3858	TQ001	31191025810	Trần Lê Như	Hảo	69	79	
3859	TQ001	31191020443	Hoàng Lê Thu	Hằng	69	76	
3860	TQ001	31191025942	Trần Ngọc Bảo	Hân	69	79	
3861	TQ001	31191027335	Ngô Xuân	Hiếu	87	89	
3862	TQ001	31191022283	Phùng Ngân	Huy	72	89	
3863	TQ001	31191026948	Võ Đào Xuân	Hương	89	90	
3864	TQ001	31191021675	Lê Cao Hoàng	Kim	69	69	
3865	TQ001	31191026066	Ngô Quang Tường	Khánh	66	70	
3866	TQ001	31191026465	Nguyễn Thị Phương	Linh	74	90	
3867	TQ001	31191026149	Trần Thị Kim	Lợi	69	80	
3868	TQ001	31191020948	Nguyễn Thị Quỳnh	Mai	70	84	
3869	TQ001	31191027075	Nguyễn Lê	Na	71	86	
3870	TQ001	31191027376	Giang Hồng	Ngọc	68	75	
3871	TQ001	31191021697	Võ Bảo	Ngọc	54	70	
3872	TQ001	31191026491	Ngụy Thị Thu	Nhân	73	84	
3873	TQ001	31191026493	Võ Long	Nhật	69	83	
3874	TQ001	31191026400	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	69	74	
3875	TQ001	31191025880	Dương Tấn	Phước	90	94	
3876	TQ001	31191020488	Bùi Thụy Hồng	Phương	77	84	
3877	TQ001	31191027228	Lê Thanh	Phương	80	94	
3878	TQ001	31191027229	Nguyễn Quỳnh	Phương	77	86	
3879	TQ001	31191021947	Lê Nguyễn Thanh	Tuyến	69	78	
3880	TQ001	31191025625	Đặng Ngọc Duy	Thanh	82	86	
3881	TQ001	31191024808	Trương Đình	Thịnh	69	65	
3882	TQ001	31191025079	Nguyễn Thị Minh	Thúy	63	76	
3883	TQ001	31191024810	Trương Hoài	Thương	75	81	
3884	TQ001	31191024049	Nguyễn Bảo	Thy	69	78	
3885	TQ001	31191025315	Nguyễn Trọng Quỳnh	Thy	67	79	
3886	TQ001	31191025318	Nguyễn Thị Bích	Trâm	67	67	
3887	TQ001	31191021207	Phan Thị Bích	Trâm	69	73	
3888	TQ001	31191024125	Hồ Quốc	Trí	71	65	
3889	TQ001	31191025506	Nguyễn Thái Phương	Vi	71	81	
3890	TQ001	31191024869	Nguyễn Hồng Ngọc	Viên	69	76	
3891	TQ001	31191027010	Trần Ngọc	Viễn	82	96	
3892	TQ001	31191025118	Nguyễn Công	Vĩnh	71	84	
3893	TQ001	31191024870	Huỳnh Ngọc Khánh	Vy	73	86	
3894	TQ001	31191025660	Nguyễn Khã	Vy	69	65	
3895	TQ001	31191026205	Nguyễn Lê Khánh	Vy	72	82	
3896	TQ001	31191027192	Võ Hà	Vy	69	74	
3897	TQ001	31191025663	Võ Yến	Vy	72	81	

STT	Lớp	MSSV	Họ	Tên	Điểm rèn luyện		Ghi chú
					HK7	Toàn khóa	
3898	TT001	31191025972	Nguyễn Quốc	Anh	55	71	
3899	TT001	31191023200	Trần Huy	Đạt	70	61	
3900	TT001	31191027122	Đặng Thị Diệu	Hoa	71	74	
3901	TT001	31191025556	Hồ Mỹ	Huyền	66	77	
3902	TT001	31191024568	Nguyễn Thị	Lan	70	78	
3903	TT001	31191025158	Nguyễn Ngọc	Lâm	65	67	
3904	TT001	31191026145	Lê Dương	Linh	70	70	
3905	TT001	31191020757	Trần Lê Ngọc	Mai	72	77	
3906	TT001	31191026966	Phạm Văn	Mẫn	83	74	
3907	TT001	31191024839	Nguyễn Huỳnh Thủy	Ngân	61	68	
3908	TT001	31191021254	Võ Nguyễn Thảo	Nguyên	77	76	
3909	TT001	31191020196	Hồ Hồng	Phụng	67	80	
3910	TT001	31191023888	Nguyễn Bích	Riệp	69	75	
3911	TT001	31191024469	Trương Minh	Tâm	58	66	
3912	TT001	31191024495	Thái Bá Trung	Tín	57	61	
3913	TT001	31191025463	Nguyễn Nguyên	Thái	52	55	
3914	TT001	31191027238	Nguyễn Thị Phương	Thảo	68	77	
3915	TT001	31191023988	Vũ Đức	Thiện	70	65	
3916	TT001	31191025206	Ngô Nguyễn Kiều	Trân	68	73	
3917	TT001	31191026699	Bùi Nhật Khánh	Trinh	71	79	
3918	TT001	31191026194	Bùi Thị Mỹ	Trinh	67	72	
3919	TT001	31191024657	Nguyễn Tiến	Trung	71	71	
3920	TT001	31191026924	Lê Thanh	Xuân	68	64	
	AB001	31181022007	Phan Thị Kim	Ngọc	51	50	Nghỉ học
	ER001	31191026501	Trương Thị Tố	Nữ	49	50	Nghỉ học
	IBC01	31191023737	Trần Võ Hồng	Nhung	54	74	Nghỉ học
	PF001	31191023839	Lý Hoàng Minh	Quân	51	52	Nghỉ học
	ST001	31181025615	Dương Trần Bảo	Trân	51	57	Nghỉ học

Phân loại kết quả rèn luyện:

- Từ 90 đến 100 điểm: Xuất sắc
- Từ 80 đến 89 điểm: Tốt
- Từ 65 đến 79 điểm: Khá
- Từ 50 đến 64 điểm: Trung bình
- Từ 35 đến 49 điểm: Yếu
- Dưới 35 điểm: Kém

Danh sách gồm 94 trang, có 3.920 sinh viên K45 - ĐHCQ (trừ ngành Kế toán và chương trình Cử nhân tài năng) được công nhận kết quả rèn luyện sinh viên học kỳ 7 và toàn khóa học.